

Số: 3664 /QĐ-UBND

Nghệ An, ngày 14 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, Kế hoạch đầu tư công năm 2025 và Kế hoạch đầu tư công năm 2024 được cấp có thẩm quyền kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025 nguồn ngân sách cấp huyện (trước khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp) vào ngân sách tỉnh hoặc ngân sách cấp xã (đợt 2)

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật dự trữ Quốc gia, Luật xử lý vi phạm hành chính số 56/2024/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu thầu; Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP); Luật Hải quan; Luật Thuế giá trị gia tăng; Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Luật Đầu tư; Luật Đầu tư công; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; Nghị định số 275/2025/NĐ-CP ngày 18/10/2025 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025;

Căn cứ Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị quyết số 1678/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XV về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Nghệ An năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 10/7/2025 của HĐND tỉnh Nghệ An về việc giao điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và Kế hoạch đầu tư công năm 2025 (bao gồm Kế hoạch đầu tư công năm 2024 được cấp có thẩm quyền kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025) của ngân sách cấp huyện vào ngân sách cấp tỉnh hoặc ngân sách cấp xã;

Theo đề nghị Sở Tài chính tại Công văn số 6908/STC-THQH ngày 10/10/2025, số 7533/STC-THQH ngày 28/10/2025 về việc trình dự thảo Quyết định điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, Kế hoạch đầu tư công năm 2025 và Kế hoạch đầu tư công năm 2024 được cấp có thẩm quyền kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025 của ngân



sách cấp huyện vào ngân sách tỉnh hoặc ngân sách cấp xã (đợt 2) và Công văn số 8087/STC-KTN ngày 12/11/2025 về việc trình dự thảo Quyết định điều chỉnh kế hoạch đầu tư công cấp huyện về cấp tỉnh hoặc cấp xã (đợt 3).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, Kế hoạch đầu tư công năm 2025 và Kế hoạch đầu tư công năm 2024 được cấp có thẩm quyền kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025 nguồn ngân sách các huyện: Diên Châu, Nam Đàn, Nghĩa Đàn, Tương Dương, Tân Kỳ, Nghi Lộc, Đô Lương, Quỳnh Lưu (trước khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp) vào ngân sách tỉnh đối với các nhiệm vụ, dự án có chủ đầu tư hoặc đơn vị tiếp nhận nhiệm vụ là các Sở, ngành, Ban quản lý dự án cấp tỉnh, các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND cấp tỉnh và trực thuộc các Sở, ngành khối chính quyền cấp tỉnh.

(Chi tiết tại biểu số 1,2,3,4,5,6,7,8 kèm theo)

Điều 2. Giao UBND các xã, phường thực hiện điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, Kế hoạch đầu tư công năm 2025 và Kế hoạch đầu tư công năm 2024 được cấp có thẩm quyền kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025 nguồn ngân sách các huyện: Diên Châu, Nam Đàn, Nghĩa Đàn, Tương Dương, Tân Kỳ, Nghi Lộc, Đô Lương, Quỳnh Lưu (trước khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp) vào ngân sách cấp xã đối với các nhiệm vụ, dự án có chủ đầu tư hoặc đơn vị tiếp nhận nhiệm vụ là UBND các xã, phường, các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND cấp xã quản lý theo đúng quy trình, quy định của Luật Đầu tư công.

(Chi tiết tại biểu số 9,10,11,12,13,14,15,16 kèm theo)

Điều 3. Giao bổ sung dự toán chi đầu tư phát triển ngân sách cấp xã với số tiền: **533.863,048079 triệu đồng** để thực hiện các dự án được giao tại Điều 2 Quyết định này. Giao Sở Tài chính thông báo và thực hiện cấp phát nguồn kinh phí cho cấp xã theo tiến độ nguồn thu tiền sử dụng đất, bảo đảm đúng quy định tại khoản 7 Điều 7 Thông tư số 88/2024/TT-BTC ngày 20/12/2024 của Bộ Tài chính về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2025.

(Chi tiết tại biểu số 17 kèm theo)

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Các chủ đầu tư có trách nhiệm:

a) Tập trung chỉ đạo quyết liệt triển khai thực hiện và giải ngân 100% Kế hoạch đầu tư công năm 2025 và Kế hoạch đầu tư công năm 2024 được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025 bảo đảm hiệu quả và đúng quy định của pháp luật.

b) Định kỳ trước ngày 03 hằng tháng, hằng quý, báo cáo tiến độ thực hiện và giải ngân từng dự án gửi về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

c) Tập trung rà soát lại toàn bộ các dự án được giao Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025, tuyệt đối không triển khai thực hiện các dự án khi chưa được giao kế hoạch vốn hàng năm gây nợ đọng xây dựng cơ bản. Trong đó, đối với các dự án đã hoàn thành đưa vào sử dụng: tập trung rà soát hồ sơ, tài liệu để

trình cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán theo quy định; đối với các dự án dở dang, dự án mới chưa triển khai thi công: tập trung rà soát, kịp thời đề xuất cấp có thẩm quyền dừng thực hiện hoặc chọn điểm dừng kỹ thuật hợp lý bảo đảm các hạng mục đã đầu tư được đưa vào sử dụng phát huy hiệu quả; chỉ đề xuất cấp có thẩm quyền tiếp tục bố trí vốn trong giai đoạn 2026-2030 các dự án thật sự cần thiết, cấp bách, phù hợp với khả năng cân đối nguồn vốn; giao chủ đầu tư tổng hợp phương án rà soát, gửi về Sở Tài chính **trước ngày 25/11/2025** để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

2. Sở Tài chính:

a) Tổng hợp báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh quyết định điều chỉnh dự toán chi đầu tư phát triển năm 2025 theo quy định.

b) Chủ trì, hướng dẫn các địa phương thực hiện cấp phát, thanh toán và hạch toán nguồn vốn ngân sách bổ sung; đồng thời thực hiện nhập Tabmis đối với các dự án thuộc cấp tỉnh theo tiến độ nguồn thu, bảo đảm giải ngân kịp thời, đúng quy định.

c) Chủ trì theo dõi, tổng hợp tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn ngân sách tỉnh, báo cáo UBND tỉnh định kỳ hằng tháng, quý.

3. Các Sở quản lý xây dựng chuyên ngành và các cơ quan, đơn vị liên quan: Tập trung phối hợp với các chủ đầu tư xử lý các hồ sơ thủ tục, khó khăn, vướng mắc (nếu có) bảo đảm hoàn thành giải ngân Kế hoạch đầu tư công năm 2025 và Kế hoạch đầu tư công năm 2024 được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025.

4. Đề nghị Kho bạc Nhà nước khu vực XI:

a) Thực hiện công tác giải ngân bảo đảm theo đúng quy định hiện hành.

b) Định kỳ trước ngày 03 hằng tháng, hằng quý, gửi báo cáo tình hình giải ngân của từng dự án về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; các Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực; Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực XI; Chủ tịch UBND các xã, phường; các chủ đầu tư và Thủ trưởng các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc kịp thời phản ánh về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, giải quyết bảo đảm theo đúng quy định./. 

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Tài chính;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Cơ quan UBMTTQ tỉnh;
- CVP, các PVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT (X.Tuấn).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Bùi Thanh An

**Biểu số 1: KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025; KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025
NGUỒN NGÂN SÁCH HUYỆN DIỄN CHÂU (CŨ) ĐIỀU CHỈNH VÀO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH TỈNH**

(Kèm theo Quyết định số **3664** /QĐ-UBND ngày **14** tháng **11** năm 2025 của UBND tỉnh Nghệ An)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Mã dự án đầu tư	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã ngành kinh tế	Nghị quyết/Quyết định chủ trương đầu tư, Quyết định đầu tư, QĐ điều chỉnh CTĐT, QĐ điều chỉnh quyết định đầu tư/QĐ phê duyệt quyết toán		Chủ đầu tư (sau khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp)/Đơn vị tiếp nhận nhiệm vụ	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch năm 2025	Ghi chú
					Số quyết định, ngày tháng năm	TMDT				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	TỔNG SỐ					175.083		92.638	8.840	
1	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường 205 đoạn từ Quốc Lộ 7A đi xã Diễn Phúc, Diễn Tân, Diễn Thọ, huyện Diễn Châu	7982009	Phòng giao dịch số 17 - Kho bạc Nhà nước Khu vực XI	292	3358/QĐ-UBND ngày 07/10/2022	25.133	Sở Xây dựng	25.638	3.265	KH 2025: nguồn thu sử dụng đất
2	Xây dựng tuyến đường ĐH.261 nối QL.1 và đường ven biển qua các xã Diễn Hồng, Diễn Phong, Diễn Mỹ và Diễn Hải, huyện Diễn Châu.	8077441	Phòng giao dịch số 17 - Kho bạc Nhà nước Khu vực XI	292	287/QĐ-UBND ngày 29/1/2024	75.000	Sở Xây dựng	55.000	3.100	KH 2025: nguồn thu sử dụng đất
3	Tuyến đường giao thông liên xã Diễn Lộc, Diễn An, Diễn Phú	7940585	Phòng giao dịch số 17 - Kho bạc Nhà nước Khu vực XI	292	36/NQ-HĐND 13/8/2021; 4690/QĐ-UBND 03/12/2021	60.000	Sở Xây Dựng		130	KH 2025: nguồn thu sử dụng đất
4	Cải tạo, sửa chữa đường giao thông liên xã từ xã Diễn Thái đi xã Diễn Nguyên, huyện Diễn Châu	8084888	Phòng giao dịch số 17 - Kho bạc Nhà nước Khu vực XI	292	1073/QĐ-UBND ngày 19/4/2024	14.950	Sở Xây dựng	12.000	2.345	KH 2025: nguồn thu sử dụng đất

Biểu số 2: KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025; KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 VÀ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN SANG NĂM 2025
NGUỒN NGÂN SÁCH HUYỆN NAM ĐÀN (CŨ) ĐIỀU CHỈNH VÀO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH TỈNH

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Mã dự án đầu tư	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã ngành kinh tế	Nghị quyết/Quyết định chủ trương đầu tư, Quyết định đầu tư, QĐ điều chỉnh CTĐT, QĐ điều chỉnh quyết định đầu tư/QĐ phê duyệt quyết toán		Chủ đầu tư (sau khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp)/Đơn vị tiếp nhận nhiệm vụ	KH trung hạn giai đoạn 2021-2025	KH 2025	Kế hoạch năm 2024 đã được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài sang năm 2025	Ghi chú
					Số quyết định, ngày tháng năm	TMDT					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	Tổng số					452.060		130.950	26.014,472	17.719,996707	
I	Bổ sung quỹ Ngân hàng chính sách huyện						Chi nhánh ngân hàng chính sách tỉnh	2.000	1.250		KH 2025: Nguồn sử dụng đất
II	Lĩnh vực giao thông					452.060		126.450	23.500	17.000,278707	
1	Nâng cấp, mở rộng một số tuyến đường trên địa bàn huyện Nam Đàn (Tuyến huyện ĐH08 tuyến Côn Bụt - Nam Lĩnh đoạn QL46C đến đường Vành đai phía Bắc)	8007245	Phòng GD số 18-KBNN khu vực XI	292	36//NQ-HĐND tỉnh	80.230	Ban QLDA ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	24.000		40,873	
2	Đường GT nối QL46 đến Khu di tích Kim Liên đến đền Nhận Tháp xã Hồng Long	8078233	Phòng GD số 18-KBNN khu vực XI	292	23/NQ-HĐND tỉnh	230.000	Ban QLDA ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	45.000	10.000	16.380	KH 2025: Nguồn sử dụng đất
3	Đường Lê Hồng Sơn từ QL46C đi xã Nam Anh (Đường tỉnh 539B đoạn Km0+00 đến Km6+400)	8034868	Phòng GD số 18-KBNN khu vực XI	292	37/NQ-UBND tỉnh	126.880	Ban QLDA ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	37.450	7.000	293,387707	KH 2025: Nguồn sử dụng đất
4	Đường huyện ĐH03 tuyến Thị trấn - Văn Diên - Nam Thái đoạn từ Lũ đoàn Công binh 414 đi QL46	8121541	Phòng GD số 18-KBNN khu vực XI	292	25/NQ-HĐND 20/12/2023, 4364/QĐ-UBND 14/11/2024 của UBND huyện Nam Đàn	14.950	Ban QLDA ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	20.000	6.500	286,018	KH 2025: Nguồn sử dụng đất
III	Lĩnh vực khác							2.500	1.264,472	719,718	
1	Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu kỳ quy hoạch huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An		Phòng GD số 18-KBNN khu vực XI				Sở Nông nghiệp và Môi trường	2.500		294,885	
2	Điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng huyện Nam Đàn đến 2030, tầm nhìn đến 2050 (tỷ lệ 1/25.000)		Phòng GD số 18-KBNN khu vực XI				Sở Xây dựng			400	
3	Cải tạo cảnh quan môi trường hai bên đường vành đai phía Bắc đoạn từ xã Nam Anh - Nam Lĩnh và đoạn từ chùa Viên Quang - Cầu Đồn, huyện Nam Đàn		Phòng GD số 18-KBNN khu vực XI				Sở Nông nghiệp và Môi trường			24,833	
4	Lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Nam Đàn								1.264,472		KH 2025: Nguồn sử dụng đất

Ghi chú: Việc điều chỉnh kế hoạch căn cứ theo các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân huyện Nam Đàn và Quyết định của Ủy ban nhân dân huyện Nam Đàn (trước khi thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp)

Biểu số 3: KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 NGUỒN NGÂN SÁCH HUYỆN NGHĨA ĐÀN (CŨ) ĐIỀU CHỈNH VÀO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH CẤP TỈNH

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của UBND tỉnh Nghệ An)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Mã dự án đầu tư	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã ngành kinh tế	Nghị quyết/Quyết định chủ trương đầu tư, Quyết định đầu tư, QĐ điều chỉnh CTĐT, QĐ điều chỉnh quyết định đầu tư/QĐ phê duyệt quyết toán		Chủ đầu tư (sau khi thực hiện CQĐP 2 cấp/Đơn vị tiếp nhận nhiệm vụ	KH trung hạn giai đoạn 2021-2025	KH 2025	Ghi chú
					Số quyết định, ngày tháng năm	TMĐT				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	TỔNG SỐ					13.078		-	6.081,26	
1	Lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Nghĩa Đàn	8136030	phòng GD số 21-KBNN KV XI		2327/QĐ-UBND ngày 10/6/2025	1.078	Sở Nông nghiệp và Môi trường		481,26	Nguồn thu sử dụng đất
2	Đường GT liên xã Nghĩa Minh đi Nghĩa Yên, huyện Nghĩa Đàn	8004681	phòng GD số 21-KBNN KV XI	292	Nghị Quyết số 22/NQ-HĐND ngày 10/12/2021	12.000	Sở Xây dựng		5.100	Vốn đầu tư phát triển: 4500 trđ; vốn chuyển nguồn 600 trđ
3	Hỗ trợ nguồn vốn để ủy thác cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách theo Công văn số 8373/UBND-KT ngày 27/9/2024 của UBND tỉnh Nghệ An.		phòng GD số 21-KBNN KV XI		Công văn số 8373/UBND-KT ngày 27/9/2024 của UBND tỉnh Nghệ An.		Ngân hàng CSXH chi nhánh tỉnh Nghệ An		500	Nguồn thu sử dụng đất

Ghi chú: Việc điều chỉnh căn cứ các Quyết định của UBND huyện Nghĩa Đàn: Quyết định số: 482/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND huyện về việc cấp vốn xây dựng cơ bản từ nguồn vốn đầu tư phát triển theo quy định về cơ chế quản lý, điều hành NSNN năm 2025; Quyết định 1371 /QĐ-UBND ngày 14/4/2025 về việc cấp kinh phí XD CB từ nguồn chuyển nguồn 2024 sang 2025; Quyết định số 1777/QĐ-UBND ngày 09/5/2025 cấp kinh phí XD CB từ nguồn chuyển nguồn NSNN năm 2024 sang 2025 (đợt 2); Quyết định số 2368/QĐ-UBND ngày 12/6/2025 cấp kinh phí thanh toán vốn XD CB năm 2025;; Quyết định 1432/QĐ-UBND điều chỉnh KH vốn tại QĐ số 482/QĐ-UBND; 1433/QĐ-UBND ngày 16/4/2025 cấp kinh phí từ nguồn thu tiền sử dụng đất (đợt 1); 2372/QĐ-UBND ngày 12/6/2025

**Biểu số 4: KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 VÀ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025
NGUỒN NGÂN SÁCH HUYỆN TƯƠNG DƯƠNG (CỦ) ĐIỀU CHỈNH VÀO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH TỈNH**

(Kèm theo Quyết định số **3664** /QĐ-UBND ngày **14** tháng **11** năm 2025 của UBND tỉnh Nghệ An)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Mã dự án đầu tư	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã ngành kinh tế	Nghị quyết/Quyết định chủ trương đầu tư, Quyết định đầu tư, QĐ điều chỉnh CTĐT, QĐ điều chỉnh quyết định đầu tư/QĐ phê duyệt quyết toán		Chủ đầu tư (sau khi thực hiện CQĐP 2 cấp)/Đơn vị tiếp nhận nhiệm vụ	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch năm 2025	Kế hoạch các năm trước kéo dài sang năm 2025	Ghi chú
					Số quyết định, ngày tháng năm	TMBT					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	TỔNG SỐ					56.400		16.010	4.781	7.323,479	
I	Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp					10.900		9.460	-	6.017,51	
1	Xây dựng các hạng mục phụ trợ các trường học còn thiếu cơ sở vật chất trên địa bàn huyện Tương Dương	8128111	PGD số 27-KBNN K VXI	072	2772/QĐ-UBND ngày 10/12/2024	7.700	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Nghệ An	3.460	-	3.108,94	KH vốn năm 2024 kéo dài sang năm 2025 tại Quyết định số 496/QĐ-UBND ngày 18/3/2025 của UBND huyện Tương Dương
2	Xây dựng nhà vệ sinh các trường và điểm trường (Mầm non Nga My, mầm non Yên Tĩnh, mầm non Lượng Minh, tiểu học Lượng Minh, tiểu học Lưu Kiền	7979295	PGD số 27-KBNN K VXI	071	17/NQ-HĐND ngày 25/10/2024	3.200	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Nghệ An	6.000	-	2.908,57	KH vốn năm 2024 kéo dài sang năm 2025 tại Quyết định số 496/QĐ-UBND ngày 18/3/2025 của UBND huyện Tương Dương
II	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội					45.500		6.550	4.781	1.305,969	
1	Trụ sở làm việc Đảng ủy – HĐND – UBND xã Yên Thắng, xã Xiêng My, xã Tam Hợp, xã Hữu Khuống, xã Nhôn Mai và xã Mai Sơn, huyện Tương Dương	7939848	PGD số 27-KBNN K VXI		3837/QĐ-UBND ngày 5/12/2022; 864/QĐ-UBND ngày 17/8/2023	45.500	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Nghệ An	6.550	4.781	1.305,969	Nguồn tăng thu tiết kiệm chi ngân sách năm 2024 (QĐ 1299 ngày 6/6/2025)

Ghi chú: Việc điều chỉnh kế hoạch căn cứ theo các Nghị quyết của HĐND huyện Tương Dương (trước khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp) số: 28/NQ-HĐND ngày 28/12/2021 về kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách huyện giai đoạn 2021-2025; số 20/NQ-HĐND ngày 25/12/2023 về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách huyện giai đoạn 2021-2025; 28/NQ-HĐND ngày 25/12/2024 về kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách huyện năm 2025; các Quyết định của UBND huyện Tương Dương (trước khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp) số: 496/QĐ-UBND ngày 18/3/2025 về việc chi chuyển nguồn năm 2024 sang 2025; 1237/QĐ-UBND ngày 30/5/2025 về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch vốn đầu tư; số 1299/QĐ-UBND ngày 6/6/2025 về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch vốn đầu tư và Biểu rà soát của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Tương Dương (đóng dấu treo).

**Biểu số 5: KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 VÀ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025
NGUỒN NGÂN SÁCH HUYỆN TÂN KỲ (CŨ) ĐIỀU CHỈNH VÀO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH TỈNH**

(Kèm theo Quyết định số ~~366A~~ /QĐ-UBND ngày ~~44~~ tháng năm 2025 của UBND tỉnh Nghệ An)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Mã dự án đầu tư	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã ngành kinh tế	Nghị quyết/Quyết định chủ trương đầu tư, Quyết định đầu tư, QĐ điều chỉnh CTĐT, QĐ điều chỉnh quyết định đầu tư/QĐ phê duyệt quyết toán		Chủ đầu tư (sau khi thực hiện CQDP 2 cấp)/Đơn vị tiếp nhận nhiệm vụ	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 cấp huyện sau điều chỉnh lần cuối	Kế hoạch năm 2025	Ghi chú
					Số quyết định, ngày tháng năm	TMDT				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	TỔNG SỐ					3.893			1.270	
I	Y tế, dân số và gia đình									
1	Sửa chữa nhà thiết bị y tế trung tâm y tế Tân Kỳ	8018352	PGD số 19-KBNN K VXI	132	Quyết định phê duyệt báo cáo KTKT: 6290/QĐ-UBND ngày 13/12/2022 của UBND huyện Tân Kỳ	2.500	Trung tâm Y tế Tân Kỳ		450	Nguồn thu sử dụng đất
II	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội									
1	Kè chống sạt lở và xây dựng hàng rào Ban CHQS huyện Tân Kỳ	7004686	PGD số 19-KBNN K VXI	11	Quyết định quyết toán: 37/QĐ-UBND ngày 07/1/2024 của UBND huyện Tân Kỳ	1.393	BCH phòng thủ khu vực số 5		300	Nguồn thu sử dụng đất
III	Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật									
1	Ủy thác cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác		PGD số 19-KBNN K VXI				Ngân hàng CSXH chi nhánh tỉnh Nghệ An		520	Nguồn thu sử dụng đất

Ghi chú: Việc điều chỉnh kế hoạch căn cứ theo các Nghị quyết của HĐND huyện Tân Kỳ (trước khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp) số: 44/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về việc bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách huyện giai đoạn 2021-2025 để thực hiện các dự án thuộc Chương trình MTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025; số 88/NQ-HĐND ngày 18/12/2024 về kế hoạch đầu tư công năm 2025; số 101/NQ-HĐND ngày 30/5/2025 về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2025; Quyết định của UBND huyện Tân Kỳ (trước khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp) số: 4890/QĐ-UBND ngày 18/12/2024 về việc giao chỉ tiêu kế hoạch đầu tư công năm 2025; số 2729/QĐ-UBND ngày 3/6/2025 về việc giao chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2025 và Biểu rà soát của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Tân Kỳ (đóng dấu treo).

Biểu số 6: KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025; KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2024 ĐÃ ĐƯỢC CẤP CÓ THẨM QUYỀN CHO PHÉP KÉO DÀI SANG NĂM 2025 NGUỒN NGÂN SÁCH HUYỆN NGHI LỘC (CỦ) ĐIỀU CHỈNH VÀO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH CẤP TỈNH

(Kèm theo Quyết định số 3664 /QĐ-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2025 của UBND tỉnh Nghệ An)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Mã dự án đầu tư	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã ngành kinh tế	Nghị quyết/Quyết định chủ trương đầu tư, Quyết định đầu tư, QĐ điều chỉnh CTĐT, QĐ điều chỉnh quyết định đầu tư/QĐ phê duyệt quyết toán		Chủ đầu tư (sau khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp)/Đơn vị tiếp nhận nhiệm vụ	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch năm 2025	Kế hoạch năm 2024 đã được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài sang năm 2025	Ghi chú
					Số quyết định, ngày tháng năm	TMDT					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	TỔNG SỐ					385.744,596		138.793,566	43.619,926	70.000	
A	Sở Xây dựng					154.498,07		44.450	33.350		
1	Tuyến đường nối huyện Nghi Lộc với thị xã Cửa Lò (đoạn từ đường Chợ Sơn - Phúc Thọ đến đường ven biển từ Nghi Sơn (Thanh Hóa) - Cửa Lò (Nghệ An))	7947440	PGD số 16 - KBNN khu vực XI	292	QĐ 4532/QĐ-UBND ngày 25/11/2021 của UBND tỉnh	90.000	Sở Xây dựng	10.000	8.000		
2	Công trình sửa chữa tuyến đường huyện ĐH.227B từ Nghi Lâm đi Nghi Kiều (đoạn từ cầu Làng Trung đi Ngã 3 Nghi Kiều).	8040709	PGD số 16 - KBNN khu vực XI	292	QĐ 1391/QĐ.UBND ngày 23/05/2023	14.548,07	Sở Xây dựng	14.500	5.400		
3	Cải tạo, mở rộng tuyến đường Chợ Sơn - Phúc Thọ (đoạn từ đường Nguyễn Sinh Cung đi đại lộ Vinh - Cửa Lò), huyện Nghi Lộc	8084536	PGD số 16 - KBNN khu vực XI	292	4032/QĐ-UBND ngày 07/12/2023	49.950	Sở Xây dựng	19.950	19.950		
B	Sở Nông nghiệp và Môi trường					124.546,526		10.343,566	5.999,526		
1	Sửa chữa, nâng cấp hệ thống kênh mương loại III của các hồ đập và trạm bơm huyện Nghi Lộc	7439369	PGD số 16 - KBNN khu vực XI	283	253/QĐ-UBND ngày 01/02/2023	42.648,566	Sở Nông nghiệp và Môi trường	5.343,566	518,566		
2	Cải tạo, nâng cấp tuyến kênh Rào Trường đoạn qua các xã Nghi Trung, Nghi Trường, Nghi Thịnh, Nghi Long và Nghi Xá huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An	7998001	PGD số 16 - KBNN khu vực XI	283	QĐ 3876/QĐ-UBND ngày 07/12/2022 của UBND tỉnh	80.000	Sở Nông nghiệp và Môi trường	5.000	3.583		
3	Lập kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Nghi Lộc	8156725	PGD số 16 - KBNN khu vực XI		QĐ PDQT số 5284 ngày 26/5/2025	1.897,96	Sở Nông nghiệp và Môi trường		1.897,96		
C	Ban Quản lý dự án ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Nghệ An					85.000		70.000		70.000	
1	Nhà khám bệnh, nhà kỹ thuật và hành chính bệnh viện đa khoa huyện Nghi Lộc	8043640	PGD số 16 - KBNN khu vực XI		Nghị quyết 04 ngày 10/5/2021 của HĐND huyện	85.000	Ban Quản lý dự án ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Nghệ An	70.000		70.000	Nguồn đầu giá trị sở cũ: 70 tỷ đồng
D	Trường TC KT-KT Nghi Lộc					6.700		4.500	1.900		
1	Cải tạo, sửa chữa Trường Trung cấp kinh tế - kỹ thuật Nghi Lộc	8070478	PGD số 16 - KBNN khu vực XI	092	5152/QĐ.UBND	6.700	Trường TC KT-KT Nghi Lộc	4.500	1.900		

TT	Danh mục dự án	Mã dự án đầu tư	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã ngành kinh tế	Nghị quyết/Quyết định chủ trương đầu tư, Quyết định đầu tư, QĐ điều chỉnh CTĐT, QĐ điều chỉnh quyết định đầu tư/QĐ phê duyệt quyết toán		Chủ đầu tư (sau khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp)/Đơn vị tiếp nhận nhiệm vụ	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch năm 2025	Kế hoạch năm 2024 đã được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài sang năm 2025	Ghi chú
					Số quyết định, ngày tháng năm	TMBT					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
E	Trường THPT Nghi Lộc 2					10.500		2.000	1.000		
1	Xây dựng nhà thể thao đa năng, sân thể dục ngoài trời và các hạng mục phụ trợ Trường THPT Nghi Lộc 2	8057332	PGD số 16 - KBNN khu vực XI	073	4201/QĐ-UBND	10.500	Trường THPT Nghi Lộc 2	2.000	1.000		
G	Các đối tượng khác					4.500		7.500	1.370		
1	Thưởng các xóm đạt mô hình làng văn hóa tiêu biểu cấp huyện với mức hỗ trợ 20 triệu đồng/xóm (Các xóm sau khi được huyện thẩm định đạt làng văn hóa tiêu biểu cấp huyện).					500		500	100		Chuyển về ngân sách tỉnh để tiếp tục thực hiện
2	Thưởng cho các xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu với mức 1.000 triệu đồng/xã để xây dựng công trình phúc lợi và trả nợ xây dựng cơ bản (NQ ĐH 2-4 xã)					4.000		4.000	1.000		Chuyển về ngân sách tỉnh để tiếp tục thực hiện
3	Hỗ trợ mô hình xây dựng nhà lưới (màng) ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất rau, củ quả, ứng công nghệ tưới nhỏ giọt (hỗ trợ thêm từ ngân sách huyện mức hỗ trợ bằng mức hỗ trợ theo Nghị quyết 14/2017/NQ-HĐND ngày 20/12/2017 của HĐND tỉnh: 50.000 đồng/m ² , nhưng không quá 200.000.000 đồng/mô hình)							3.000	270		Chuyển về ngân sách tỉnh để tiếp tục thực hiện

Ghi chú: Việc điều chỉnh kế hoạch căn cứ theo các Nghị quyết của HĐND huyện Nghi Lộc (trước khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp) số: 28/NQ-HĐND ngày 01/8/2023 phê chuẩn điều chỉnh bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025; số 76/NQ-HĐND ngày 19/12/2024 về phê chuẩn kế hoạch đầu tư công năm 2025; Quyết định số 6628/QĐ-UBND ngày 24/6/2025 của UBND huyện Nghi Lộc (trước khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp) về việc điều chỉnh và phân bổ chi tiết một số nội dung Kế hoạch đầu tư công năm 2025.

**Biểu số 7: KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025; KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025
NGUỒN NGÂN SÁCH HUYỆN ĐỒ LƯƠNG (CŨ) ĐIỀU CHỈNH VÀO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH TỈNH**

(Kèm theo Quyết định số **3664** /QĐ-UBND ngày **11** tháng **11** năm 2025 của UBND tỉnh Nghệ An)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Mã dự án đầu tư	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Nghị quyết/Quyết định chủ trương đầu tư, Quyết định đầu tư, QĐ điều chỉnh CTĐT, QĐ điều chỉnh quyết định đầu tư/QĐ phê duyệt quyết toán		Chủ đầu tư (sau khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp)/Đơn vị tiếp nhận nhiệm vụ	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch năm 2025	Ghi chú
				Số quyết định, ngày tháng năm	TMDT				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	TỔNG CỘNG				82.728,061		71.699,153	32.500,298	
A	Sở Xây dựng				13.529,206		2.500,298	2.500,298	
1	Xây dựng đường giao thông ven sông Đào, đoạn từ Cầu Mụ Bà xã Đông Sơn đến xã Văn Sơn, huyện Đô Lương	8018351	Phòng giao dịch số 19 - KBNN khu vực XI	Quyết định số 3246/QĐ-UBND ngày 26/10/2022	13.529,206	Sở Xây dựng	2.500,298	2.500,298	Sử dụng từ nguồn sử dụng đất phân 3 cấp
B	Sở Nông nghiệp và Môi trường				69.198,855		69.198,855	30.000	
1	Xử lý ách yếu		Phòng giao dịch số 19 - KBNN khu vực XI		27.998,855	Sở Nông nghiệp và Môi trường	27.998,855	15.000	Sử dụng từ nguồn kinh phí GPMB, xây dựng CSHT.
2	Xây dựng nông thôn mới nâng cao		Phòng giao dịch số 19 - KBNN khu vực XI		41.200	Sở Nông nghiệp và Môi trường	41.200	15.000	Sử dụng từ nguồn kinh phí GPMB, xây dựng CSHT.

Ghi chú: Việc điều chỉnh kế hoạch căn cứ theo các Nghị quyết của HĐND huyện Đô Lương (trước khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp): 27/NQ-HĐND ngày 22/12/2021 về kế hoạch đầu tư công năm 2022; 15/NQ-HĐND ngày 21/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023; 16/NQ-HĐND ngày 14/11/2024 về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2024; 02/NQ-HĐND ngày 24/5/2024 về việc điều chỉnh nguồn vốn và bổ sung danh mục kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2022-2025; 20/NQ-HĐND ngày 14/12/2024 về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2022-2025; 23/NQ-HĐND ngày 17/12/2024 về kế hoạch đầu tư công năm 2025.

Biểu số 08: KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025; KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025
NGUỒN NGÂN SÁCH HUYỆN QUỲNH LƯU (CỦ) ĐIỀU CHỈNH VÀO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH TỈNH
 (Kèm theo Quyết định số **3664** /QĐ-UBND ngày **14** tháng **11** năm 2025 của UBND tỉnh Nghệ An)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Mã dự án đầu tư	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã ngành kinh tế	Nghị quyết/Quyết định chủ trương đầu tư, Quyết định đầu tư, QĐ điều chỉnh CTĐT, QĐ điều chỉnh quyết định đầu tư/QĐ phê duyệt quyết toán		Chủ đầu tư (sau khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp)/Đơn vị tiếp nhận nhiệm vụ	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch năm 2025	Ghi chú
					Số quyết định, ngày tháng năm	TMDT				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	TỔNG SỐ					717.747		161.475	8.971,586	
I	Lĩnh vực quốc phòng					3.989		1.000	1.000	
1	Xây dựng một số hạng mục phụ trợ trong thao trường huấn luyện, diễn tập chuyển trạng thái SSCĐ của Ban CHQS huyện Quỳnh Lưu		Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI		88 ngày 17/6/2024	1.990	Ban Chỉ huy phòng thủ khu vực số 2 - Quỳnh Lưu	550	550	Nguồn trung hạn của huyện (QĐ 2529/QĐ-UBND ngày 10/6/2025)
2	Cải tạo khu hậu cần Ban CHQS huyện Quỳnh Lưu		Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI		2473 ngày 28/12/2022	1.999	Ban Chỉ huy phòng thủ khu vực số 2 - Quỳnh Lưu	450	450	Nguồn trung hạn của huyện (QĐ 2529/QĐ-UBND ngày 10/6/2025)
II	Lĩnh vực nông nghiệp					80.000		2.000	2.000	
1	Nâng cấp tuyến đê sông mơi đoạn qua xã Tiến Thủy, Quỳnh Nghĩa, Quỳnh Bảng, Quỳnh Thanh, Quỳnh Đôi, Quỳnh Yên, huyện Quỳnh Lưu	7570185	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	283	3406 ngày 01/10/2020	80.000	Sở Nông nghiệp và Môi trường	2.000	2.000	Nguồn trung hạn của huyện (QĐ 2529/QĐ-UBND ngày 10/6/2025)
III	Lĩnh vực giao thông					633.758		128.075	1.450	
1	Tuyến đường Quốc lộ 1- Quỳnh Văn đi Quỳnh Bảng		Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	292	2525 ngày 15/12/2020	1.600	Sở Xây dựng	800		
2	Mở rộng, nâng cấp đường giao thông từ quốc lộ 1A (Quỳnh Thạch) đi Quỳnh Lương nối với đê biển Bãi Ngang huyện Quỳnh Lưu	7423658	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	292	3451 ngày 08/08/2013	216.264	Sở Xây dựng	3.000	300	Nguồn trung hạn của huyện (QĐ 2529/QĐ-UBND ngày 10/6/2025)
3	Xây dựng đường giao thông nối từ QL1A (Quỳnh Văn) đi Quỳnh Bảng, huyện Quỳnh Lưu	7057258	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	292	1149, 01/6/2015	7.105	Sở Xây dựng	2.700		
4	Đường giao thông nối các xã miền núi phía Tây huyện Quỳnh Lưu	7492353	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	292	2559, 09/6/14	98.500	Sở Xây dựng	9.861		
5	Sửa chữa, nâng cấp hệ thống điện chiếu sáng tại Nghĩa trang liệt sỹ huyện Quỳnh Lưu	7906602	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	292	1126 ngày 05/07/2021	995	Sở Xây dựng	150	150	Nguồn trung hạn của huyện (QĐ 2529/QĐ-UBND ngày 10/6/2025)
6	Nâng cấp, mở rộng đường từ QL48 vào cổng Lữ đoàn xe tăng 215/BC thiết giáp tại xã Quỳnh Châu		Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	292	NQ 13, 07/11/2022	14.990	Bộ chỉ huy quân sự tỉnh	3.000	1.000	Tiền sử dụng đất (QĐ 5262/QĐ-UBND ngày 31/12/2024)
7	Tuyến đường tránh Quốc lộ 1A Quỳnh Hậu - Quỳnh Hồng - Quỳnh Diễn - Quỳnh Giang, huyện Quỳnh Lưu.	7941162	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	292	18, ngày 13/05/2021		Sở Xây dựng	63.932		
8	Di dời đường dây hạ thế sau trạm biến áp Quỳnh Minh 4 trên tuyến đường GT Hậu-Đôi-Yên-Minh	7820231	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	292	2458, 7/10/2019	700	Sở Xây dựng	350		
9	Đường giao thông nối Quốc lộ 1A Quỳnh Thạch đi Quỳnh Hoa huyện Quỳnh Lưu	7278892	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	292	439, 12/2/2009	18.604	Sở Xây dựng	4.282		
10	Cầu Quỳnh Nghĩa tại Km6+00 trên tuyến đường tỉnh 537B, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An	7938468	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	292	36/NQ-HĐND 13/8/2021; 4651/QĐ-UBND 01/12/2021; 27/NQ-HĐND 14/7/2022 2383/QĐ-UBND 13/8/2022	205.000	Sở Xây dựng	20.000		

TT	Danh mục dự án	Mã dự án đầu tư	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã ngành kinh tế	Nghị quyết/Quyết định chủ trương đầu tư, Quyết định đầu tư, QĐ điều chỉnh CTĐT, QĐ điều chỉnh quyết định đầu tư/QĐ phê duyệt quyết toán		Chủ đầu tư (sau khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp)/Đơn vị tiếp nhận nhiệm vụ	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch năm 2025	Ghi chú
					Số quyết định, ngày tháng năm	TMDT				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
11	Xây dựng các tuyến đường trên địa bàn huyện Quỳnh Lưu (đường du lịch biển Quỳnh Nghĩa và đường vào khu Quảng trường và công viên trung tâm huyện)	8068755	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	292	36/NQ-HĐND 13/8/2021 (CTĐT) 24/NQ-HĐND 07/7/2023 (ĐC CTĐT) 3887/QĐ-UBND 27/11/2023 04/QĐ-UBND 04/01/2024	70.000	Sở Xây dựng	20.000		
IV	Lĩnh vực quy hoạch							2.000	1.511,345	
1	Kinh phí lập quy hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Quỳnh Lưu		Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI				Sở Nông nghiệp và Môi trường		10,018	Tiền sử dụng đất (QĐ 2705/QĐ-UBND ngày 15/6/2025)
2	Kinh phí lập quy hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Quỳnh Lưu		Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI				Sở Nông nghiệp và Môi trường		39,574	Tiền sử dụng đất (QĐ 2705/QĐ-UBND ngày 15/6/2025; QĐ 2755/QĐ-UBND ngày 17/6/2025)
3	Kinh phí lập quy hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện		Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI				Sở Nông nghiệp và Môi trường		1.444,393	Tiền sử dụng đất (QĐ 2705/QĐ-UBND ngày 15/6/2025; QĐ 2755/QĐ-UBND ngày 17/6/2025)
4	Kinh phí lập quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và quy hoạch sử dụng đất năm đầu quy hoạch huyện		Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI				Sở Nông nghiệp và Môi trường		17,36	Tiền sử dụng đất (QĐ 2705/QĐ-UBND ngày 15/6/2025)
V	Vốn ủy thác qua NHCSXH để cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách		Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI				Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Nghệ An	1.500	1.500,000	
VI	Kinh phí đầu tư hạ tầng đất ở							25.900	1.034,995	
1	Kinh phí thẩm định giá đất hàng năm các khu quy hoạch đất ở		Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI				Sở Nông nghiệp và Môi trường		1.034,995	Tiền sử dụng đất (QĐ 1740/QĐ-UBND ngày 07/5/2025; QĐ 2654/QĐ-UBND ngày 12/6/2025; QĐ 2756/QĐ-UBND ngày 17/6/2025)
VII	Kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng							1.000	475,246	
1	Kinh phí GPMB dự án Tuyến đường tránh Quốc lộ 1A đoạn qua xã Quỳnh Hậu - Quỳnh Hồng - Quỳnh Diễn - Quỳnh Giang		Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI				Sở Xây dựng		199,304	Tiền sử dụng đất (QĐ 2266/QĐ-UBND ngày 23/5/2025)
2	Kinh phí GPMB đường giao thông nông thôn huyện Quỳnh Lưu, tuyến Quỳnh Văn - Quỳnh Thanh - Quỳnh Yên (đoạn qua xã Quỳnh Yên, đợt 5)		Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI				Sở Xây dựng		275,942	Tiền sử dụng đất (QĐ 2266/QĐ-UBND ngày 23/5/2025)

Ghi chú: Việc điều chỉnh kế hoạch căn cứ theo các Nghị quyết của HĐND huyện Quỳnh Lưu (trước khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp): Nghị quyết số 04/2020/NQ-HĐND ngày 18/12/2020 về kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 nguồn ngân sách huyện; số 26/NQ-HĐND ngày 17/12/2021, 14/NQ-HĐND ngày 15/12/2023, 03/NQ-HĐND ngày 15/4/2024, 35/NQ-HĐND ngày 22/11/2020, 06/NQ-HĐND ngày 09/6/2025 về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025; Các Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10/01/2024, 3843/QĐ-UBND ngày 27/11/2024, 2528/QĐ-UBND ngày 10/6/2025 giao điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách huyện; Quyết định số 5262/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 giao kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn ngân sách huyện; Quyết định số 2529/QĐ-UBND ngày 10/6/2025 giao điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 từ nguồn ngân sách huyện; Quyết định số 2266/QĐ-UBND ngày 23/5/2025 về việc cấp phát vốn đầu tư XDCB năm 2025; Các Quyết định: số 2699/QĐ-UBND ngày 15/6/2025, số 2702/QĐ-UBND ngày 15/6/2025, số 2703/QĐ-UBND ngày 15/6/2025, số 2704/QĐ-UBND ngày 15/6/2025, số 2754/QĐ-UBND ngày 17/6/2025, số 2917/QĐ-UBND ngày 25/6/2025 về việc giao bổ sung có mục tiêu ngoài dự toán đầu năm 2025 cho UBND các xã, thị trấn; Các Quyết định: số 1740/QĐ-UBND ngày 07/5/2025, số 2654/QĐ-UBND ngày 12/6/2025, số 2705/QĐ-UBND ngày 15/6/2025, số 2755/QĐ-UBND ngày 17/6/2025, số 2756/QĐ-UBND ngày 17/6/2025 về việc giải quyết kinh phí.

**Biểu số 9: KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025; KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025
NGUỒN NGÂN SÁCH HUYỆN DIỄN CHÂU (CŨ) ĐIỀU CHỈNH VÀO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH CẤP XÃ**

(Kèm theo Quyết định số **3664** /QĐ-UBND ngày **14** tháng **11** năm 2025 của UBND tỉnh Nghệ An)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Mã dự án đầu tư	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã ngành kinh tế	Nghị quyết/Quyết định chủ trương đầu tư, Quyết định đầu tư, QĐ điều chỉnh CTĐT, QĐ điều chỉnh quyết định đầu tư/QĐ phê duyệt quyết toán		Chủ đầu tư (sau khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp)/Đơn vị tiếp nhận nhiệm vụ	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch năm 2025	Ghi chú
					Số quyết định, ngày tháng năm	TMDT				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	TỔNG SỐ					529.156		224.332	30.774,90	
A	UBND xã An Châu					6.944		3.000		
1	Nhà học kiêm khu hiệu bộ Trường THCS An Trung (Cơ sở 1)	7898635	Phòng giao dịch số 17 - Kho bạc Nhà nước Khu vực XI	073	1212/QĐ-UBND ngày 07/5/2021	6.944	UBND xã An Châu	3.000		
B	UBND xã Diễn Châu					182.639		44.059	10.315	
1	Đường giao thông liên xã từ Bara Diễn Thành đi xóm Trường Tiến, xã Diễn Ngọc đến xóm Hải Nam, xã Diễn Bích, huyện Diễn Châu	7961440	Phòng giao dịch số 17 - Kho bạc Nhà nước Khu vực XI	292	1822/QĐ-UBND ngày 22/6/2022	12.995	UBND xã Diễn Châu	7.119	915	KH 2025: nguồn thu sử dụng đất
2	Đường trục TTTM Bắc Nam đô thị Diễn Châu mở rộng (tuyến 1)	7460376	Phòng giao dịch số 17 - Kho bạc Nhà nước Khu vực XI	292	2790 19/6/2014	120.704	UBND xã Diễn Châu		400	KH 2025: nguồn thu sử dụng đất
3	Xây dựng hệ thống mương tiêu thoát nước vùng trung tâm huyện Diễn Châu	7951814	Phòng giao dịch số 17 - Kho bạc Nhà nước Khu vực XI	283	896/QĐ-UBND ngày 30/3/2022	39.940	UBND xã Diễn Châu	31.940	9.000	KH 2025: nguồn thu sử dụng đất
4	Trụ sở làm việc Đảng ủy, HĐND - UBND xã Diễn Bích, huyện Diễn Châu	7948752	Phòng giao dịch số 17 - Kho bạc Nhà nước Khu vực XI	341	854/QĐ-UBND ngày 24/3/2022	9.000	UBND xã Diễn Châu	5.000		
C	UBND xã Đức Châu					71.564		16.266	1.500	
1	Nâng cấp, cải tạo hệ thống hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Tháp - Hồng - Kỳ, huyện Diễn Châu	7836995	Phòng giao dịch số 17 - Kho bạc Nhà nước Khu vực XI	292	1851/QĐ-UBND ngày 21/6/2023	12.323	UBND xã Đức Châu	6.349		
2	Nâng cấp, cải tạo hệ thống hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Diễn Hồng, huyện Diễn Châu	7841132	Phòng giao dịch số 17 - Kho bạc Nhà nước Khu vực XI	292	3370/QĐ-UBND ngày 05/10/2023	12.664	UBND xã Đức Châu	9.917		
3	Hạ tầng kỹ thuật khu Công nghiệp nhỏ Diễn Tháp (nay là cụm công nghiệp Tháp Hồng Kỳ, huyện Diễn Châu)	7144827	Phòng giao dịch số 17 - Kho bạc Nhà nước Khu vực XI	292	3910/QĐ- UBND ngày 13/11/2019	46.577	UBND xã Đức Châu		1.500	KH 2025: nguồn thu sử dụng đất

TT	Danh mục dự án	Mã dự án đầu tư	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã ngành kinh tế	Nghị quyết/Quyết định chủ trương đầu tư, Quyết định đầu tư, QĐ điều chỉnh CTĐT, QĐ điều chỉnh quyết định đầu tư/QĐ phê duyệt quyết toán		Chủ đầu tư (sau khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp)/Đơn vị tiếp nhận nhiệm vụ	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch năm 2025	Ghi chú
					Số quyết định, ngày tháng năm	TMDT				
D	UBND xã Hải Châu					61.178		41.000	5.121	
1	Đường giao thông liên xã từ Diễn Hải đi Diễn Hùng ra Quỳnh Thọ	7919431	Phòng giao dịch số 17 - Kho bạc Nhà nước Khu vực XI	292	2830/QĐ-UBND ngày 26/8/2021	40.000	UBND xã Hải Châu	30.000	2.621	KH 2025: nguồn thu sử dụng đất
2	Xây dựng tuyến kênh tiêu úng dọc đê biển xã Diễn Hùng, huyện Diễn Châu	7919422	Phòng giao dịch số 17 - Kho bạc Nhà nước Khu vực XI	283	4158/QĐ-UBND ngày 14/12/2023	10.178	UBND xã Hải Châu	11.000		
3	Trụ sở làm việc Công an xã Diễn Kim	7004692	Phòng giao dịch số 17 - Kho bạc Nhà nước Khu vực XI	041	31/QĐ-UBND ngày 24/6/2025	5.000	UBND xã Hải Châu		1.500	KH 2025: nguồn thu sử dụng đất
4	Trụ sở làm việc Công an xã Diễn Mỹ		Phòng giao dịch số 17 - Kho bạc Nhà nước Khu vực XI	041		6.000	UBND xã Hải Châu		1.000	KH 2025: nguồn thu sử dụng đất
E	UBND xã Hùng Châu					77.869		44.904	4.295,57	
1	Xây dựng các tuyến đường vào khu di tích Phụng Chỉ Kiên, huyện Diễn Châu	7922330	Phòng giao dịch số 17 - Kho bạc Nhà nước Khu vực XI	292	1543/QĐ-UBND ngày 22/4/2025	16.260	UBND xã Hùng Châu	14.170	1.300	KH 2025: nguồn thu sử dụng đất
2	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên xã Diễn Yên đi Diễn Đoài	7919286	Phòng giao dịch số 17 - Kho bạc Nhà nước Khu vực XI	292	2754/QĐ-UBND ngày 25/8/2021	29.637	UBND xã Hùng Châu	15.734	1.880,67	KH 2025: nguồn thu sử dụng đất
3	Xây dựng tuyến đường giao thông từ Kênh Sơn Tĩnh đi Chợ Duông (xã Diễn Trường) đến đường ĐH.258 (xã Diễn Hoàng), huyện Diễn Châu	7958128	Phòng giao dịch số 17 - Kho bạc Nhà nước Khu vực XI	292	1633/QĐ-UBND ngày 26/4/2025	12.672	UBND xã Hùng Châu	15.000	835	KH 2025: nguồn thu sử dụng đất
4	Dự án Đường giao thông nối từ Quốc lộ 1A đến đường 205 xã Diễn Trường	8009772	Phòng giao dịch số 17 - Kho bạc Nhà nước Khu vực XI	292	4271/QĐ-UBND ngày 22/12/2022	19.300	UBND xã Hùng Châu		279,9	KH 2025: nguồn thu sử dụng đất
F	UBND xã Minh Châu					97.175		58.103	5.463,33	
1	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường giao thông liên xã Minh Châu đi Diễn Lợi, đoạn từ QL.7A đến xã Diễn Lợi, huyện Diễn Châu	7966247	Phòng giao dịch số 17 - Kho bạc Nhà nước Khu vực XI	292	2273/QĐ-UBND ngày 29/7/2022	30.000	UBND xã Minh Châu	23.500	330	KH 2025: nguồn thu sử dụng đất
2	Xây dựng tuyến đường từ xã Diễn Minh (cũ) đi xã Diễn Bình (cũ), huyện Diễn Châu	7955804	Phòng giao dịch số 17 - Kho bạc Nhà nước Khu vực XI	292	3094/QĐ-UBND ngày 21/9/2022	22.915	UBND xã Minh Châu	11.307	1.633,33	KH 2025: nguồn thu sử dụng đất
3	Sửa chữa, nâng cấp tuyến kênh tưới sau trạm bơm từ Cầu Tây đi cánh đồng Cồn Hà	7919287	Phòng giao dịch số 17 - Kho bạc Nhà nước Khu vực XI	283	4041/QĐ-UBND ngày 06/12/2023	13.695	UBND xã Minh Châu	14.376		

TT	Danh mục dự án	Mã dự án đầu tư	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã ngành kinh tế	Nghị quyết/Quyết định chủ trương đầu tư, Quyết định đầu tư, QĐ điều chỉnh CTĐT, QĐ điều chỉnh quyết định đầu tư/QĐ phê duyệt quyết toán		Chủ đầu tư (sau khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp)/Đơn vị tiếp nhận nhiệm vụ	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch năm 2025	Ghi chú
					Số quyết định, ngày tháng năm	TMBT				
4	Nhà học 2 tầng 12 phòng và khuôn viên Trường tiểu học Diên Bình, xã Minh Châu	7919280	Phòng giao dịch số 17 - Kho bạc Nhà nước Khu vực XI	072	1509/QĐ-UBND ngày 23/5/2023	8.179	UBND xã Minh Châu	4.320		
5	Trung tâm văn hóa xã Minh Châu, huyện Diên Châu	7848790	Phòng giao dịch số 17 - Kho bạc Nhà nước Khu vực XI	161	1298/QĐ-UBND ngày 14/5/2024	11.386	UBND xã Minh Châu	4.600		
6	Trụ sở làm việc Công an xã Diên Cát	7004692	Phòng giao dịch số 17 - Kho bạc Nhà nước Khu vực XI	041	28/QĐ-UBND ngày 03/6/2025	5.000	UBND xã Minh Châu		2.000	KH 2025: nguồn thu sử dụng đất
7	Trụ sở làm việc Công an xã Diên Nguyên		Phòng giao dịch số 17 - Kho bạc Nhà nước Khu vực XI			6.000	UBND xã Minh Châu		1.500	KH 2025: nguồn thu sử dụng đất
G	UBND xã Quảng Châu					23.000		17.000	1.580	
1	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường ĐH.254 đoạn từ QL.7B đến xã Diên Liên, huyện Diên Châu.	8040715	Phòng giao dịch số 17 - Kho bạc Nhà nước Khu vực XI	292	2283/QĐ-UBND ngày 31/7/2023	23.000	UBND xã Quảng Châu	17.000	1.580	KH 2025: nguồn thu sử dụng đất
H	UBND xã Tân Châu					8.786			2.500	
1	Cầu Kan Nan, xã Diên Phú, huyện Diên Châu	7617564	Phòng giao dịch số 17 - Kho bạc Nhà nước Khu vực XI	292	3274/QĐ- UBND ngày 18/10/2024	3.800	UBND xã Tân Châu		1.000	KH 2025: nguồn thu sử dụng đất
2	Trụ sở làm việc Công an xã Diên Phú	7004692	Phòng giao dịch số 17 - Kho bạc Nhà nước Khu vực XI	041	35/QĐ-UBND ngày 28/6/2025	4.986	UBND xã Tân Châu		1.500	KH 2025: nguồn thu sử dụng đất

Biểu số 10: KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025; KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 VÀ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN SANG NĂM 2025 NGUỒN NGÂN SÁCH HUYỆN NAM ĐÀN (CŨ) ĐIỀU CHỈNH VÀO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH CẤP XÃ

(Kèm theo Quyết định số **3664** /QĐ-UBND ngày **14** tháng **11** năm 2025 của UBND tỉnh Nghệ An)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Mã dự án đầu tư	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã ngành kinh tế	Nghị quyết/Quyết định chủ trương đầu tư, Quyết định đầu tư, QĐ điều chỉnh CTĐT, QĐ điều chỉnh quyết định đầu tư/QĐ phê duyệt quyết toán		Chủ đầu tư (sau khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp)	KH trung hạn giai đoạn 2021-2025	KH 2025	Kế hoạch năm 2024 đã được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài sang năm 2025	Ghi chú
					Số quyết định, ngày tháng năm	TMBT					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	Tổng số					211.720		114.480	63.095,968	6.266,628	
A	Xã Kim Liên					12.860		7.000	11.600	539,909	
I	Lĩnh vực thủy lợi					5.000		5.000	2.000		
1	Nâng cấp trạm bơm Đập Dục, trạm bơm chuyển và các tuyến mương trạm Đập Dục đến trạm bơm chuyển, xã Nam Cát		Phòng GD số 18-KBNN khu vực XI			5.000	UBND xã Kim Liên	5.000	2.000		KH 2025: Nguồn sử dụng đất
II	Lĩnh vực giao thông								1.200	250	
1	Nâng cấp mở rộng tuyến đường Long Lâm, đoạn từ nhà văn hóa cụm 12 đến cửa nhà anh Lạc, xóm Tân Phúc, xã Hồng Long, huyện Nam Đàn		Phòng GD số 18-KBNN khu vực XI				UBND xã Kim Liên			250	
2	Duy tu sửa chữa đường từ Kim Liên đi Đan Nhiệm xã Hùng Tiến, huyện Nam Đàn		Phòng GD số 18-KBNN khu vực XI				UBND xã Kim Liên		1.200		KH 2025: Nguồn sử dụng đất
III	Lĩnh vực văn hóa					7.860		2.000	2.500	254,909	
1	Nhà văn hóa Nam Cát		Phòng GD số 18-KBNN khu vực XI		QĐ số 985/QĐ-UBND ngày 12/4/2023	3.958	UBND xã Kim Liên	2.000	1.500		KH 2025: Nguồn sử dụng đất
2	Nhà văn hóa xóm Thanh Đầm, xã Hùng Tiến, huyện Nam Đàn	8056681	Phòng GD số 18-KBNN khu vực XI		QĐ phê duyệt quyết toán số 2539/QĐ-UBND ngày 06/06/2025 UBND huyện Nam Đàn	1.904	UBND xã Kim Liên			132,153	
3	Xây dựng nhà văn hóa khối Sa Nam, thị trấn Nam Đàn, huyện Nam Đàn.	8133673	Phòng GD số 18-KBNN khu vực XI				UBND xã Kim Liên		1.000		KH 2025: Nguồn sử dụng đất
4	Nhà văn hóa xóm Trung Cửu, xã Hùng Tiến, huyện Nam Đàn	8065130	Phòng GD số 18-KBNN khu vực XI		QĐ phê duyệt quyết toán số 2616/QĐ-UBND ngày 11/06/2025 UBND huyện Nam Đàn	1.998	UBND xã Kim Liên			122,756	
IV	Lĩnh vực khác								5.900	35	
1	Di dời hệ thống cây xanh (GDII) phục vụ GPMB dự án: Cải tạo, mở rộng quốc lộ 46 đoạn Vinh - Nam Đàn, tỉnh Nghệ An	8146700	Phòng GD số 18-KBNN khu vực XI				UBND xã Kim Liên		900		KH 2025: Nguồn sử dụng đất
2	Trả nợ năm 2015 kinh phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư dự án đầu tư xây dựng công trình: Nâng cấp, mở rộng đường Xô Viết và đường tỉnh 540 đoạn qua xã Kim Liên, huyện Nam Đàn						UBND xã Kim Liên		5.000		KH 2025: Nguồn sử dụng đất
3	Điều chỉnh Quy hoạch xây dựng Nông thôn mới xã Xuân Lâm, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An (giai đoạn 2021-2030)		Phòng GD số 18-KBNN khu vực XI				UBND xã Kim Liên			35	

TT	Danh mục dự án	Mã dự án đầu tư	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã ngành kinh tế	Nghị quyết/Quyết định chủ trương đầu tư, Quyết định đầu tư, QĐ điều chỉnh CTĐT, QĐ điều chỉnh quyết định đầu tư/QĐ phê duyệt quyết toán		Chủ đầu tư (sau khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp)	KH trung hạn giai đoạn 2021-2025	KH 2025	Kế hoạch năm 2024 đã được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài sang năm 2025	Ghi chú
					Số quyết định, ngày tháng năm	TMDT					
B	Xã Vạn An					128.911		80.490	21.422	2.734,878	
I	Lĩnh vực thủy lợi					5.000		4.000	4.000		
1	Sửa chữa, nâng cấp trạm bơm Rú Đụn Thị trấn Nam Đàn, huyện Nam Đàn		Phòng GD số 18-KBNN khu vực XI	283	NQ số 26/NQ-HĐND ngày 18/12/2024	5.000	UBND Xã Vạn An	4.000	4.000		KH 2025: Nguồn sử dụng đất
II	Trụ sở làm việc					1.768		9.000	3.122	43,7	
1	XD kho lưu trữ tài liệu quản lý đất đai, huyện Nam Đàn	8121022	Phòng GD số 18-KBNN khu vực XI	341	11/NQ-HĐND huyện	1.768	UBND xã Vạn An		1.122	43,7	KH 2025: Nguồn sử dụng đất
2	Xây dựng trụ công an xã (Thượng Tân Lộc)		Phòng GD số 18-KBNN khu vực XI				UBND xã Vạn An	9.000	2.000		KH 2025: Nguồn sử dụng đất
III	Lĩnh vực giáo dục					25.996		24.000	6.000	338,675	
1	Nhà học 18 phòng trường THCS Thị trấn 1	8064056	Phòng GD số 18-KBNN khu vực XI	073	26/NQ-HĐND huyện	14.000	UBND xã Vạn An	8.000		289,267	
2	Xây dựng 12 phòng học trường Mầm Non Thị trấn 2, Thị trấn Nam Đàn, huyện Nam Đàn	8141575	Phòng GD số 18-KBNN khu vực XI	071	5413 - 31/12/2024	8.000	UBND xã Vạn An	8.000	6.000		KH 2025: Nguồn sử dụng đất
3	Mở rộng khuôn viên trường THCS Đặng Chánh Kỷ, huyện Nam Đàn	8023016	Phòng GD số 18-KBNN khu vực XI	073	1274 - 06/04/2023	3.996	UBND xã Vạn An	8.000		49,408	
IV	Lĩnh vực giao thông					96.147		41.990	7.000	2.325,756	
1	Xây dựng cầu qua sông đào tại khối Ba Hà, Thị trấn Nam Đàn, huyện Nam Đàn	8034869	Phòng GD số 18-KBNN khu vực XI	292	05/NQ-HĐND 06/4/2023; 98/QĐ-UBND 10/01/2024 của UBND huyện Nam Đàn	18.675	UBND xã Vạn An	14.990	7.000	31,315	KH 2025: Nguồn sử dụng đất
2	Đường từ Bà Hà đi Trung tâm thương mại Vincom+, thị trấn Nam Đàn	7980979	Phòng GD số 18-KBNN khu vực XI	292	05/NQ-HĐND 06/4/2023, 99/QĐ-BND 10/01/2024	47.472	UBND xã Vạn An	13.000		1.531,141	
3	Đường huyện ĐH13 tuyến đường Tân - Lộc đoạn từ xóm Đại Thắng đến xóm Thanh Tân, xã Thượng Tân Lộc, huyện Nam Đàn	8035559	Phòng GD số 18-KBNN khu vực XI	292	26/NQ-HĐND huyện	30.000	UBND xã Vạn An	14.000		763,3	
V	Lĩnh vực văn hóa								1.000		
1	Xây dựng nhà văn hóa xóm 4, xã Nam Giang, huyện Nam Đàn	8124675	Phòng GD số 18-KBNN khu vực XI				UBND xã Vạn An		1.000		KH 2025: Nguồn sử dụng đất
VI	Lĩnh vực khác							1.500	300	26,747	
1	Cải tạo và lắp đặt hệ thống hội nghị, giao ban trực tuyến phòng họp giao ban đầu cầu Huyện ủy Nam Đàn		Phòng GD số 18-KBNN khu vực XI				UBND xã Vạn An	1.500		26,747	
	Kinh phí thực hiện kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2014 cấp huyện và 10 xã (gồm: thị trấn, Nam Giang, Nam Lĩnh, Xuân Hòa, Nam Xuân, Nam Anh, Nam Lộc, Nam Kim, Nam Thái, Khánh Sơn), huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An						UBND xã Vạn An		300		
C	Xã Thiên Nhãn					19.949		14.990	8.073	1.294,841	
I	Trụ sở làm việc					14.950		14.990	6.390	479,724	
1	Nhà làm việc đảng ủy, HĐND-UBND, nhà văn hóa xã, khuôn viên xã Trung Phúc Cường	8115572	Phòng GD số 18-KBNN khu vực XI	341	25/NQ-HĐND huyện	14.950	UBND xã Thiên Nhãn	14.990	6.000	479,724	KH 2025: Nguồn sử dụng đất

TT	Danh mục dự án	Mã dự án đầu tư	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã ngành kinh tế	Nghị quyết/Quyết định chủ trương đầu tư, Quyết định đầu tư, QĐ điều chỉnh CTĐT, QĐ điều chỉnh quyết định đầu tư/QĐ phê duyệt quyết toán		Chủ đầu tư (sau khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp)	KH trung hạn giai đoạn 2021-2025	KH 2025	Kế hoạch năm 2024 đã được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài sang năm 2025	Ghi chú
					Số quyết định, ngày tháng năm	TMBT					
2	Xây dựng trụ sở và các hạng mục phụ trợ công an xã Trung Phúc Cường, huyện Nam Đàn	8080337	Phòng GD số 18-KBNN khu vực XI				UBND xã Thiên Nhân		390		KH 2025: Nguồn sử dụng đất
II	Lĩnh vực giáo dục					4.999				804,282	
1	Trường THCS Trung Phúc Cường 1 & 2	8064914	Phòng GD số 18-KBNN khu vực XI	073	4296 - 10/10/2023	4.999	UBND xã Thiên Nhân			804,282	
III	Lĩnh vực giao thông								1.683	10,835	
1	Đường GTNT từ tuyến đường cầu Côi đi ngã tư chùa Cung, xã Trung Phúc Cường		Phòng GD số 18-KBNN khu vực XI				UBND xã Thiên Nhân			10,835	
2	Duy tu, sửa chữa đường huyện ĐH20 đoạn nối đường dẫn cầu Yên Xuân đến cổng 9 cửa xã Trung Phúc Cường		Phòng GD số 18-KBNN khu vực XI				UBND xã Thiên Nhân		1.683		KH 2025: Nguồn sử dụng đất
D	Xã Đại Huệ					38.000			14.340		
I	Lĩnh vực giao thông					38.000			14.000		
1	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông nối đường vành đai phía Bắc lên chùa Đại Tuệ từ QL46 đi xã Nam Anh (đoạn qua xóm 7, xã Nam Anh) huyện Nam Đàn	8073620	Phòng GD số 18-KBNN khu vực XI			38.000	UBND xã Đại Huệ		14.000		KH 2025: Nguồn sử dụng đất
I	Trụ sở làm việc								340		
	Xây dựng trụ sở Công An xã Nam Linh	8067500	Phòng GD số 18-KBNN khu vực XI				UBND xã Đại Huệ		340		KH 2025: Nguồn sử dụng đất
E	Xã Nam Đàn					12.000		12.000	7.660,968	1.697	
I	Lĩnh vực giao thông								523		
1	Đường giao thông nghĩa địa Hóc Hưu xóm 1, xã Nam Nghĩa, huyện Nam Đàn	8116866	Phòng GD số 18-KBNN khu vực XI				UBND xã Nam Đàn		523		KH 2025: Nguồn sử dụng đất
II	Trụ sở làm việc								365		
1	Nhà làm việc và các công trình phụ trợ cho Công an xã Nam Hưng	8067498	Phòng GD số 18-KBNN khu vực XI				UBND xã Nam Đàn		365		KH 2025: Nguồn sử dụng đất
III	Lĩnh vực giáo dục					12.000		12.000	4.500	697	
1	Trường THCS Hưng Thái Nghĩa	8110016	Phòng GD số 18-KBNN khu vực XI	073	25/NQ-HĐND huyện	12.000	UBND xã Nam Đàn	12.000	4.500	697	KH 2025: Nguồn sử dụng đất
IV	Lĩnh vực văn hóa								2.272,968	1.000	
1	Xây dựng nhà văn hóa xóm Hồng Sơn, xã Nam Thái, huyện Nam Đàn	8121014	Phòng GD số 18-KBNN khu vực XI				UBND xã Nam Đàn		972,968		KH 2025: Nguồn sử dụng đất
2	Xây dựng nhà văn hóa xóm 5, xã Nam Giang, huyện Nam Đàn	8128498	Phòng GD số 18-KBNN khu vực XI				UBND xã Nam Đàn		1.000		KH 2025: Nguồn sử dụng đất
3	Nhà văn hóa xóm 1, xã Nam Nghĩa, huyện Nam Đàn	8050692	Phòng GD số 18-KBNN khu vực XI				UBND xã Nam Đàn		300		KH 2025: Nguồn sử dụng đất
4	Nhà văn hóa xóm Hồng Minh xã Nam Thái		Phòng GD số 18-KBNN khu vực XI				UBND xã Nam Đàn			1.000	

Ghi chú: Việc điều chỉnh kế hoạch căn cứ theo các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân huyện Nam Đàn; Quyết định của Ủy ban nhân dân huyện Nam Đàn (trước khi thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp)

**Biểu số 11: KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 NGUỒN NGÂN SÁCH HUYỆN NGHĨA ĐÀN (CỦ) ĐIỀU CHỈNH
VÀO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH XÃ**

(Kèm theo Quyết định số **3664** /QĐ-UBND ngày **14** tháng **11** năm 2025 của UBND tỉnh Nghệ An)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Mã dự án đầu tư	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã ngành kinh tế	Nghị quyết/Quyết định chủ trương đầu tư, Quyết định đầu tư, QĐ điều chỉnh CTĐT, QĐ điều chỉnh quyết định đầu tư/QĐ phê duyệt quyết toán		Chủ đầu tư (sau khi thực hiện CQDP 2 cấp/Đơn vị tiếp nhận nhiệm vụ	KH trung hạn giai đoạn 2021-2025	KH 2025	Ghi chú
					Số quyết định, ngày tháng năm	TMDT				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	TỔNG SỐ					425.055	-	-	69.023,00252	
A	UBND xã Nghĩa Đàn					99.724	-	-	10.187,695	
I	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp					2.500	-	-	486,011	
1	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Nghĩa Đàn	8105650	phòng GD số 21-KBNN KV XI		Quyết định số 2189/QĐ-UBND ngày 12/6/2024	2.500	UBND xã Nghĩa Đàn		486,011	Tăng thu, tk chi
II	Văn hóa thông tin					1.200		-	54,376	
1	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm văn hóa, thể thao - Truyền thông huyện Nghĩa Đàn (cơ sở 2)	8043191	phòng GD số 21-KBNN KV XI		Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 27/12/2022	1.200	UBND xã Nghĩa Đàn		54,376	Tăng thu, tk chi
III	Phát thanh, truyền hình, thông tấn					1.600			246,059	
1	Duy tu, bảo dưỡng hệ thống truyền thanh trên địa bàn huyện Nghĩa Đàn	7880356	phòng GD số 21-KBNN KV XI		Quyết định số 3036/QĐ-UBND ngày 28/10/2019	1.600	UBND xã Nghĩa Đàn		246,059	Nguồn thu sử dụng đất
IV	Thể dục, thể thao					33.500	-	-	3.000	
1	Sân vận động huyện Nghĩa Đàn	8056076	phòng GD số 21-KBNN KV XI		Nghị Quyết số 03/NQ-HĐND ngày 20/6/2023 của Hội đồng nhân dân huyện Nghĩa Đàn	30.000	UBND xã Nghĩa Đàn		2.000	Nguồn thu sử dụng đất
2	Xây dựng bể bơi tại Trung tâm Văn hóa, Thể thao & Truyền thông, huyện Nghĩa Đàn	8122797	phòng GD số 21-KBNN KV XI		Quyết định số 3949/QĐ-UBND ngày 06/11/2024	3.500	UBND xã Nghĩa Đàn		1.000	Tăng thu, tk chi
V	Giao thông					50.125	-	-	3.798,685	
1	Nâng cấp đường vào trung tâm huyện lỵ huyện Nghĩa Đàn (Gói thầu số 4)	7037435	phòng GD số 21-KBNN KV XI	292	QĐ đầu tư số: 4851	27.229	UBND xã Nghĩa Đàn		300	Tăng thu, tk chi
2	Nâng cấp đường nối từ QL48E đi qua khối Tân Đồng, Tân An, thị trấn Nghĩa Đàn và xóm Bình Hải xã Nghĩa Bình, huyện Nghĩa Đàn	779995	phòng GD số 21-KBNN KV XI	292	Số 1739/QĐ-UBND ngày 22/07/2019	10.000	UBND xã Nghĩa Đàn		202,421	Tăng thu, tk chi
3	Đường giao thông từ ngã tư đường Hồ Chí Minh vào trung tâm thị trấn Nghĩa Đàn	7665776	phòng GD số 21-KBNN KV XI	292	2906/QĐ-UBND Ngày 28/10/2017	1.498	UBND xã Nghĩa Đàn		500	Tăng thu, tk chi
4	Đường giao thông nông thôn xóm Bình Thành, Bình Hải, Bình Hạnh xã Nghĩa Bình, huyện Nghĩa Đàn	8118696	phòng GD số 21-KBNN KV XI	292	số 3729/QĐ-UBND ngày 20/11/2024	8.596	UBND xã Nghĩa Đàn		2.200	Thu chi ngân sách: 2.000 trđ; NS chuyển nguồn 2024 sang 2025 là 200 trđ
5	Nâng cấp đường giao thông xóm Bình Thành, xã Nghĩa Bình, huyện Nghĩa Đàn	7775705	phòng GD số 21-KBNN KV XI	292	1696/QĐ-UBND ngày 05/05/2025	2.802	UBND xã Nghĩa Đàn		596,264	Nguồn dự phòng
VI	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội:					7.502	-	-	1.592,545	
1	Nâng cấp, cải tạo cơ quan Mặt trận - Khối đoàn thể huyện Nghĩa Đàn	8057682	phòng GD số 21-KBNN KV XI		Quyết định số 3728/QĐ-UBND ngày 08/11/2023	803	UBND xã Nghĩa Đàn		445,775	Tăng thu, tk chi

TT	Danh mục dự án	Mã dự án đầu tư	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã ngành kinh tế	Nghị quyết/Quyết định chủ trương đầu tư, Quyết định đầu tư, QĐ điều chỉnh CTĐT, QĐ điều chỉnh quyết định đầu tư/QĐ phê duyệt quyết toán		Chủ đầu tư (sau khi thực hiện CQĐP 2 cấp/Đơn vị tiếp nhận nhiệm vụ)	KH trung hạn giai đoạn 2021-2025	KH 2025	Ghi chú
					Số quyết định, ngày tháng năm	TMDT				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
2	Nâng cấp, cải tạo cơ quan Trung tâm dịch vụ nông nghiệp huyện Nghĩa Đàn	7924014	phòng GD số 21-KBNN KV XI		số: 1663/QĐ-UBND ngày 21/6/2021	1.499	UBND xã Nghĩa Đàn		92,598	Tăng thu, tk chi
3	Sửa chữa, nâng cấp khuôn viên, trang bị cơ sở vật chất cho Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện Nghĩa Đàn	8043190	phòng GD số 21-KBNN KV XI		Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 27/12/2022	1.200	UBND xã Nghĩa Đàn		54,172	Tăng thu, tk chi
4	Cải tạo nhà khách kiêm nhà ăn liên cơ quan Huyện ủy và khối đoàn thể huyện Nghĩa Đàn	8118694	phòng GD số 21-KBNN KV XI	341	3270/QĐ-UBND ngày 11/9/2024	4.000	UBND xã Nghĩa Đàn		1.000	Nguồn thu sử dụng đất
VII	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản:					3.297	-	-	1.010,019	
1	Cải tạo, nâng cấp hồ Chăn nuôi khối Tân Hồng, thị trấn Nghĩa Đàn	8009179	phòng GD số 21-KBNN KV XI	283	Quyết định số 2801/QĐ-UBND ngày 22/9/2022	1.797	UBND xã Nghĩa Đàn		578,703	Nguồn tăng thu tk chi: 500 triệu đồng; nguồn dự phòng 78,703 trđ
2	Hệ thống mương thoát nước trung tâm hành chính xã Nghĩa Bình, huyện Nghĩa Đàn	8038725	phòng GD số 21-KBNN KV XI	283	Nghị quyết số 47-NQ-HĐND ngày 12/10/2022 của HĐND tỉnh Nghệ An	1.500	UBND xã Nghĩa Đàn		431,316	Tăng thu, tk chi
B	UBND xã Nghĩa Hưng					32.493	-	-	3.520,973523	
I	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp					11.499	-	-	2.341,536523	
1	Xây dựng phòng học và các phòng chức năng trường tiểu học xã Nghĩa Thành, huyện Nghĩa Đàn	8121677	phòng GD số 21-KBNN KV XI	072	số 3804/QĐ-UBND ngày 22/10/2024	9.000	UBND xã Nghĩa Hưng		2.000	Thu chi ngân sách: 1.500; nguồn chuyển nguồn kết dư vượt thu 500
2	Xây dựng nhà học và các hạng mục phụ trợ trường tiểu học Nghĩa Hiếu huyện Nghĩa Đàn	7904219	phòng GD số 21-KBNN KV XI	071	Quyết định số 233/QĐ-UBND ngày 27/01/2021	2.499	UBND xã Nghĩa Hưng		341,536523	Tăng thu, tk chi
II	Y tế, dân số và gia đình					6.000	-	-	769,570	
1	Cải tạo, nâng cấp trạm y tế xã Nghĩa Hưng, huyện Nghĩa Đàn	7980100	phòng GD số 21-KBNN KV XI		Nghị Quyết số 35/NQ-HĐND ngày 29/12/2021	2.500	UBND xã Nghĩa Hưng		69,57	Tăng thu, tk chi
2	Trạm y tế xã Nghĩa Hưng, huyện Nghĩa Đàn	8118376	phòng GD số 21-KBNN KV XI		Nghị Quyết số 12/NQ-HĐND ngày 10/11/2023	3.500	UBND xã Nghĩa Hưng		700	Nguồn thu sử dụng đất
III	Giao thông					14.994		-	409,867	
1	Đường giao thông nông thôn liên xã Nghĩa Hưng, huyện Nghĩa Đàn	7481291	phòng GD số 21-KBNN KV XI	292	Quyết định số 6963/QĐ.UBND ngày 31/12/2012	14.994	UBND xã Nghĩa Hưng		409,867	Tăng thu, tk chi
C	UBND xã Nghĩa Khánh					29.127	-	-	9.255,29	
I	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp					8.000	-	-	4.400	
1	Xây dựng 06 phòng học và các hạng mục phụ trợ trường mầm non Nghĩa An	8124798	phòng GD số 21-KBNN KV XI	071	Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 28/12/2023	8.000	UBND xã Nghĩa Khánh		4.400	Thu chi ngân sách: 4.400 trđ
II	Giao thông					17.511	-	-	3.626,02	
1	Đường GTNT từ QL 48D đi xóm Đồng Tâm A, xã Nghĩa An, huyện Nghĩa Đàn (tuyến 2)	8010592	phòng GD số 21-KBNN KV XI	292	số 1119/QĐ-UBND ngày 16/05/2022	2.887	UBND xã Nghĩa Khánh		660	KH 2025 nguồn sd đất 160; tăng thu tk chi 500
2	Xây dựng đường giao thông nông thôn từ xã Nghĩa Đức, huyện Nghĩa Đàn đến xã Tân Phú, huyện Tân Kỳ	8023003	phòng GD số 21-KBNN KV XI	292	4020/QĐ-UBND ngày 27/11/2023	4.200	UBND xã Nghĩa Khánh		723,539	Tăng thu, tk chi

TT	Danh mục dự án	Mã dự án đầu tư	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã ngành kinh tế	Nghị quyết/Quyết định chủ trương đầu tư, Quyết định đầu tư, QĐ điều chỉnh CTĐT, QĐ điều chỉnh quyết định đầu tư/QĐ phê duyệt quyết toán		Chủ đầu tư (sau khi thực hiện CQDP 2 cấp/Đơn vị tiếp nhận nhiệm vụ)	KH trung hạn giai đoạn 2021-2025	KH 2025	Ghi chú
					Số quyết định, ngày tháng năm	TMBT				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
3	Đường giao thông nông thôn nối từ QL48D vào xóm Đồng Tâm A và Đồng Tâm B xã Nghĩa An	7881342	phòng GD số 21-KBNN KV XI	292	Quyết định số 2373/QĐ-UBND ngày 16/9/2019	4.951	UBND xã Nghĩa Khánh		1.042,481	KH 2025 Nguồn tăng thu, tk chi 542 trđ; nguồn thu sd đất 500 trđ
4	Cải tạo nâng cấp đường GTNT Liên Hương, xã Nghĩa Đức, huyện Nghĩa Đàn	7604888	phòng GD số 21-KBNN KV XI	292	Quyết định 46/QĐ-UBND ngày 16/01/2014 của UBND huyện Nghĩa Đàn	5.473	UBND xã Nghĩa Khánh		1.200	Nguồn thu sử dụng đất
III	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản:					3.617		-	1.229,270	
1	Sửa chữa, nâng cấp đập Sùng Chùa, xã Nghĩa Khánh, huyện Nghĩa Đàn	8073652	phòng GD số 21-KBNN KV XI		Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 27/12/2022	3.617	UBND xã Nghĩa Khánh		1.229,270	Nguồn tăng thu, tk chi: 1.070 triệu đồng; Nguồn dự phòng ngân sách: 159.27 triệu đồng
D	UBND xã Nghĩa Lâm					64.967	-	-	14.888,355	
I	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp					26.300	-	-	9.450	
1	Xây dựng phòng học, phòng chức năng và các hạng mục phụ trợ trường mầm non Nghĩa Lâm, huyện Nghĩa Đàn (giai đoạn 2)	8121676	phòng GD số 21-KBNN KV XI	071	3850/QĐ-UBND ngày 30/10/2024	10.500	UBND xã Nghĩa Lâm		5.950	Thu chi ngân sách 5.250; nguồn chuyển nguồn (kết dư, vượt thu): 700 trđ
2	Xây dựng mới các phòng học và phòng chức năng Trường THCS Nghĩa Yên, huyện Nghĩa Đàn	8062206	phòng GD số 21-KBNN KV XI	073	Nghị Quyết số 30/NQ-HĐND ngày 27/12/2023	9.000	UBND xã Nghĩa Lâm		1.500	Thu chi ngân sách: 1.500 trđ
3	Xây dựng 8 phòng học và các hạng mục phụ trợ khác trường tiểu học xã Nghĩa Lâm	8119061	phòng GD số 21-KBNN KV XI		Nghị Quyết số 20/NQ-HĐND ngày 28/12/2023	6.800	UBND xã Nghĩa Lâm		2.000	Thu chi ngân sách 1.000; nguồn kết dư, vượt thu: 1.000 trđ
II	Giao thông					27.937	-	-	3.142,979	
1	Đường GTNT xóm Mồn nối đường 393, xã Nghĩa Lạc	8049103	phòng GD số 21-KBNN KV XI	292	2987/QĐ-UBND ngày 14/9/2023	11.903	UBND xã Nghĩa Lâm		2.166,274	Thu chi ngân sách 1.500; nguồn chuyển nguồn (kết dư, vượt thu): 666,274 trđ
2	Xây dựng đường BTNT từ đường QL48E đi làng Mới Lập, xã Nghĩa Yên, huyện Nghĩa Đàn	7896284	phòng GD số 21-KBNN KV XI	292	Quyết định số 235/QĐ-UBND ngày 27/01/2021	3.750	UBND xã Nghĩa Lâm		412,643	Tăng thu, tk chi
3	Đường giao thông nông thôn xóm Tân, xã Nghĩa Lạc, huyện Nghĩa Đàn	7992393	phòng GD số 21-KBNN KV XI	292	Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 29/12/2021	6.300	UBND xã Nghĩa Lâm		131,723	Tăng thu, tk chi
4	Đường giao thông nông thôn xóm Lung Thượng đi Làng Lác, xã Nghĩa Lạc	8048844	phòng GD số 21-KBNN KV XI	292	Nghị Quyết số 18/NQ-HĐND ngày 28/7/2021	5.984	UBND xã Nghĩa Lâm		432,339	Tăng thu, tk chi
III	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản:					10.730	-	-	2.295,376	
1	Sửa chữa, nâng cấp đập Mèn, xã Nghĩa Lạc, huyện Nghĩa Đàn	8048846	phòng GD số 21-KBNN KV XI	292	Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 27/12/2022	1.978	UBND xã Nghĩa Lâm		1.825,496	Tăng thu, tk chi
2	Xây dựng công trình Khe Cốc đường vào xóm Mèn, xã Nghĩa Lạc	8050927	phòng GD số 21-KBNN KV XI	283	Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 27/12/2022	1.981	UBND xã Nghĩa Lâm		298,747	Tăng thu, tk chi
3	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Làng Mồn xã Nghĩa Lạc, huyện Nghĩa Đàn	7556097	phòng GD số 21-KBNN KV XI	283	số: 4999/QĐ-UBND ngày 23/12/2015	6.771	UBND xã Nghĩa Lâm		171,133	Nguồn dự phòng

TT	Danh mục dự án	Mã dự án đầu tư	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã ngành kinh tế	Nghị quyết/Quyết định chủ trương đầu tư, Quyết định đầu tư, QĐ điều chỉnh CTĐT, QĐ điều chỉnh quyết định đầu tư/QĐ phê duyệt quyết toán		Chủ đầu tư (sau khi thực hiện CQĐP 2 cấp/Đơn vị tiếp nhận nhiệm vụ)	KH trung hạn giai đoạn 2021-2025	KH 2025	Ghi chú
					Số quyết định, ngày tháng năm	TMDT				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
E	UBND xã Nghĩa Lộc					54.254	-	-	12.375,268	
I	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp					17.000	-	-	6.736	
1	Xây dựng các phòng học, phòng chức năng và các hạng mục phụ trợ trường Tiểu học Nghĩa Long, huyện Nghĩa Đàn	8142337	phòng GD số 21-KBNN KV XI	072	số 1310/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	8.500	UBND xã Nghĩa Lộc		4.736	Thu chi ngân sách: 3.736 trđ; nguồn chuyển nguồn (kết dư, vượt thu): 1.000 trđ
2	Xây dựng nhà học 2 tầng 10 phòng và các hạng mục phụ trợ trường Tiểu học Nghĩa Lộc 2, huyện Nghĩa Đàn (điểm trung tâm)	8136261	phòng GD số 21-KBNN KV XI	072	số 926/QĐ-UBND ngày 13/3/2025	8.500	UBND xã Nghĩa Lộc		2.000	Nguồn đầu tư phát triển
II	Giao thông					32.754	-	-	3.639,268	
1	Đường GTNT từ xóm Hải Đông đi đường Hồ Chí Minh xã Nghĩa Lộc, huyện Nghĩa Đàn	7970359	phòng GD số 21-KBNN KV XI	292	Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 29/12/2021	7.486	UBND Xã Nghĩa Lộc		215,239	Tăng thu, tk chi
2	Đường GTNT các xóm Hồng Tháp, Thịnh Hồng, Thọ Đông xã Nghĩa Lộc, huyện Nghĩa Đàn	7964515	phòng GD số 21-KBNN KV XI	292	Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 29/12/2021	9.295	UBND xã Nghĩa Lộc		1.000	Tăng thu, tk chi
3	Trần giao thông xóm Khe Sỏi 1 xã Nghĩa Lộc, huyện Nghĩa Đàn	8115384	phòng GD số 21-KBNN KV XI	292	Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 27/12/2022	3.973	UBND xã Nghĩa Lộc		2.282,984	Tăng thu, tk chi
4	Đường giao thông nông thôn qua xóm Vạn Lộc 2, xã Nghĩa Lộc, huyện Nghĩa Đàn	8048853	phòng GD số 21-KBNN KV XI		Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 27/12/2022	12.000	UBND xã Nghĩa Lộc		141,045	Tăng thu, tk chi
III	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản:					4.500			2.000,000	
1	Cải tạo, nâng cấp hồ chứa nước Làng Sang, xã Nghĩa Long, huyện Nghĩa Đàn	8150609	phòng GD số 21-KBNN KV XI	283	số 1792/QĐ-UBND ngày 12/5/2025	4.500	UBND xã Nghĩa Lộc		2.000	Nguồn chi đầu tư phát triển: 1.000; nguồn dự phòng 1.000 trđ
G	UBND xã Nghĩa Mai					70.544	-	-	8.438,582	
I	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp					27.500	-	-	1.800	
1	Xây dựng mới 10 phòng học trường tiểu học Nghĩa Mai A	8116697	phòng GD số 21-KBNN KV XI	072	Quyết định số 3495/QĐ-UBND ngày 27/09/2024	7.500	UBND xã Nghĩa Mai		500	Tăng thu, tk chi
2	Nhà học 2 tầng 12 phòng và các công trình phụ trợ trường THCS Hồng Minh, xã Nghĩa Hồng	8032155	phòng GD số 21-KBNN KV XI	073	Quyết định số 233/QĐ-UBND ngày 27/01/2021 của UBND huyện Nghĩa Đàn	9.000	UBND xã Nghĩa Mai		1.000	KH 2025 Nguồn tăng thu, tk chi 500 trđ; nguồn sd đất 500 trđ
3	Xây dựng mới 10 phòng học trường mầm non xã Nghĩa Hồng, huyện Nghĩa Đàn	8066913	phòng GD số 21-KBNN KV XI		Quyết định số 4212/QĐ-UBND ngày 06/12/2023	11.000	UBND xã Nghĩa Mai		300	Tăng thu, tk chi
II	Giao thông					43.044	-	-	6.638,582	
1	Đường giao thông nông thôn từ Cổng chào Làng Mai Sơn đi Làng Mai Thái, xã Nghĩa Mai, huyện Nghĩa Đàn	8136973	phòng GD số 21-KBNN KV XI	292	số 947/QĐ-UBND ngày 17/3/2025	10.012	UBND xã Nghĩa Mai		4.500	Nguồn chi đầu tư phát triển: 3.000 trđ; nguồn chuyển tăng thu tk chi: 1.500 trđ
2	Đường GTNT từ đường phát triển KTMT đi làng Mai Liên, xã Nghĩa Mai, huyện Nghĩa Đàn	8048843	phòng GD số 21-KBNN KV XI		Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 27/12/2022	3.785	UBND xã Nghĩa Mai		1.800	
3	Cầu khe Dền (qua tràn Đới 1) xã Nghĩa Hồng, huyện Nghĩa Đàn	7472933	phòng GD số 21-KBNN KV XI	292	Quyết định số 6355/QĐ-UBND-GT ngày 12/2013	27.265	UBND xã Nghĩa Mai		200	Nguồn thu sử dụng đất

TT	Danh mục dự án	Mã dự án đầu tư	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã ngành kinh tế	Nghị quyết/Quyết định chủ trương đầu tư, Quyết định đầu tư, QĐ điều chỉnh CTĐT, QĐ điều chỉnh quyết định đầu tư/QĐ phê duyệt quyết toán		Chủ đầu tư (sau khi thực hiện CQDP 2 cấp/Đơn vị tiếp nhận nhiệm vụ)	KH trung hạn giai đoạn 2021-2025	KH 2025	Ghi chú
					Số quyết định, ngày tháng năm	TMBT				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
4	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật chia lô đầu giá xóm 4, xã Nghĩa Thịnh, huyện Nghĩa Đàn	7904917	phòng GD số 21-KBNN KV XI		1712/QĐ-UBND ngày 07/5/2025	1.982	UBND xã Nghĩa Mai		138,582	Nguồn thu sử dụng đất
H	UBND xã Nghĩa Thọ					73.946	-	-	10.356,839	
I	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp					20.433	-	-	1.588,941	
1	Xây dựng 10 phòng ở nội trú Trường phổ thông DTBT THCS Lợi - Lạc, huyện Nghĩa Đàn	7770742	phòng GD số 21-KBNN KV XI	073	Số 2788/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	1.587	UBND xã Nghĩa Thọ		270	Nguồn khác 270 trđ
2	Xây dựng 04 phòng học và các hạng mục phụ trợ trường mầm non Nghĩa Phú, huyện Nghĩa Đàn	7995314	phòng GD số 21-KBNN KV XI	071	Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 29/12/2021	4.997	UBND xã Nghĩa Thọ		500	Tăng thu, tk chi
3	Xây dựng nhà học 2 tầng 10 phòng trường THCS Nghĩa Hội, huyện Nghĩa Đàn	7931427	phòng GD số 21-KBNN KV XI		Quyết định số 72/QĐ-UBND ngày 11/01/2024	6.376	UBND xã Nghĩa Thọ		133,552	Nguồn thu sử dụng đất
4	Xây dựng 06 phòng trường tiểu học Nghĩa Hội, huyện Nghĩa Đàn	8111017	phòng GD số 21-KBNN KV XI	072	Nghị Quyết số 20/NQ-HĐND ngày 28/12/2023 của Hội đồng nhân dân huyện Nghĩa Đàn	7.473	UBND xã Nghĩa Thọ		685,389	Nguồn thu sử dụng đất
II	Giao thông					39.514	-	-	5.947,898	
1	Đường liên thôn Lung Thượng - Tân Cay xã Nghĩa Lợi	7896479	phòng GD số 21-KBNN KV XI	292	Quyết định số 657/QĐ-UBND ngày 25/3/2021	6.144	UBND Xã Nghĩa Thọ		306,791	Tăng thu, tk chi
2	Trần giao thông xóm Phú Tiến, xã Nghĩa Phú	8139416	phòng GD số 21-KBNN KV XI	292	Nghị Quyết số 30/NQ-HĐND ngày 27/12/2023	5.242	UBND xã Nghĩa Thọ		2.000	Nguồn chi đầu tư phát triển 1.000 trđ; nguồn tăng thu tk chi 1.000 trđ
3	Xây dựng các tuyến đường GTNT xã Nghĩa Thọ (tại xóm Trống và xóm Mân Thịnh), huyện Nghĩa Đàn	8043189	phòng GD số 21-KBNN KV XI	292	2935/QĐ-UBND ngày 12/9/2023	9.989	UBND xã Nghĩa Thọ		1.500	Thu chi ngân sách 1.000; nguồn chuyển nguồn (kết dư, vượt thu): 500 trđ
4	Đường GTNT nội vùng Lung Thượng, xã Nghĩa Lợi	7898095	phòng GD số 21-KBNN KV XI	292	Quyết định số 233/QĐ-UBND ngày 27/01/2021 của UBND huyện Nghĩa Đàn	6.250	UBND xã Nghĩa Thọ		777,123	Tăng thu, tk chi
5	Đường GTNT xóm Lác, xã Nghĩa Lạc, huyện Nghĩa Đàn	8050090	phòng GD số 21-KBNN KV XI		Quyết định số 3171/QĐ-UBND ngày 8/04/2025	11.889	UBND xã Nghĩa Thọ		1.363,984	Tăng thu, tk chi
III	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản:					13.999	-	-	2.820	
1	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Ngọc Lam xã Nghĩa Lợi	8074269	phòng GD số 21-KBNN KV XI	283	3610/QĐ-UBND ngày 27/10/2023	5.000	UBND xã Nghĩa Thọ		2.700	Nguồn chi đầu tư phát triển: 1.000; nguồn tăng thu tk chi 700; nguồn dự phòng 1.000 trđ
2	Sửa chữa, nâng cấp đập Đồng Sắng 2, xã Nghĩa Hội, huyện Nghĩa Đàn	7780240	phòng GD số 21-KBNN KV XI	283	số: 2795/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	8.999	UBND xã Nghĩa Thọ		120	Nguồn thu sử dụng đất

Ghi chú: Các Quyết định của UBND huyện Nghĩa Đàn: Quyết định số: 482/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND huyện về việc cấp vốn xây dựng cơ bản từ nguồn vốn đầu tư phát triển theo quy định về cơ chế quản lý, điều hành NSNN năm 2025; Quyết định 1371 /QĐ-UBND ngày 14/4/2025 về việc cấp kinh phí XDCB từ nguồn chuyển nguồn 2024 sang 2025; Quyết định số 1777/QĐ-UBND ngày 09/5/2025 cấp kinh phí XDCB từ nguồn chuyển nguồn NSNN năm 2024 sang 2025 (đợt 2); Quyết định số 2368/QĐ-UBND ngày 12/6/2025 cấp kinh phí thanh toán vốn XDCB năm 2025;; Quyết định 1432/QĐ-UBND điều chỉnh KH vốn tại QĐ số 482/QĐ-UBND; 1433/QĐ-UBND ngày 16/4/2025 cấp kinh phí từ nguồn thu tiền sử dụng đất (đợt 1); 2372/QĐ-UBND ngày 12/6/2025

Biểu số 12: KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 VÀ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025
NGUỒN NGÂN SÁCH HUYỆN TƯƠNG DƯƠNG (CỦ) ĐIỀU CHỈNH VÀO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH CẤP XÃ
*(Kèm theo Quyết định số **366A** /QĐ-UBND ngày **14** tháng **11** năm 2025 của UBND tỉnh Nghệ An)*

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Mã dự án đầu tư	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã ngành kinh tế	Nghị quyết/Quyết định chủ trương đầu tư, Quyết định đầu tư, QĐ điều chỉnh CTĐT, QĐ điều chỉnh quyết định đầu tư/QĐ phê duyệt quyết toán		Chủ đầu tư (sau khi thực hiện CQĐP 2 cấp)/Đơn vị tiếp nhận nhiệm vụ	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch năm 2025	Kế hoạch các năm trước kéo dài sang năm 2025	Ghi chú
					Số quyết định, ngày tháng năm	TMBĐT					
I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	TỔNG SỐ					243.976		120.970	20.289	46.706,064856	
A	XÃ HỮU KHUÔNG					63.400		14.450	-	710,549	
I	Văn hóa, thông tin										
1	Nhà văn hóa bản Huồi Co, xã Hữu Khuông, huyện Tương Dương	8097942	PGD số 27-KBNN K VXI	161	1803/QĐ-UBND ngày 18/07/2024	400	UBND xã Hữu Khuông	80	-	80	KH vốn năm 2024 kéo dài sang năm 2025 tại Quyết định số 496/QĐ-UBND ngày 18/3/2025 của UBND huyện Tương Dương
II	Giao thông										
1	Đường giao thông từ trung tâm xã Hữu Khuông nối Quốc lộ 16, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An	7730762	PGD số 27-KBNN K VXI	292	4796/QĐ-UBND ngày-29/10/2018	63.000	UBND xã Hữu Khuông	14.370	-	630,549	KH vốn năm 2024 kéo dài sang năm 2025 tại Quyết định số 496/QĐ-UBND ngày 18/3/2025 của UBND huyện Tương Dương
B	XÃ LƯỢNG MINH					13.500	-	12.000	2.075	4.923,951905	
I	Văn hóa, thông tin										
1	Xây dựng nhà văn hóa, nhà vệ sinh, cổng hàng rào và các hạng mục phụ trợ UBND xã Lượng Minh	8124661	PGD số 27-KBNN K VXI	0	2752/QĐ-UBND ngày 10/12/2024	2.500	UBND xã Lượng Minh	1.000	-	869,957	KH vốn năm 2024 kéo dài sang năm 2025 tại Quyết định số 496/QĐ-UBND ngày 18/3/2025 của UBND huyện Tương Dương
II	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản										
1	Khắc phục hậu quả lụt bão đường giao thông từ bản Chăm Puông đi trung tâm xã Lượng Minh	8126640	PGD số 27-KBNN K VXI	292	2762/QĐ-UBND ngày 10/12/2024	11.000	UBND xã Lượng Minh	11.000	2.075	4.053,994905	Nguồn vốn khác (QĐ 1237 ngày 30/5/2025 của UBND huyện Tương Dương)
C	XÃ NHƠN MAI					27.540	-	22.462	1.540	8.227,209	
I	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp										
1	Cải tạo, nâng cấp trường MN Nhôn Mai, huyện Tương Dương	8123320	PGD số 27-KBNN K VXI	071	2769/QĐ-UBND ngày 10/12/2024	4.900	UBND xã Nhôn Mai	4.900	-	2.125,062	KH vốn năm 2024 kéo dài sang năm 2025 tại Quyết định số 496/QĐ-UBND ngày 18/3/2025 của UBND huyện Tương Dương
2	Xây dựng nhà ở bán trú 8 phòng, mái tôn nhà ăn trường tiểu học Nhôn Mai	8123321	PGD số 27-KBNN K VXI	072	2771/QĐ-UBND ngày 10/12/2024	2.700	UBND xã Nhôn Mai	2.700	-	1.212,09	KH vốn năm 2024 kéo dài sang năm 2025 tại Quyết định số 496/QĐ-UBND ngày 18/3/2025 của UBND huyện Tương Dương
II	Lĩnh vực Văn hóa, thông tin										
1	Nhà văn hóa xã Nhôn Mai, huyện Tương Dương	8097943	PGD số 27-KBNN K VXI	161	1805/QĐ-UBND ngày 18/07/2024	3.940	UBND xã Nhôn Mai	1.140	-	1.140	KH vốn năm 2024 kéo dài sang năm 2025 tại Quyết định số 496/QĐ-UBND ngày 18/3/2025 của UBND huyện Tương Dương
3	Nhà văn hóa bản Piêng Cọc xã Mai Sơn, huyện Tương Dương	8097944	PGD số 27-KBNN K VXI	161	1804/QĐ-UBND ngày 18/07/2024	1.200	UBND xã Nhôn Mai	880	-	583	KH vốn năm 2024 kéo dài sang năm 2025 tại Quyết định số 496/QĐ-UBND ngày 18/3/2025 của UBND huyện Tương Dương
III	Công nghiệp										
1	Nâng cấp hệ thống đường điện 04KV, kè gia cố chống sạt lở khu tái định cư bản Phả Kháo, xã Mai Sơn	8125185	PGD số 27-KBNN K VXI	285	2767/QĐ-UBND ngày 10/12/2024	1.100	UBND xã Nhôn Mai	1.100	540	473,611	Nguồn dự phòng ngân sách huyện năm 2025 (QĐ 1333 ngày 13/6/2025 của UBND huyện Tương Dương)
IV	Giao thông										
1	Đường giao thông từ bản Huồi Xá đi bản Na Hang, xã Mai Sơn, huyện Tương Dương	8126145	PGD số 27-KBNN K VXI	292	2765/QĐ-UBND ngày 10/12/2024	11.000	UBND xã Nhôn Mai	11.000	1.000	2.588,494	Nguồn tăng thu tiết kiệm chi ngân sách năm 2024 (QĐ 1299 ngày 6/6/2025 của UBND huyện Tương Dương)

TT	Danh mục dự án	Mã dự án đầu tư	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã ngành kinh tế	Nghị quyết/Quyết định chủ trương đầu tư, Quyết định đầu tư, QĐ điều chỉnh CTĐT, QĐ điều chỉnh quyết định đầu tư/QĐ phê duyệt quyết toán		Chủ đầu tư (sau khi thực hiện CQDP 2 cấp)/Đơn vị tiếp nhận nhiệm vụ	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch năm 2025	Kế hoạch các năm trước kéo dài sang năm 2025	Ghi chú
					Số quyết định, ngày tháng năm	TMĐT					
V	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản										
1	Xây dựng công trình thủy lợi và cấp nước sinh hoạt bản Huồi Xá, xã Mai Sơn, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An	8072240	PGD số 27-KBNN K VXI	0	26/QĐ-UBND ngày 11/1/2024	2.700	UBND xã Nhôn Mai	742	-	104,952	KH vốn năm 2024 kéo dài sang năm 2025 tại Quyết định số 496/QĐ-UBND ngày 18/3/2025 của UBND huyện Tương Dương
D	XÃ NGA MY					52.107	-	13.678	3.039	5.306,546875	
I	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp										
1	Xây dựng 6 phòng học bộ môn, nhà vệ sinh học sinh, nhà bảo vệ điểm chính trường PTDTBT THCS Nga My, huyện Tương Dương	8123500	PGD số 27-KBNN K VXI	073	2768/QĐ-UBND ngày 10/12/2024	6.250	UBND xã Nga My	6.250	239	3.136,525875	Nguồn vốn khác (QĐ 1237 ngày 30/5/2025 của UBND huyện Tương Dương)
II	Giao thông										
1	Đường giao thông từ bản Na Ka - bản Xốp Kho, xã Nga My, huyện Tương Dương	8123501	PGD số 27-KBNN K VXI	292	2764/QĐ-UBND ngày 10/12/2024; QĐPDQT: 1630/QĐ-UBND ngày 30/6/2025	5.500	UBND xã Nga My	5.500	2.800	2.148,868	Nguồn vốn khác (QĐ 1237 ngày 30/5/2025 của UBND huyện Tương Dương)
2	Đường giao thông vào trung tâm xã Xiềng My	7067102	PGD số 27-KBNN K VXI	292	3709/QĐ-UBND ngày 14/11/2023	40.357	UBND xã Nga My	1.928	-	21,153	KH vốn năm 2024 kéo dài sang năm 2025 tại Quyết định số 496/QĐ-UBND ngày 18/3/2025 của UBND huyện Tương Dương
E	XÃ TAM QUANG					9.020	-	9.228	360	1.608,426	
I	Công nghiệp										
1	Hệ thống điện chiếu sáng công cộng và cổng chào điện tử xã Tam Quang	7624332	PGD số 27-KBNN K VXI	0	891/QĐ-UBND ngày 25/7/2019	-	UBND xã Tam Quang	208	-	4,7	KH vốn năm 2024 kéo dài sang năm 2025 tại Quyết định số 496/QĐ-UBND ngày 18/3/2025 của UBND huyện Tương Dương
II	Giao thông										
1	Nâng cấp hệ thống đường và các hạng mục phụ trợ tại khu du lịch khe Cỏ, xã Tam Đình	8123322	PGD số 27-KBNN K VXI	161	2755/QĐ-UBND ngày 10/12/2024	715	UBND xã Tam Quang	715	-	662,946	KH vốn năm 2024 kéo dài sang năm 2025 tại Quyết định số 496/QĐ-UBND ngày 18/3/2025 của UBND huyện Tương Dương
4	Khắc phục lụt bão đường giao thông Bãi Xa - Tùng Hương, xã Tam Quang	8123323	PGD số 27-KBNN K VXI	292	2763/QĐ-UBND ngày 10/12/2024; QĐPDQT:	950	UBND xã Tam Quang	950	-	0	KH vốn năm 2024 kéo dài sang năm 2025 tại Quyết định số 496/QĐ-UBND ngày 18/3/2025 của UBND huyện Tương Dương
III	Du lịch										
1	Phát triển du lịch cộng đồng theo hướng du lịch xanh tại xã Tam Đình, huyện Tương Dương	8124112	PGD số 27-KBNN K VXI	161	2833/QĐ-UBND ngày 13/12/2024	715	UBND xã Tam Quang	715	-	715	KH vốn năm 2024 kéo dài sang năm 2025 tại Quyết định số 496/QĐ-UBND ngày 18/3/2025 của UBND huyện Tương Dương
2	Điểm du lịch sinh thái du lịch cộng đồng tại rừng Săng lè, xã Tam Đình	7892387	PGD số 27-KBNN K VXI	161	223/QĐ-UBND ngày 26/3/2021	1.790	UBND xã Tam Quang	1.790	360	0	Nguồn tăng thu tiết kiệm chi ngân sách năm 2024 (QĐ 1299 ngày 6/6/2025 của UBND huyện Tương Dương)
IV	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản										
1	Xây dựng công trình nước sinh hoạt bản Đình Hương, xã Tam Đình, huyện Tương Dương	8062210	PGD số 27-KBNN K VXI	0	1970/QĐ-UBND ngày 29/11/2023	2.850	UBND xã Tam Quang	2.850	-	139,68	KH vốn năm 2024 kéo dài sang năm 2025 tại Quyết định số 496/QĐ-UBND ngày 18/3/2025 của UBND huyện Tương Dương
V	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội										
1	Sửa chữa, nâng cấp trụ sở xã Tam Quang	7982346	PGD số 27-KBNN K VXI	0	738/QĐ-UBND ngày 18/10/2022	2.000	UBND xã Tam Quang	2.000	-	86,1	KH vốn năm 2024 kéo dài sang năm 2025 tại Quyết định số 496/QĐ-UBND ngày 18/3/2025 của UBND huyện Tương Dương

TT	Danh mục dự án	Mã dự án đầu tư	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã ngành kinh tế	Nghị quyết/Quyết định chủ trương đầu tư, Quyết định đầu tư, QĐ điều chỉnh CTĐT, QĐ điều chỉnh quyết định đầu tư/QĐ phê duyệt quyết toán		Chủ đầu tư (sau khi thực hiện CQĐP 2 cấp)/Đơn vị tiếp nhận nhiệm vụ	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch năm 2025	Kế hoạch các năm trước kéo dài sang năm 2025	Ghi chú
					Số quyết định, ngày tháng năm	TMDT					
G	XÃ TAM THÁI					9.750	-	8.970	-	989,794951	
I	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp										
1	Di dời khẩn cấp Trường Mầm non Tam Hợp	7985228	PGD số 27-KBNN K VXI	71	1627/QĐ-UBND ngày 9/11/2023	8.150	UBND xã Tam Thái	8.189	-	303,447	KH vốn năm 2024 kéo dài sang năm 2025 tại Quyết định số 496/QĐ-UBND ngày 18/3/2025 của UBND huyện Tương Dương
II	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội										
1	Cải tạo, nâng cấp trụ sở UBND xã Tam Thái	8125184	PGD số 27-KBNN K VXI	0	2753/QĐ-UBND ngày 10/12/2024	1.600	UBND xã Tam Thái	781	-	686,347951	KH vốn năm 2024 kéo dài sang năm 2025 tại Quyết định số 496/QĐ-UBND ngày 18/3/2025 của UBND huyện Tương Dương
H	XÃ TƯƠNG DƯƠNG					47.159		29.652	6.615	14.613,867125	
I	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp										
1	Trường mầm non xã Lưu Kiền	8061060	PGD số 27-KBNN K VXI	071	1754/QĐ-UBND ngày 27/11/2023	8.000	UBND xã Tương Dương	8.000	-	2.835,559	KH vốn năm 2024 kéo dài sang năm 2025 tại Quyết định số 496/QĐ-UBND ngày 18/3/2025 của UBND huyện Tương Dương
2	Trường mầm non Hòa Bình, thị trấn Thạch Giám (Giai đoạn 3)	8126700	PGD số 27-KBNN K VXI	071	2748/QĐ-UBND ngày 10/12/2024	7.000	UBND xã Tương Dương	2.800	3.940	2.476,072	Nguồn vốn khác (QĐ 1237 ngày 30/5/2025); nguồn tăng thu tiết kiệm chi ngân sách năm 2024 (QĐ 1299 ngày 6/6/2025 của UBND huyện Tương Dương)
3	Cải tạo trường mầm non thị trấn cũ làm nhà văn hóa khối Hòa Bắc, thị trấn Thạch Giám	8127823	PGD số 27-KBNN K VXI	0	2750/QĐ-UBND ngày 10/12/2024	1.500	UBND xã Tương Dương	1.500	-	806,166	KH vốn năm 2024 kéo dài sang năm 2025 tại Quyết định số 496/QĐ-UBND ngày 18/3/2025 của UBND huyện Tương Dương
II	Văn hóa, thông tin										
1	Cải tạo, nâng cấp Sân vận động và Trung tâm văn hóa huyện Tương Dương	8127298	PGD số 27-KBNN K VXI	0	2982/QĐ-UBND ngày 26/12/2024	4.500	UBND xã Tương Dương	1.500	-	1.303,985	KH vốn năm 2024 kéo dài sang năm 2025 tại Quyết định số 496/QĐ-UBND ngày 18/3/2025 của UBND huyện Tương Dương
III	Lĩnh vực Giao thông										
1	Cải tạo, nâng cấp đường nội thị thị trấn Thạch Giám	8126705	PGD số 27-KBNN K VXI	292	2749/QĐ-UBND ngày 10/12/2024	4.000	UBND xã Tương Dương	4.000	-	2.085,557	KH vốn năm 2024 kéo dài sang năm 2025 tại Quyết định số 496/QĐ-UBND ngày 18/3/2025 của UBND huyện Tương Dương
IV	Lĩnh vực Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản										
1	Công trình NSH bán Thạch Dương, xã Xá Lượng huyện Tương Dương	8126643	PGD số 27-KBNN K VXI	0	2906/QĐ-UBND ngày 20/12/2024	2.200	UBND xã Tương Dương	2.200	-	2.200	KH vốn năm 2024 kéo dài sang năm 2025 tại Quyết định số 496/QĐ-UBND ngày 18/3/2025 của UBND huyện Tương Dương
2	Kè chống sạt lở taluy dương khu dân cư bán Khe Kiền, xã Lưu Kiền, huyện Tương Dương	8124657	PGD số 27-KBNN K VXI	285	2761/QĐ-UBND ngày 10/12/2024	3.000	UBND xã Tương Dương	3.000	1.450	1.370,058	Nguồn dự phòng ngân sách huyện năm 2025 (QĐ 1333 ngày 13/6/2025 của UBND huyện Tương Dương)
3	Khắc phục hậu quả lụt bão kè Na Bè - Hợp Thành, xã Xá Lượng	8127290	PGD số 27-KBNN K VXI	292	2766/QĐ-UBND ngày 10/12/2024	2.200	UBND xã Tương Dương	2.200	1.050	946,78	Nguồn dự phòng ngân sách huyện năm 2025 (QĐ 1333 ngày 13/6/2025 của UBND huyện Tương Dương)
V	Lĩnh vực Quy hoạch										
1	Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Thạch Giám, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An đến năm 2030	7943178	PGD số 27-KBNN K VXI	0	2435/QĐ-UBND ngày 14/7/2021	1.552	UBND xã Tương Dương	1.552	-	71,955125	KH vốn năm 2024 kéo dài sang năm 2025 tại Quyết định số 496/QĐ-UBND ngày 18/3/2025 của UBND huyện Tương Dương
VI	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội										
1	Trụ sở làm việc cơ quan Khối dân huyện Tương Dương	8013247	PGD số 27-KBNN K VXI	0	4396/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	12.000	UBND xã Tương Dương	2.000	-	150,655	KH vốn năm 2024 kéo dài sang năm 2025 tại Quyết định số 496/QĐ-UBND ngày 18/3/2025 của UBND huyện Tương Dương

TT	Danh mục dự án	Mã dự án đầu tư	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã ngành kinh tế	Nghị quyết/Quyết định chủ trương đầu tư, Quyết định đầu tư, QĐ điều chỉnh CTĐT, QĐ điều chỉnh quyết định đầu tư/QĐ phê duyệt quyết toán		Chủ đầu tư (sau khi thực hiện CQĐP 2 cấp)/Đơn vị tiếp nhận nhiệm vụ	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch năm 2025	Kế hoạch các năm trước kéo dài sang năm 2025	Ghi chú
					Số quyết định, ngày tháng năm	TMĐT					
2	Cải tạo nâng cấp cống, hàng rào và các hạng mục phụ trợ trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã Lưu Kiền	8128055	PGD số 27-KBNN K VXI	0	2751/QĐ-UBND ngày 10/12/2024	1.207	UBND xã Tương Dương	450	-	367,08	KH vốn năm 2024 kéo dài sang năm 2025 tại Quyết định số 496/QĐ-UBND ngày 18/3/2025 của UBND huyện Tương Dương
VII	Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật										
1	Lập kế hoạch sử dụng đất năm 2025	0	0	0	0	-	UBND xã Tương Dương	450	175	0	Nguồn tiền thu sử dụng đất, 28/NQ-HĐND ngày 25/12/2024 của HĐND huyện Tương Dương
I	XÃ YÊN HÒA					19.900		10.600	1.500	6.347,998	
I	Lĩnh vực Giáo dục, đào tạo										
1	Xây dựng nhà bếp ăn và các hạng mục phụ trợ Trường tiểu học Yên Hòa	8123498	PGD số 27-KBNN K VXI	072	2770/QĐ-UBND ngày 10/12/2024	2.500	UBND xã Yên Hòa	2.500	-	1.069,931	KH vốn năm 2024 kéo dài sang năm 2025 tại Quyết định số 496/QĐ-UBND ngày 18/3/2025 của UBND huyện Tương Dương
II	Lĩnh vực Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản										
1	Kè chống xói lở Khe Líp, bản Xiêng Líp, xã Yên Hòa	8123325	PGD số 27-KBNN K VXI	338	2758/QĐ-UBND ngày 10/12/2024; QĐPDQT: 1653/QĐ-UBND ngày 30/6/2025	3.200	UBND xã Yên Hoà	3.200	1.500	1.415,568	Nguồn vốn khác (QĐ 1237 ngày 30/5/2025 của UBND huyện Tương Dương); dự phòng ngân sách huyện năm 2025 (QĐ 1333 ngày 13/6/2025 của UBND huyện Tương Dương)
III	Lĩnh vực Công nghiệp										
1	Trạm biến áp hạ thế khu sản xuất bán Văng Lín xã Yên Thắng	8126150	PGD số 27-KBNN K VXI	302	2754/QĐ-UBND ngày 10/12/2024	1.700	UBND xã Yên Hoà	1.700	-	662,499	KH vốn năm 2024 kéo dài sang năm 2025 tại Quyết định số 496/QĐ-UBND ngày 18/3/2025 của UBND huyện Tương Dương
IV	Lĩnh vực Giao thông										
1	Đường giao thông Yên Tân -Yên Hương, xã Yên Hòa, huyện Tương Dương	7992380	PGD số 27-KBNN K VXI	292	2774/QĐ-UBND ngày 10/12/2024	10.800	UBND xã Yên Hòa	1.000	-	1.000	KH vốn năm 2024 kéo dài sang năm 2025 tại Quyết định số 496/QĐ-UBND ngày 18/3/2025 của UBND huyện Tương Dương
V	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội										
1	Nâng cấp trụ sở HĐND - UBND huyện Tương Dương	8126150	PGD số 27-KBNN K VXI	0	2754/QĐ-UBND ngày 10/12/2024	1.700	UBND xã Yên Hoà	2.200	-	2.200	KH vốn năm 2024 kéo dài sang năm 2025 tại Quyết định số 496/QĐ-UBND ngày 18/3/2025 của UBND huyện Tương Dương
K	XÃ YÊN NA					11.350		8.900	5.160	3.977,722	
I	Lĩnh vực Giáo dục, đào tạo										
1	Trường mầm non Yên Tĩnh, huyện Tương Dương	8128057	PGD số 27-KBNN K VXI	071	2747/QĐ-UBND ngày 10/12/2024	4.850	UBND xã Yên Na	2.400	910	2.158,48	Nguồn vốn khác (QĐ 1237 ngày 30/5/2025 của UBND huyện Tương Dương)
II	Lĩnh vực Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản										
1	Kè chống sạt lở khu dân cư bản Huổi Pai, xã Yên Tĩnh, huyện Tương Dương (giai đoạn 2)	8123499	PGD số 27-KBNN K VXI	338	2760/QĐ-UBND ngày 10/12/2024	3.000	UBND xã Yên Na	3.000	1.950	857,023	Nguồn vốn khác (QĐ 1237 ngày 30/5/2025 của UBND huyện Tương Dương); dự phòng ngân sách huyện năm 2025 (QĐ 1333 ngày 13/6/2025 của UBND huyện Tương Dương)
2	Kè chống sạt lở khu dân cư bản Na Càng, xã Yên Tĩnh, huyện Tương Dương	8124667	PGD số 27-KBNN K VXI	285	2759/QĐ-UBND ngày 10/12/2024	3.500	UBND xã Yên Na	3.500	2.300	962,219	Nguồn vốn khác (QĐ 1237 ngày 30/5/2025 của UBND huyện Tương Dương); dự phòng ngân sách huyện năm 2025 (QĐ 1333 ngày 13/6/2025 của UBND huyện Tương Dương)

Ghi chú: Việc điều chỉnh kế hoạch căn cứ theo các Nghị quyết của HĐND huyện Tương Dương (trước khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp)

**Biểu số 13: KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 VÀ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025
NGUỒN NGÂN SÁCH HUYỆN TÂN KỲ (CŨ) ĐIỀU CHỈNH VÀO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH CẤP XÃ**

(Kèm theo Quyết định số **3664** /QĐ-UBND ngày **14** tháng **11** năm 2025 của UBND tỉnh Nghệ An)

DVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Mã dự án đầu tư	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã ngành kinh tế	Nghị quyết/Quyết định chủ trương đầu tư, Quyết định đầu tư, QĐ điều chỉnh CTĐT, QĐ điều chỉnh quyết định đầu tư/QĐ phê duyệt quyết toán		Chủ đầu tư (sau khi thực hiện CQĐP 2 cấp)/Đơn vị tiếp nhận nhiệm vụ	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch năm 2025	Ghi chú
					Số quyết định, ngày tháng năm	TMBT				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	TỔNG SỐ					235.017		51.811	19.130	
A	XÃ GIAI XUÂN					19.183		9.571	2.098	
I	Giáo dục và đào tạo và giáo dục nghề nghiệp									
1	Sửa chữa trường Mầm non Tân Hợp, huyện Tân Kỳ	8108517	PGD số 19-KBNN K VXI	71	Quyết định phê duyệt báo cáo KTKT: 4223/QĐ-UBND ngày 03/11/2023 của UBND huyện Tân Kỳ	1.144	Trường Mầm non Tân Hợp		300	Nguồn thu sử dụng đất
II	Giao thông									
1	Xây dựng đường giao thông từ xã Tân Hợp đến tỉnh lộ 534D đi xã Đồng Văn, huyện Tân Kỳ	7995274	PGD số 19-KBNN K VXI	292	Quyết định điều chỉnh: 459/QĐ-UBND ngày 21/2/2023 của UBND huyện Tân Kỳ	4.868	UBND xã Giai Xuân	2493		
2	Xây dựng đường giao thông từ xã Tân Hợp, huyện Tân Kỳ đi xã Hạ Sơn - huyện Quỳnh Hợp	8024445	PGD số 19-KBNN K VXI	292	Quyết định quyết toán: 2866/QĐ-UBND ngày 17/5/2025 của UBND huyện Tân Kỳ	13.171	UBND xã Giai Xuân	7078	898	Nguồn thu sử dụng đất
III	Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật									
1	Hạ tầng kỹ thuật, GPMB và các chi phí liên quan phục vụ chia lô đất ở dân cư tại xã Giai Xuân, huyện Tân Kỳ		PGD số 19-KBNN K VXI		Quyết định quy hoạch: 5754/QĐ-UBND ngày 25/11/2020 của UBND huyện Tân Kỳ		UBND xã Giai Xuân		900	Nguồn thu sử dụng đất
B	XÃ NGHĨA ĐỒNG					8.351			1.228	
I	Giáo dục và đào tạo và giáo dục nghề nghiệp									
1	Nhà học 2 tầng 8 phòng trường Mầm non Nghĩa Đồng, huyện Tân Kỳ	7236166	PGD số 19-KBNN K VXI	71	Quyết định phê duyệt báo cáo KTKT: 195/QĐ-UBND ngày 13/9/2024 của UBND xã Nghĩa Đồng	8.351	UBND xã Nghĩa Đồng		1.228	Nguồn thu sử dụng đất
C	XÃ NGHĨA HÀNH					5.857			400	
I	Giao thông									
1	Sửa chữa nền, mặt đường và công trình trên tuyến từ xã Nghĩa Hành đi xã Phú Sơn, đoạn xã Nghĩa Hành, huyện Tân Kỳ	7964649	PGD số 19-KBNN K VXI	292	Quyết định quyết toán: 718/QĐ-UBND ngày 20/3/2025 của UBND huyện Tân Kỳ	5.857	UBND xã Nghĩa Hành		400	Nguồn thu sử dụng đất
D	XÃ NGHĨA THÁI					5.280			500	
I	Giao thông									
1	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông xóm Viên Thái, xã Nghĩa Thái, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An	7210067	PGD số 19-KBNN K VXI	292	Quyết định PD báo cáo KTKT số: 149/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND xã Nghĩa Thái	5.280	UBND xã Nghĩa Thái		500	Nguồn thu sử dụng đất

TT	Danh mục dự án	Mã dự án đầu tư	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã ngành kinh tế	Nghị quyết/Quyết định chủ trương đầu tư, Quyết định đầu tư, QĐ điều chỉnh CTĐT, QĐ điều chỉnh quyết định đầu tư/QĐ phê duyệt quyết toán		Chủ đầu tư (sau khi thực hiện CQĐP 2 cấp)/Đơn vị tiếp nhận nhiệm vụ	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch năm 2025	Ghi chú
					Số quyết định, ngày tháng năm	TMBT				
E	XÃ TÂN AN					46.575		9.823	2.800	
I	Giáo dục và đào tạo và giáo dục nghề nghiệp									
1	Xây dựng phòng học trường THCS Tân An	8120510	PGD số 19-KBNN K VXI	71	Quyết định phê duyệt báo cáo KTKT: 4213/QĐ-UBND ngày 03/11/2023 của UBND huyện Tân Kỳ	4.387	UBND xã Tân An		500	Nguồn thu sử dụng đất
II	Văn hóa, thông tin									
1	Nhà văn hóa xóm Tân Trung, xã Hương Sơn	8064756	PGD số 19-KBNN K VXI	16	Quyết định Quyết toán: 2099/QĐ-UBND ngày 26/5/2025 của UBND huyện Tân Kỳ	3.310	UBND xã Tân An		500	Nguồn thu sử dụng đất
III	Giao thông									
1	Xây dựng đường giao thông từ xã Hương Sơn đi trường THPT Tân Kỳ 3, huyện Tân Kỳ	7995246	PGD số 19-KBNN K VXI	292	Quyết định điều chỉnh: 618/QĐ-UBND ngày 16/3/2023 của UBND huyện Tân Kỳ	2.702	UBND xã Tân An	1.218		
2	Xây dựng đường giao thông từ xã Nghĩa Phúc đi xã Đồng Văn - xã Tân An, huyện Tân Kỳ	8024446	PGD số 19-KBNN K VXI	292	Quyết định quyết toán: 2098/QĐ-UBND ngày 26/5/2025 của UBND huyện Tân Kỳ	8.357	UBND xã Tân An	3.890		
3	Xây dựng đường giao thông từ xã Nghĩa Phúc đi xã Giai Xuân, huyện Tân Kỳ	7995272	PGD số 19-KBNN K VXI	292	Quyết định quyết toán: 4412/QĐ-UBND ngày 03/12/2024 của UBND huyện Tân Kỳ	2.678	UBND xã Tân An	1.189		
4	Xây dựng đường giao thông từ xã Hương Sơn nối tỉnh lộ 534B đi xã Tiên Kỳ	8024444	PGD số 19-KBNN K VXI	292	Quyết định điều chỉnh: 1548/QĐ-UBND ngày 01/6/2023 của UBND huyện Tân Kỳ	8.399	UBND xã Tân An	3.526	500	Nguồn thu sử dụng đất
5	Đường giao thông từ xóm Thanh Yên xã Tân An đi xã Nghĩa Phúc, huyện Tân Kỳ	8009773	PGD số 19-KBNN K VXI	292	Quyết định quyết toán: 2745/QĐ-UBND ngày 5/6/2025 của UBND huyện Tân Kỳ	8.912	UBND xã Tân An		500	Nguồn thu sử dụng đất
6	Đường giao thông từ trung tâm xã đi Trọt Lươn xã Nghĩa Phúc, huyện Tân Kỳ	8102735	PGD số 19-KBNN K VXI	292	Quyết định điều chỉnh BCKTKT: 1249/QĐ-UBND ngày 20/5/2024 của UBND huyện Tân Kỳ	3.551	UBND xã Tân An		400	Nguồn thu sử dụng đất
7	Sửa chữa nâng cấp đường giao thông nối DH 370 tại xóm Nam Tiến đi trung tâm xã Nghĩa Phúc, huyện Tân Kỳ	8110316	PGD số 19-KBNN K VXI	292	Quyết định điều chỉnh BCKTKT: 2016/QĐ-UBND ngày 08/7/2024 của UBND huyện Tân Kỳ	4.279	UBND xã Tân An		400	Nguồn thu sử dụng đất
G	XÃ TÂN KỲ					29.318			4.872	
I	Giáo dục và đào tạo và giáo dục nghề nghiệp									
1	Xây dựng trường Mầm non cụm Diễn Nam, xã Kỳ Tân	8062293	PGD số 19-KBNN K VXI	71	Quyết định phê duyệt báo cáo KTKT: 6769/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 của UBND huyện Tân Kỳ	7.878	UBND xã Tân Kỳ		700	Nguồn thu sử dụng đất

TT	Danh mục dự án	Mã dự án đầu tư	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã ngành kinh tế	Nghị quyết/Quyết định chủ trương đầu tư, Quyết định đầu tư, QĐ điều chỉnh CTĐT, QĐ điều chỉnh quyết định đầu tư/QĐ phê duyệt quyết toán		Chủ đầu tư (sau khi thực hiện CQĐP 2 cấp)/Đơn vị tiếp nhận nhiệm vụ	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch năm 2025	Ghi chú
					Số quyết định, ngày tháng năm	TMDT				
II	Văn hóa, thông tin									
1	Xây dựng Nhà văn hóa và các hạng mục phụ trợ xóm Quy Hậu, xã Kỳ Tân, huyện Tân Kỳ	8107565	PGD số 19-KBNN K VXI	16	Quyết định PD báo cáo KTKT: 170/QĐ-UBND ngày 09/9/2024 của UBND xã Kỳ Tân	3.985	UBND xã Tân Kỳ		400	Nguồn thu sử dụng đất
2	Xây dựng công, hàng rào, khuôn viên sân và một số hạng mục phụ trợ Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thông huyện Tân Kỳ	8128490	PGD số 19-KBNN K VXI		Quyết định PD báo cáo KTKT: 4165/QĐ-UBND ngày 13/11/2024 của UBND huyện Tân Kỳ	3.799	UBND xã Tân Kỳ		700	Nguồn thu sử dụng đất
III	Giao thông									
1	Giải phóng mặt bằng dự án: Đường giao thông vào nhà máy May Minh Anh - Tân Kỳ	7847995	PGD số 19-KBNN K VXI		Quyết định PD phương án GPMB: 2362/QĐ-UBND ngày 30/07/2024 của UBND huyện Tân Kỳ	507	UBND xã Tân Kỳ		500	Nguồn thu sử dụng đất
2	Dự án: Khắc phục, sửa chữa tuyến đường giao thông từ cầu Thục Phẩm đến đường Hồ Chí Minh, huyện Tân Kỳ	7793436	PGD số 19-KBNN K VXI	292	Quyết toán: 3019/QĐ-UBND ngày 18/8/2023 của UBND huyện Tân Kỳ	3.773	UBND xã Tân Kỳ		500	Nguồn thu sử dụng đất
3	Đường GTNT từ nhà ông Thục xóm Đội Cung đi cầu Khe Trảy xã Kỳ Sơn, huyện Tân Kỳ		PGD số 19-KBNN K VXI	292	Quyết định PD báo cáo KTKT số: 54a/QĐ-UBND ngày 16/4/2025 của UBND xã Kỳ Sơn	1.166	UBND xã Tân Kỳ		1.172	Nguồn thu sử dụng đất
IV	Xã hội									
1	Sửa chữa nâng cấp tường rào, nhà soạn lễ, hệ thống điện Nghĩa trang Liệt sĩ huyện Tân Kỳ	8131808	PGD số 19-KBNN K VXI	4299	Quyết định quyết toán: 3857/QĐ-UBND ngày 31/10/2024 của UBND huyện Tân Kỳ	878	UBND xã Tân Kỳ		300	Nguồn thu sử dụng đất
V	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội									
1	Cải tạo, nâng cấp nhà làm việc 3 tầng cơ quan UBND huyện Tân Kỳ	8009175	PGD số 19-KBNN K VXI		Quyết định quyết toán: 1951/QĐ-UBND ngày 19/5/2025 của UBND huyện Tân Kỳ	7.332	UBND xã Tân Kỳ		600	Nguồn thu sử dụng đất
H	XÃ TÂN PHÚ					6.791			3.900	
I	Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật									
1	Hạ tầng kỹ thuật, GPMB và các chi phí liên quan phục vụ chia lô đất ở dân cư tại xóm Tân Thái, xã Tân Phú, huyện Tân Kỳ	7210210	PGD số 19-KBNN K VXI		Quyết định phê duyệt: 75/QĐ-UBND ngày 04/1/2022 của UBND xã Tân Phú	6.791	UBND xã Tân Phú		3.900	Nguồn thu sử dụng đất

TT	Danh mục dự án	Mã dự án đầu tư	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã ngành kinh tế	Nghị quyết/Quyết định chủ trương đầu tư, Quyết định đầu tư, QĐ điều chỉnh CTĐT, QĐ điều chỉnh quyết định đầu tư/QĐ phê duyệt quyết toán		Chủ đầu tư (sau khi thực hiện CQĐP 2 cấp)/Đơn vị tiếp nhận nhiệm vụ	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch năm 2025	Ghi chú
					Số quyết định, ngày tháng năm	TMDT				
I	XÃ TIỀN ĐỒNG					113.662		32.417	3.332	
I	Giáo dục và đào tạo và giáo dục nghề nghiệp									
1	Nhà bếp một chiều, nhà hành chính quản trị và một số hạng mục khác trường MN Đồng Văn I, xã Đồng Văn, huyện Tân Kỳ	8090944	PGD số 19-KBNN K VXI	71	Quyết định PD báo cáo KTKT: 44/QĐ-UBND ngày 28/3/2023 của UBND xã Đồng Văn	9.604	UBND xã Tiên Đồng		400	Nguồn thu sử dụng đất
2	Sửa chữa nhà 02 tầng 10 phòng trường Tiểu Học Tiên Kỳ	8124660	PGD số 19-KBNN K VXI	71	Quyết định phê duyệt báo cáo KTKT: 226/QĐ-UBND ngày 18/11/2024 của UBND xã Tiên Kỳ	1.137	UBND xã Tiên Đồng		632	Nguồn thu sử dụng đất
II	Giao thông									
1	Xây dựng Cầu Khe Đá, xã Đồng Văn, huyện Tân Kỳ	7951391	PGD số 19-KBNN K VXI	292	Quyết định BVTC: 3464/QĐ-UBND ngày 7/7/2022 của UBND huyện Tân Kỳ	18.746	UBND xã Tiên Đồng		400	Nguồn thu sử dụng đất
2	Cầu nối yêu thương cùng em tới trường tại bản Ôn, xã Tiên Kỳ, huyện Tân Kỳ	8040070	PGD số 19-KBNN K VXI	292	Quyết định BCKTKT: 1011/QĐ-UBND ngày 11/4/2023 của UBND huyện Tân Kỳ	4.948	UBND xã Tiên Đồng		300	Nguồn thu sử dụng đất
3	Đường giao thông dốc đá Bàn xóm Đồng Mỹ nối tỉnh lộ 534B, xã Đồng Văn, huyện Tân Kỳ	8129403	PGD số 19-KBNN K VXI	292	Quyết định phê duyệt BCKTKT: 400/QĐ-UBND ngày 11/10/2023 của UBND xã Đồng Văn	1.895	UBND xã Tiên Đồng		500	Nguồn thu sử dụng đất
4	Xây dựng đường giao thông từ xã Đồng Văn đi xã Tân An, huyện Tân Kỳ	7995259	PGD số 19-KBNN K VXI	292	Quyết định quyết toán: 2818/QĐ-UBND ngày 12/6/2025 của UBND huyện Tân Kỳ	11.839	UBND xã Tiên Đồng	6.328		
5	Xây dựng đường giao thông nối tỉnh lộ 534D đến tỉnh lộ 534B (Xã Tiên Kỳ - Đồng Văn - Tân AN), huyện Tân Kỳ	7995268	PGD số 19-KBNN K VXI	292	Quyết định BCKTKT: 5391/QĐ-UBND ngày 02/11/2022 của UBND huyện Tân Kỳ	10.799	UBND xã Tiên Đồng	5.604		
6	Xây dựng đường giao thông từ xã Đồng Văn - Tiên Kỳ - Phú Sơn, huyện Tân Kỳ	7995283	PGD số 19-KBNN K VXI	292	Quyết định quyết toán: 2816/QĐ-UBND ngày 12/6/2025 của UBND huyện Tân Kỳ	8.198	UBND xã Tiên Đồng	4.451		
7	Xây dựng đường giao thông từ xã Đồng Văn đi xã Tân Hợp, huyện Tân Kỳ	7995269	PGD số 19-KBNN K VXI	292	Quyết định quyết toán: 334/QĐ-UBND ngày 11/2/2025 của UBND huyện Tân Kỳ	10.158	UBND xã Tiên Đồng	4.183		
8	Xây dựng đường giao thông từ xã Đồng Văn nối tỉnh lộ 534B đi xã Phú Sơn, huyện Tân Kỳ	8084885	PGD số 19-KBNN K VXI	292	Quyết định điều chỉnh: 1551/QĐ-UBND ngày 11/6/2024 của UBND huyện Tân Kỳ	5.300	UBND xã Tiên Đồng	1.710		
9	Xây dựng đường giao thông liên xã từ xã Tiên Kỳ, huyện Tân Kỳ đi xã Bình Sơn, huyện Anh Sơn	8084886	PGD số 19-KBNN K VXI	292	Quyết định điều chỉnh: 1164/QĐ-UBND ngày 14/5/2024 của UBND huyện Tân Kỳ	6.160	UBND xã Tiên Đồng	2.895		
10	Xây dựng đường giao thông từ xã Đồng Văn đi xã Tiên Kỳ	7995258	PGD số 19-KBNN K VXI	292	Quyết định quyết toán: 2817/QĐ-UBND ngày 12/6/2025 của UBND huyện Tân Kỳ	11.336	UBND xã Tiên Đồng	6.138	600	Nguồn thu sử dụng đất

TT	Danh mục dự án	Mã dự án đầu tư	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã ngành kinh tế	Nghị quyết/Quyết định chủ trương đầu tư, Quyết định đầu tư, QĐ điều chỉnh CTĐT, QĐ điều chỉnh quyết định đầu tư/QĐ phê duyệt quyết toán		Chủ đầu tư (sau khi thực hiện CQĐP 2 cấp)/Đơn vị tiếp nhận nhiệm vụ	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch năm 2025	Ghi chú
					Số quyết định, ngày tháng năm	TMDT				
III	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản									
1	Xây dựng công trình nước sinh hoạt tập trung xóm Đồng Tâm, xã Đồng Văn, huyện Tân Kỳ	7995346	PGD số 19-KBNN K VXI		Quyết định quyết toán: 233/QĐ-UBND ngày 23/1/2025 của UBND huyện Tân Kỳ	3.155	UBND xã Tiên Đồng	275		
2	Xây dựng công trình nước sinh hoạt tập trung Bản Chiềng, xã Tiên Kỳ, huyện Tân Kỳ	7995273	PGD số 19-KBNN K VXI		Quyết định quyết toán: 3119/QĐ-UBND ngày 26/6/2025 của UBND huyện Tân Kỳ	3.047	UBND xã Tiên Đồng	233		
3	Xây dựng công trình nước sinh hoạt tập trung Bản Pháy - Thái Minh, xã Tiên Kỳ, huyện Tân Kỳ	8019899	PGD số 19-KBNN K VXI		Quyết định quyết toán: 4912/QĐ-UBND ngày 18/12/2024 của UBND huyện Tân Kỳ	2.880	UBND xã Tiên Đồng	300		
4	Xây dựng công trình nước sinh hoạt tập trung xóm Khe Sơn, xã Đồng Văn, huyện Tân Kỳ	8093372	PGD số 19-KBNN K VXI		Quyết định điều chỉnh: 830/QĐ-UBND ngày 09/4/2024 của UBND huyện Tân Kỳ	3.298	UBND xã Tiên Đồng	300		
IV	Xã hội									
1	Xây dựng cổng, hàng rào , sân phục vụ lễ hội và một số hạng mục phụ trợ khuôn viên đền thờ Lê Lợi, xã Tiên Kỳ, huyện Tân Kỳ	7210068	PGD số 19-KBNN K VXI	16	Quyết định PD báo cáo KTKT: 213/QĐ-UBND ngày 29/10/2024 của UBND xã Tiên Kỳ	1.162	UBND xã Tiên Đồng		500	Nguồn thu sử dụng đất

Ghi chú: Việc điều chỉnh kế hoạch căn cứ theo các Nghị quyết của HĐND huyện Tân Kỳ (trước khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp) số: 44/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về việc bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách huyện giai đoạn 2021-2025 để thực hiện các dự án thuộc Chương trình MTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025; số 88/NQ-HĐND ngày 18/12/2024 về kế hoạch đầu tư công năm 2025; số 101/NQ-HĐND ngày 30/5/2025 về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2025; Quyết định của UBND huyện Tân Kỳ (trước khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp) số: 4890/QĐ-UBND ngày 18/12/2024 về việc giao chỉ tiêu kế hoạch đầu tư công năm 2025; số 2729/QĐ-UBND ngày 3/6/2025 về việc giao chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2025 và Biểu rà soát của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Tân Kỳ (đóng dấu treo).

Biểu số 14: KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025; KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2024 ĐÃ ĐƯỢC CẤP CÓ THẨM QUYỀN CHO PHÉP KÉO DÀI SANG NĂM 2025 NGUỒN NGÂN SÁCH HUYỆN NGHI LỘC (CŨ) ĐIỀU CHỈNH VÀO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH CẤP XÃ

(Kèm theo Quyết định số 3664 /QĐ-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2025 của UBND tỉnh Nghệ An)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Mã dự án đầu tư	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã ngành kinh tế	Nghị quyết/Quyết định chủ trương đầu tư, Quyết định đầu tư, QĐ điều chỉnh CTĐT, QĐ điều chỉnh quyết định đầu tư/QĐ phê duyệt quyết toán		Chủ đầu tư (sau khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp)/Đơn vị tiếp nhận nhiệm vụ	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch năm 2025	Kế hoạch năm 2024 đã được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài sang năm 2025	Ghi chú
					Số quyết định, ngày tháng năm	TMDT					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	TỔNG SỐ					628.897,033		69.038,419	87.163,093	11.000	
A	Phường Vinh Lộc					2.399,767		1.500	212		
1	Nâng cấp, sửa chữa tuyến đường giao thông liên xã từ Chợ Sơn - Phúc Thọ (đoạn qua xã Nghi Phong), huyện Nghi Lộc	8068134		292	4456/QĐ-UBND ngày 23/11/2023	2.399,767	UBND phường Vinh Lộc	1.500	212		
B	Xã Đông Lộc					35.722,794			12.938,794		
1	Hạ tầng kỹ thuật khu quy hoạch chia lô đầu giá QSD đất ở vị trí 2, xóm Trường Lân và Trường Thịnh (xóm 6 và xóm 9 cũ), xã Nghi Trường, huyện Nghi Lộc				Số 4775/QĐ-UBND ngày 15/10/2024	3.200	UBND xã Đông Lộc		1.100		
2	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu quy hoạch chia lô đất ở dân cư tại xóm Trường Sơn, xã Nghi Trường				Số 01/NQ-HĐND ngày 08/3/2022	4.500	UBND xã Đông Lộc		1.700		
3	Hạ tầng kỹ thuật khu quy hoạch chia lô đất ở (để đầu giá quyền sử dụng đất) tại xóm 3 xã Nghi Thịnh				25/NQ-HĐND ngày 31/12/2023	28.000	UBND xã Đông Lộc		10.116		
4	Chi phí quản lý vốn ứng Quỹ phát triển đất Nghệ An của Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu quy hoạch chia lô đất ở dân cư tại vị trí 01, xóm Trường Sơn, xã Nghi Trường					22,794	UBND xã Đông Lộc		22,794		
C	Xã Hải Lộc					47.263,080		5.061,793	12.434,874		
1	Duy tu sửa chữa đường quốc phòng ven biển đoạn Bãi Lữ di Nghi Tiến, huyện Nghi Lộc	7947082	PGD số 16 - KBNN khu vực XI	292	QĐ 456/QĐ-UBND ngày 19/01/2024	5.061,793	UBND xã Hải Lộc	5.061,793	111,793		
2	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu quy hoạch chia lô đất ở dân cư tại vị trí 01, xóm Bắc Thắng, xã Nghi Tiến, huyện Nghi Lộc				Số 2480/QĐ-UBND ngày 27/5/2024	14.700	UBND xã Hải Lộc		3.700		
3	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu quy hoạch chia lô đất ở dân cư tại vị trí 02, xóm Bắc Thắng, xã Nghi Tiến, huyện Nghi Lộc				Số 3362/QĐ-UBND ngày 08/4/2025	10.000	UBND xã Hải Lộc		3.500		
4	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu quy hoạch đầu giá QSD đất ở tại xã Nghi Yên				Số 5980/QĐ-UBND ngày 09/6/2025	6.079,982	UBND xã Hải Lộc		1.000		
5	Công trình hạ tầng khu quy hoạch chia lô đất ở dân cư (để đầu giá) và TĐC phục vụ GPMB dự án tổng kho xăng dầu DKC tại xã Nghi Thiết				Số 3713/QĐ-UBND ngày 16/4/2025 của UBND huyện	8.598,224	UBND xã Hải Lộc		1.500		
6	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ TĐC tại xã Nghi Yên					550	UBND xã Hải Lộc		350		

TT	Danh mục dự án	Mã dự án đầu tư	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã ngành kinh tế	Nghị quyết/Quyết định chủ trương đầu tư, Quyết định đầu tư, QĐ điều chỉnh CTĐT, QĐ điều chỉnh quyết định đầu tư/QĐ phê duyệt quyết toán		Chủ đầu tư (sau khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp)/Đơn vị tiếp nhận nhiệm vụ	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch năm 2025	Kế hoạch năm 2024 đã được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài sang năm 2025	Ghi chú
					Số quyết định, ngày tháng năm	TMDT					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
7	Chi phí GPMB dự án chia lô đất ở dân cư (để đầu giá) và TĐC phục vụ GPMB dự án Trạm nghiên xi măng Sông Lam				Số 2873/QĐ-UBND ngày 17/9/2025	2.183,081	UBND xã Hải Lộc		2.183,081		
8	Chi phí GPMB dự án chia lô đất ở dân cư (để đầu giá) và TĐC phục vụ GPMB dự án Trạm nghiên xi măng Sông Lam					90	UBND xã Hải Lộc		90		
D	Xã Nghi Lộc					231.392,772		50.925,782	23.136,586	11.000	
1	Lắp đặt phòng bá âm và đầu tư trang thiết bị cho trung tâm văn hóa thông tin thể thao huyện Nghi Lộc	8010886	PGD số 16 - KBNN khu vực XI	161	4999/QĐ-UBND ngày 02/12/2022; số 6602/QĐ-UBND ngày 23/06/2025	1.039,409	UBND xã Nghi Lộc	923,043	125,183		
2	Xây dựng Khu trung tâm thể dục thể thao huyện Nghi Lộc tại thị trấn Quán Hánh	7855198	PGD số 16 - KBNN KV X	221	QĐ 2998 ngày 04/9/2020 của UBND tỉnh	38.500	UBND xã Nghi Lộc	14.500	5.676,051		
3	Hạ tầng quy hoạch Trung tâm thể dục - thể thao huyện Nghi Lộc tại thị trấn Quán Hánh, huyện Nghi Lộc	7876165	PGD số 16 - KBNN KV X	221	4890/QĐ-UBND ngày 15/12/2023; 4654/QĐ-UBND ngày 05/12/2023	12.450,512	UBND xã Nghi Lộc	12.396,739	42,2		
4	Công trình xây dựng hệ thống thu gom xử lý bao bì, vỏ chai thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng ngoài đồng ruộng tại huyện Nghi Lộc	8010885	PGD số 16 - KBNN KV X	261	QĐ 231/QĐ-UBND ngày 20/01/2022	2.676	UBND xã Nghi Lộc	1.200	90,775		
5	Đường giao thông trục chính dọc trung tâm thị trấn Quán Hánh, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An	7587755	PGD số 16 - KBNN khu vực XI	292	QĐ 3797 ngày 14/10/2021 của UBND tỉnh	135.106,384	UBND xã Nghi Lộc	10.906	2.983		
6	Sửa chữa, cải tạo nhà làm việc 3 tầng và các hạng mục phụ trợ Trụ sở UBND huyện Nghi Lộc	8056386	PGD số 16 - KBNN khu vực XI	341	Nghị quyết 04 ngày 10/5/2021 của HĐND huyện	11.000	UBND xã Nghi Lộc	11.000		11.000	Nguồn vốn từ nguồn đầu giá trụ sở cũ: 11 tỷ
7	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu quy hoạch chia lô đất ở dân cư tại xóm 5, 6 xã Nghi Trung, huyện Nghi Lộc				Số 2298/QĐ-UBND ngày 14/5/2024	3.223,303	UBND xã Nghi Lộc		5.000		
8	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu quy hoạch chia lô đất ở dân cư tại xóm Thọ Sơn, xã Nghi Vạn, huyện Nghi Lộc				Số 2760/QĐ-UBND ngày 06/6/2024	10.991,884	UBND xã Nghi Lộc		5.000		
9	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu quy hoạch chia lô đất ở dân cư tại xóm Yên Thịnh, xã Nghi Diên				Số 7004/QĐ-UBND ngày 13/12/2024	3.458,348	UBND xã Nghi Lộc		1.849		
10	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu quy hoạch chia lô đất ở dân cư tại khối 1, thị trấn Quán Hánh				Số 2890/QĐ-UBND ngày 27/3/2025	6.473,561	UBND xã Nghi Lộc		1.000		
11	Xây dựng hạ tầng chi lô đất ở dân cư, vị trí 01 khối 1 và vị trí 3 khối 6 thị trấn Quán Hánh				Số 7709/QĐ-UBND ngày 25/12/2024	6.473,371	UBND xã Nghi Lộc		554,478		
12	Chia lô đất ở dân cư (để đầu giá quyền sử dụng đất) tại xã Nghi Trung, huyện Nghi Lộc (đợt 2)				Số 6223/QĐ-UBND ngày 13/6/2025		UBND xã Nghi Lộc		816,352		
E	Xã Phúc Lộc					41.074,935		2.300	6.016,762		
1	Công trình xây dựng nhà học 3 tầng 21 phòng trường Tiểu học xã Nghi Lâm	8113637	PGD số 16 - KBNN khu vực XI	072	1469/QĐ-UBND	14.990	UBND xã Phúc Lộc	1.000	1.000		

TT	Danh mục dự án	Mã dự án đầu tư	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã ngành kinh tế	Nghị quyết/Quyết định chủ trương đầu tư, Quyết định đầu tư, QĐ điều chỉnh CTĐT, QĐ điều chỉnh quyết định đầu tư/QĐ phê duyệt quyết toán		Chủ đầu tư (sau khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp)/Đơn vị tiếp nhận nhiệm vụ	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch năm 2025	Kế hoạch năm 2024 đã được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài sang năm 2025	Ghi chú
					Số quyết định, ngày tháng năm	TMDT					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
2	Công trình đường vào Khu diễn tập quân sự của Huyện, tại xã Nghi Lâm	8154751	PGD số 16 - KBNN khu vực XI	292	Số 4992/QĐ-UBND ngày 13/5/2025	4.000	UBND xã Phúc Lộc	1.300	1.300		
3	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu quy hoạch chia lô đất ở dân cư tại vị trí 01, vị trí 02 xóm 7 xã Nghi Lâm, huyện Nghi Lộc (giai đoạn 2)				Số 42/NQ-HĐND ngày 29/12/2023	6.000	UBND xã Phúc Lộc		2.300		
4	Xây dựng hạ tầng khu quy hoạch xây dựng chia lô đất ở dân cư tại xóm 1, xã Nghi Mỹ, huyện Nghi Lộc				Số 5451/QĐ-UBND ngày 15/11/2024	1.447,328	UBND xã Phúc Lộc		400		
5	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu quy hoạch chia lô đất ở dân cư xóm 2, xóm 3, xã Nghi Công Bắc, huyện Nghi Lộc				Số 4346/QĐ-UBND ngày 17/9/2024	14.620,845	UBND xã Phúc Lộc		1.000		
6	Chi phí quản lý vốn ứng Quỹ phát triển đất Nghệ An Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu quy hoạch chia lô đất ở dân cư tại xóm 8 xã Nghi Lâm					16,762	UBND xã Phúc Lộc		16,762		
G	Xã Thần Lĩnh					23.900		1.200	8.530		
1	Cải tạo, nâng cấp hồ chứa nước Khâm Đồng, xóm 2, xã Nghi Hưng, huyện Nghi Lộc	8063373	PGD số 16 - KBNN khu vực XI	283	4632/QĐ-UBND ngày 04/12/2023	1.200	UBND xã Thần Lĩnh	1.200	430		
2	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu quy hoạch chia lô đất ở dân cư tại vị trí số 3 xóm 2, vị trí số 4 xóm 2, vị trí số 5 xóm 3, vị trí số 6 xóm 7 và vị trí số 7 xóm 7, xã Nghi Đồng		PGD số 16 - KBNN khu vực XI		Số 4775/QĐ-UBND ngày 15/10/2024	3.200	UBND xã Thần Lĩnh		1.100		
3	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu quy hoạch chia lô đất ở dân cư tại xóm 8, xã Nghi Đồng, huyện Nghi Lộc				Số 2791/QĐ-UBND ngày 06/6/2024	14.500	UBND xã Thần Lĩnh		5.000		
4	Xây dựng hạ tầng Khu quy hoạch đầu giá xóm 5 xã Nghi Hưng				42/NQ-HĐND ngày 29/12/2023	2.800	UBND xã Thần Lĩnh		1.100		
5	Xây dựng hạ tầng Khu quy hoạch đầu giá xóm 2, xã Nghi Hưng				42/NQ-HĐND ngày 29/12/2023	2.200	UBND xã Thần Lĩnh		900		
H	Xã Trung Lộc					188.791,286		7.400	4.508,591		
1	Nâng cấp tuyến đường Đức Thiệt đoạn qua xã Nghi Thịnh và xã Nghi Xá, huyện Nghi Lộc	8032158	PGD số 16 - KBNN khu vực XI	292	QĐ 1437/QĐ-UBND ngày 24/05/2023	7.666,029	UBND xã Trung Lộc	7.400	497,451		
2	Đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính phục vụ công tác lập Hồ sơ BT, GPMB dự án quy hoạch chia lô đất dân cư (vị trí 1,2,3,4,5 và vị trí 6) tại xã Nghi Long				Số 777/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	10.189	UBND xã Trung Lộc		10,189		
3	Kinh phí GPMB dự án: Xây dựng các công trình công cộng và chia lô đất ở dân cư vị trí 6,7 Địa điểm: xã Nghi Long				Số 7821/QĐ-UBND ngày 25/12/2024	138.487	UBND xã Trung Lộc		138,487		
4	Xây dựng khu tái định cư tại xã Nghi Quang phục vụ giải phóng mặt bằng thi công dự án Đường ven biển từ Nghi Sơn (Thanh Hoá) đến Cửa Lò (Nghệ An) Km7-Km76				Số 4346/QĐ-UBND ngày 17/9/2024 của UBND huyện	14.355,387	UBND xã Trung Lộc		1.100		

TT	Đanh mục dự án	Mã dự án đầu tư	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã ngành kinh tế	Nghị quyết/Quyết định chủ trương đầu tư, Quyết định đầu tư, QĐ điều chỉnh CTĐT, QĐ điều chỉnh quyết định đầu tư/QĐ phê duyệt quyết toán		Chủ đầu tư (sau khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp)/Đơn vị tiếp nhận nhiệm vụ	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch năm 2025	Kế hoạch năm 2024 đã được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài sang năm 2025	Ghi chú
					Số quyết định, ngày tháng năm	TMDT					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
5	Chi phí quản lý vốn ứng Quỹ phát triển đất Nghệ An Hạ tầng kỹ thuật khu quy hoạch chia lô đầu giá QSD đất ở tại vị trí 7,8, xóm 2 xã Nghi Xá					22,713	UBND xã Trung Lộc		22,713		
6	Chi phí quản lý vốn ứng Quỹ phát triển đất Nghệ An Hạ tầng kỹ thuật khu quy hoạch chi lô đất ở dân cư tại vị trí 06, 07, xóm 4, 5, 10, 11, xã Nghi Long					21,058	UBND xã Trung Lộc		21,058		
7	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu quy hoạch đầu giá QSD đất tại xã Nghi Quang				Số 6256/QĐ-UBND ngày 13/6/2025	10.225,78	UBND xã Trung Lộc		1.517,104		
8	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu quy hoạch chia lô đất ở dân cư tại xóm eo bù xã Nghi Thuận, huyện Nghi Lộc					7.824,319	UBND xã Trung Lộc		1.201,589		
I	Xã Văn Kiệu					58.352,399		650,844	19.385,486		
1	Khắc phục rò rỉ cống lấy nước và sửa chữa, nâng cấp thân đập phụ hồ chứa nước Đập Gà, xã Nghi Văn, huyện Nghi Lộc	7476646	PGD số 16 - KBNN khu vực XI	283	Số 1033/QĐ.UBND ngày 11/7/2014; số 5025/QĐ-UBND ngày 02/11/2021	1.222,644	UBND xã Văn Kiệu	650,844	78,64		
2	Hạ tầng kỹ thuật khu quy hoạch chia lô đất ở (đề đầu giá quyền sử dụng đất) tại xóm 1 xã Nghi Văn, Nghi Lộc				Số 5192/QĐ-UBND ngày 21/12/2024	14.822,379	UBND xã Văn Kiệu		15.000		
3	Xây dựng hạ tầng khu quy hoạch chia lô đầu giá QSD đất tại xóm 8,9 xã Nghi Kiều				Số 5944/QĐ-UBND ngày 09/06/2025	3.939,623	UBND xã Văn Kiệu		750		
4	Hạ tầng kỹ thuật khu quy hoạch chia lô đầu giá đất ở tại vị trí 1, 2 xóm 7 Nghi Văn				Số 5269/QĐ-UBND ngày 23/5/2025	14.396,369	UBND xã Văn Kiệu		2.066,225		
5	Công trình: Xây dựng hạ tầng chia lô đất ở đầu giá quyền sử dụng đất tại xóm 1, xã Nghi Kiều				Số 4702/QĐ.UBND ngày 07/5/2025	1.581,154	UBND xã Văn Kiệu		400		
6	Hạ tầng kỹ thuật khu quy hoạch chia lô đầu giá QSD đất ở tại xóm 8, 9 xã Nghi Kiều, huyện Nghi Lộc.				Số 1190/QĐ-UBND ngày 07/3/2024	14.565,911	UBND xã Văn Kiệu		800		
7	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu quy hoạch chi lô đất ở dân cư tại xóm 5, xã Nghi Kiều, huyện Nghi Lộc					7.824,319	UBND xã Văn Kiệu		290,621		

Ghi chú: Việc điều chỉnh kế hoạch căn cứ theo các Nghị quyết của HĐND huyện Nghi Lộc (trước khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp) số: 28/NQ-HĐND ngày 01/8/2023 phê chuẩn điều chỉnh bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025; số 76/NQ-HĐND ngày 19/12/2024 về phê chuẩn kế hoạch đầu tư công năm 2025; Quyết định số 6628/QĐ-UBND ngày 24/6/2025 của UBND huyện Nghi Lộc (trước khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp) về việc điều chỉnh và phân bổ chi tiết một số nội dung Kế hoạch đầu tư công năm 2025.

**Biểu số 15: KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025; KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025
NGUỒN NGÂN SÁCH HUYỆN ĐÔ LƯƠNG (CỦ) ĐIỀU CHỈNH VÀO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH CẤP XÃ**

*(Kèm theo Quyết định số **3664** /QĐ-UBND ngày **14** tháng **11** năm 2025 của UBND tỉnh Nghệ An)*

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Mã dự án đầu tư	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Nghị quyết/Quyết định chủ trương đầu tư, Quyết định đầu tư, QĐ điều chỉnh CTĐT, QĐ điều chỉnh quyết định đầu tư/QĐ phê duyệt quyết toán		Chủ đầu tư (sau khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp)/Đơn vị tiếp nhận nhiệm vụ	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch năm 2025	Ghi chú
				Số quyết định, ngày tháng năm	TMDT				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	TỔNG CỘNG				359.184,605		176.114,741	128.749,702	
A	UBND xã Bạch Hà				13.705,169		4.376,321	3.432,169	
1	Sửa chữa, nâng cấp đường giao thông làng nghề nội đất Trù Sơn, đoạn từ đường Khuôn - Đại Sơn đến Đền Hội Thiện	8050087	Phòng giao dịch số 19 - KBNN khu vực XI	QĐ số 3198/QĐ-UBND ngày 31/10/2024	7.705,169	UBND xã Bạch Hà	904,169	904,169	Sử dụng từ nguồn sử dụng đất phân 3 cấp
2	Trụ sở Công an xã Mỹ Sơn, huyện Đô Lương	7221098	Phòng giao dịch số 19 - KBNN khu vực XI	QĐ số 116/QĐ-UBND ngày 09/10/2024	3.000	UBND xã Bạch Hà	1.799	1.799	Sử dụng từ nguồn sử dụng đất phân 3 cấp
3	Trụ sở Công an xã Trù Sơn, huyện Đô Lương	7232597	Phòng giao dịch số 19 - KBNN khu vực XI	QĐ số 117/QĐ-UBND ngày 09/10/2024	3.000	UBND xã Bạch Hà	1.673,152	729,000	Sử dụng từ nguồn sử dụng đất phân 3 cấp
B	UBND xã Bạch Ngọc				23.402,983		11.835,207	3.510,596	
1	Giải phóng mặt bằng, xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ chia lô đất ở dân cư tại vùng Đồng Láng, xóm 2, xã Ngọc Sơn, huyện Đô Lương (giai đoạn 2)	8070481	Phòng giao dịch số 19 - KBNN khu vực XI	QĐ số 2483/QĐ-UBND ngày 22/1/2024	7.943,79	UBND xã Bạch Ngọc	2.059,572	234,961	Sử dụng từ nguồn kinh phí GPMB, xây dựng CSHT
2	Giải phóng mặt bằng, xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ chia lô đất ở dân cư tại vùng Đồng Trọt xóm 1, xã Lam Sơn, huyện Đô Lương (giai đoạn 1)	8070674	Phòng giao dịch số 19 - KBNN khu vực XI	QĐ số 1490/QĐ-UBND ngày 20/5/2024	13.693,978	UBND xã Bạch Ngọc	8.000	3.000	Sử dụng từ nguồn kinh phí GPMB, xây dựng CSHT
3	Giải phóng mặt bằng, di dời đường điện thực hiện dự án: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật, phục vụ chia lô đất ở dân cư tại vùng Đồng Trọt, xóm 1, xã Lam Sơn, huyện Đô Lương	8070233	Phòng giao dịch số 19 - KBNN khu vực XI	QĐ số 3653/QĐ-UBND ngày 08/4/2024	1.765,215	UBND xã Bạch Ngọc	1.775,635	275,635	Sử dụng từ nguồn kinh phí GPMB, xây dựng CSHT
C	UBND xã Đô Lương				230.219,37		128.908,202	104.161,926	
1	Cầu Sông Đào thuộc địa phận xã Hòa Sơn, huyện Đô Lương	7466757	Phòng giao dịch số 19 - KBNN khu vực XI	QĐ số 1451/QĐ-UBND ngày 24/6/2021	6.910,971	UBND xã Đô Lương	520	520	Sử dụng từ nguồn sử dụng đất phân 3 cấp
2	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Khe Và, xã Thuận Sơn, huyện Đô Lương	7407857	Phòng giao dịch số 19 - KBNN khu vực XI	QĐQT 3176/QĐ-UBND ngày 10/10/2023	8.190,753	UBND xã Đô Lương	915,753	915,753	Sử dụng từ nguồn sử dụng đất phân 3 cấp
3	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Yên Trạch, xã Thái Sơn, huyện Đô Lương	7353164	Phòng giao dịch số 19 - KBNN khu vực XI	QĐQT 2783/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 của UBND huyện	6.991,922	UBND xã Đô Lương	553,922	553,922	Sử dụng từ nguồn sử dụng đất phân 3 cấp
4	Sửa chữa, nâng cấp đường GTNT Cầu Trảng xã Đại Sơn, huyện Đô Lương	7551779	Phòng giao dịch số 19 - KBNN khu vực XI	QĐ số 2786/QĐ-UBND ngày 27/9/2024	4.716,194	UBND xã Đô Lương	1.216,394	1.216,394	Sử dụng từ nguồn sử dụng đất phân 3 cấp
5	Sửa chữa, nâng cấp đường giao thông Trảng – Minh đoạn Km9+030-Km11+370 và Km12+270-Km12+330, huyện Đô Lương	8022998	Phòng giao dịch số 19 - KBNN khu vực XI	2962/QĐ-UBND ngày 16/10/2024	7.754,327	UBND xã Đô Lương	254,327	254,327	Sử dụng từ nguồn sử dụng đất phân 3 cấp

TT	Danh mục dự án	Mã dự án đầu tư	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Nghị quyết/Quyết định chủ trương đầu tư, Quyết định đầu tư, QĐ điều chỉnh CTĐT, QĐ điều chỉnh quyết định đầu tư/QĐ phê duyệt quyết toán		Chủ đầu tư (sau khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp)/Đơn vị tiếp nhận nhiệm vụ	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch năm 2025	Ghi chú
				Số quyết định, ngày tháng năm	TMĐT				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
6	Xây dựng tuyến đường phía phải tuyến thuộc đường giao thông quy hoạch 45m đoạn Km0+600 - Km0+950, đảm bảo môi trường từ thị trấn Đô Lương đi xã Đà Sơn, huyện Đô Lương	8057689	Phòng giao dịch số 19 - KBNN khu vực XI	Quyết định số 1387/QĐ-UBND ngày 14/05/2024	3.253,418	UBND xã Đô Lương	753,418	753,418	Sử dụng từ nguồn sử dụng đất phân 3 cấp
7	Xử lý ách yếu, chống sạt bờ đập Hồ xã Bài Sơn, huyện Đô Lương	8050148	Phòng giao dịch số 19 - KBNN khu vực XI	QĐQT 4037/QĐ-UBND ngày 05/12/2023 của UBND huyện	1.132,001	UBND xã Đô Lương	58,897	58,897	Sử dụng từ nguồn sử dụng đất phân 3 cấp
8	Đập Ao cà xã Bài Sơn, huyện Đô Lương	8049622	Phòng giao dịch số 19 - KBNN khu vực XI	QĐQT 984/QĐ-UBND ngày 04/4/2024 của UBND huyện	2.510,2	UBND xã Đô Lương	810,200	810,200	Sử dụng từ nguồn sử dụng đất phân 3 cấp
9	Xây dựng tuyến đường nối tiếp từ Chùa Bà Bụt lên Chùa Phúc Yên xã Ngọc Sơn, huyện Đô Lương	8053405	Phòng giao dịch số 19 - KBNN khu vực XI	Quyết định số 735/QĐ-UBND ngày 19/3/2024	1.118,791	UBND xã Đô Lương	118,791	118,791	Sử dụng từ nguồn sử dụng đất phân 3 cấp
10	Xây dựng hệ thống đèn chiếu sáng công cộng tuyến đường liên xã Nhân Sơn - Mỹ Sơn, huyện Đô Lương	8045044	Phòng giao dịch số 19 - KBNN khu vực XI	Quyết định số 2107/QĐ-UBND ngày 09/7/2024	1.138,705	UBND xã Đô Lương	338,705	338,705	Sử dụng từ nguồn sử dụng đất phân 3 cấp
11	Lắp đặt hệ thống Logo, đèn trang trí tuyến đường Quốc lộ 15A và Quốc lộ 46 qua địa phận các xã Đà Sơn, Lạc Sơn, huyện Đô Lương	8093587	Phòng giao dịch số 19 - KBNN khu vực XI	Quyết định số 680/QĐ-UBND ngày 12/3/2024	992,97	UBND xã Đô Lương	992,970	992,970	Sử dụng từ nguồn sử dụng đất phân 3 cấp
12	Xây dựng đường tỉnh lộ Ngọc - Lam - Bồi đi xã Giang Sơn Tây, huyện Đô Lương	7618354	Phòng giao dịch số 19 - KBNN khu vực XI	QĐQT: 1322/QĐ-UBND ngày 14/6/2024	14.478,05	UBND xã Đô Lương	1.139,037	1.139,037	Sử dụng từ nguồn sử dụng đất phân 3 cấp
13	Nâng cấp đường giao thông liên xã Thuận Sơn - Xuân Sơn, huyện Đô Lương	7982908	Phòng giao dịch số 19 - KBNN khu vực XI	Quyết định số 1055/QĐ-UBND ngày 12/4/2024	8.993,229	UBND xã Đô Lương	1.793,229	1.793,229	Sử dụng từ nguồn sử dụng đất phân 3 cấp
14	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông Nam - Bắc - Đặng, huyện Đô Lương (Đoạn từ Km1+00 - Km5+100)	7984765	Phòng giao dịch số 19 - KBNN khu vực XI	Quyết định số 767/QĐ-UBND ngày 21/3/2024	14.397,127	UBND xã Đô Lương	947,127	947,127	Sử dụng từ nguồn sử dụng đất phân 3 cấp
15	Đường giao thông từ xã Yên Sơn đi xã Văn Sơn (Đoạn từ trường Mầm non xã Yên Sơn đến đường nối QL7 đến đường Trảng Minh)	8025993	Phòng giao dịch số 19 - KBNN khu vực XI	Quyết định số 1891/QĐ-UBND ngày 18/06/2024	14.233,241	UBND xã Đô Lương	1.726,003	1.726,003	Sử dụng từ nguồn sử dụng đất phân 3 cấp
16	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường giao thông đoạn từ xóm 3 đường Văn - Thịnh - Bài vào làng Khe Hương và khu du lịch sinh thái, giáo dục trải nghiệm xã Văn Sơn, huyện Đô Lương	8000671	Phòng giao dịch số 19 - KBNN khu vực XI	Quyết định số 1317/QĐ-UBND ngày 08/05/2024	5.292,583	UBND xã Đô Lương	1.419,520	1.419,520	Sử dụng từ nguồn sử dụng đất phân 3 cấp
17	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm và hệ thống kênh chính xóm Thống Nhất, xã Đông Sơn, huyện Đô Lương	8003699	Phòng giao dịch số 19 - KBNN khu vực XI	Quyết định số 1015/QĐ-UBND ngày 09/4/2024	2.652,997	UBND xã Đô Lương	152,997	152,997	Sử dụng từ nguồn sử dụng đất phân 3 cấp
18	SC, NC tuyến kênh 1-6 vùng Đồng Chấm xã Thịnh Sơn huyện Đô Lương	7453801	Phòng giao dịch số 19 - KBNN khu vực XI	QĐ số 2968/QĐ-UBND ngày 31/12/2015	13.857,109	UBND xã Đô Lương	270	270	Sử dụng từ nguồn sử dụng đất phân 3 cấp
19	Sửa chữa Sân vận động và Trung tâm Văn hóa Thể thao và Truyền thông huyện Đô Lương	8037215	Phòng giao dịch số 19 - KBNN khu vực XI	Quyết định số 3831/QĐ-UBND ngày 23/11/2023	930,245	UBND xã Đô Lương	334,567	334,567	Sử dụng từ nguồn sử dụng đất phân 3 cấp
20	Xây dựng hoàn trả nhà quản lý, nhà kho, tường rào và các hạng mục phụ trợ thuộc xí nghiệp thủy lợi Đô Lương, xã Văn Sơn,	8050335	Phòng giao dịch số 19 - KBNN khu vực XI	QĐQT2305/QĐ-UBND ngày 05/8/2024 của UBND huyện	1.048,402	UBND xã Đô Lương	248,402	248,402	Sử dụng từ nguồn sử dụng đất phân 3 cấp

TT	Danh mục dự án	Mã dự án đầu tư	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Nghị quyết/Quyết định chủ trương đầu tư, Quyết định đầu tư, QĐ điều chỉnh CTĐT, QĐ điều chỉnh quyết định đầu tư/QĐ phê duyệt quyết toán		Chủ đầu tư (sau khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp)/Đơn vị tiếp nhận nhiệm vụ	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch năm 2025	Ghi chú
				Số quyết định, ngày tháng năm	TMĐT				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
21	Xây dựng hoàn trả trạm biến áp 35/0,4kv cấp điện cho trạm bơm Văn Tráng 2 để thực hiện dự án đường giao thông nối đường Trảng Minh đi Văn Sơn, huyện Đô Lương	8052868	Phòng giao dịch số 19 - KBNN khu vực XI	QĐQT 1804/QĐ-UBND ngày 12/6/2024 của UBND huyện	1.090,03	UBND xã Đô Lương	290,03	290,03	Sử dụng từ nguồn sử dụng đất phân 3 cấp
22	Sửa chữa hệ thống đèn tín hiệu giao thông, công chào điện tử, PANO đèn LED trên địa bàn huyện Đô Lương	8018953	Phòng giao dịch số 19 - KBNN khu vực XI	Quyết định số 1634/QĐ-UBND ngày 16/6/2023	728,483	UBND xã Đô Lương	55,143	55,143	Sử dụng từ nguồn sử dụng đất phân 3 cấp
23	Ghép gạch Block vỉa hè kv Huyện ủy, UBND huyện, CA, điện lực, Bưu điện và các vùng lân cận huyện Đô Lương	7419064	Phòng giao dịch số 19 - KBNN khu vực XI	Quyết định số 2508/QĐ-UBND ngày 28/11/2014	1.280,096	UBND xã Đô Lương	100	100	Sử dụng từ nguồn sử dụng đất phân 3 cấp
24	Trụ sở Công an xã Đà Sơn, huyện Đô Lương		Phòng giao dịch số 19 - KBNN khu vực XI	QĐ số 125/QĐ-UBND ngày 29/10/2024	4.800	UBND xã Đô Lương	2.001	2.001	Sử dụng từ nguồn sử dụng đất phân 3 cấp
25	Lập quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu kỳ quy hoạch huyện Đô Lương		Phòng giao dịch số 19 - KBNN khu vực XI	1292/QĐ-UBND ngày 15/5/2023	3.739,685	UBND xã Đô Lương	1.273,512	73,512	Sử dụng từ nguồn sử dụng đất phân 3 cấp
26	Quy hoạch chi tiết xây dựng vùng huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050		Phòng giao dịch số 19 - KBNN khu vực XI	27/QĐ-UBND ngày 27/03/2024	2.225,440	UBND xã Đô Lương	322,362	322,362	Sử dụng từ nguồn sử dụng đất phân 3 cấp
27	Giải phóng mặt bằng, xây dựng khu chia lô đất ở để đấu giá quyền sử dụng đất hướng cơ chế đặc thù vùng đồng Con Mung, xã Văn Sơn, huyện Đô Lương (giai đoạn 3)	8093963	Phòng giao dịch số 19 - KBNN khu vực XI	1315/QĐ-UBND ngày 08/5/2024	14.500	UBND xã Đô Lương	7.000	4.000	Sử dụng từ nguồn kinh phí GPMB, xây dựng CSHT
28	Xây dựng trạm biến áp và đường dây từ trực chính 35kv ĐZ 376 E15.4 cấp điện cho khu chia lô đất ở dân cư tại vùng Đồng Con Mung, xã Văn Sơn, huyện Đô Lương	8093373	Phòng giao dịch số 19 - KBNN khu vực XI	QĐ 596/QĐ-UBND ngày 9/3/2023	5.377,286	UBND xã Đô Lương	5.000	3.000	Sử dụng từ nguồn kinh phí GPMB, xây dựng CSHT
29	Giải phóng mặt bằng, xây dựng khu chia lô đất ở để đấu giá quyền sử dụng đất hướng cơ chế đặc thù vùng Đồng Mầu, xã Yên Sơn, huyện Đô Lương (Giai đoạn 1)	8057693	Phòng giao dịch số 19 - KBNN khu vực XI	1870/QĐ-UBND ngày 05/7/2023	13.476,926	UBND xã Đô Lương	41,87	41,87	Sử dụng từ nguồn kinh phí GPMB, xây dựng CSHT
30	Giải phóng mặt bằng, xây dựng khu chia lô đất ở để đấu giá quyền sử dụng đất hướng cơ chế đặc thù vùng Đồng Bộng Công, thị trấn Đô Lương và vùng Đồng Mùi Bạc, xã Yên Sơn, huyện Đô Lương (giai đoạn 1)	8095694	Phòng giao dịch số 19 - KBNN khu vực XI	Quyết định số 3494/QĐ-UBND ngày 30/10/2023	14.500	UBND xã Đô Lương	5.000	5.000	Sử dụng từ nguồn kinh phí GPMB, xây dựng CSHT
31	Xây dựng hạng mục vỉa hè, điện chiếu sáng và một số hạng mục phụ trợ thuộc khu chia lô đất ở để đấu giá quyền sử dụng đất hướng cơ chế đặc thù vùng Con Mung, xã Văn Sơn, huyện Đô Lương	8123502	Phòng giao dịch số 19 - KBNN khu vực XI	1579/QĐ-UBND ngày 24/5/2024	3.920,769	UBND xã Đô Lương	3.000	3.000	Sử dụng từ nguồn kinh phí GPMB, xây dựng CSHT
32	Xây dựng hạng mục lát hè, điện chiếu sáng và một số hạng mục phụ trợ thuộc khu chia lô đất ở để đấu giá quyền sử dụng đất hướng cơ chế đặc thù vùng Đồng Mầu, xã Yên Sơn, huyện Đô Lương	8112058	Phòng giao dịch số 19 - KBNN khu vực XI	Quyết định 2971/QĐ-UBND ngày 17/10/2024	11.104,312	UBND xã Đô Lương	7.458,13	7.458,13	Sử dụng từ nguồn kinh phí GPMB, xây dựng CSHT

TT	Danh mục dự án	Mã dự án đầu tư	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Nghị quyết/Quyết định chủ trương đầu tư, Quyết định đầu tư, QĐ điều chỉnh CTĐT, QĐ điều chỉnh quyết định đầu tư/QĐ phê duyệt quyết toán		Chủ đầu tư (sau khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp)/Đơn vị tiếp nhận nhiệm vụ	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch năm 2025	Ghi chú
				Số quyết định, ngày tháng năm	TMDT				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
33	Giải phóng mặt bằng, xây dựng đường dây cáp ngầm 22kV và các trạm biến áp 22/0,4kV cấp điện cho vùng Đồng Lũng, khối 8, thị trấn Đô Lương, huyện Đô Lương	8050337	Phòng giao dịch số 19 - KBNN khu vực XI	Quyết định số 1880/QĐ-UBND ngày 05/7/2023	5.831,103	UBND xã Đô Lương	500	500	Sử dụng từ nguồn kinh phí GPMB, xây dựng CSHT
34	Giải phóng mặt bằng, xây dựng cơ sở hạ tầng vùng Đồng Con Mung xã Văn Sơn, huyện Đô Lương	8112606	Phòng giao dịch số 19 - KBNN khu vực XI	Quyết định số 2295/QĐ-UBND ngày 01/08/2024	11.651,911	UBND xã Đô Lương	7.000	7.000	Sử dụng từ nguồn kinh phí GPMB, xây dựng CSHT
35	Giải phóng mặt bằng, xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu chia lô đất ở để đầu tư xây dựng đất vùng Đồng Hội Lục, xã Yên Sơn, huyện Đô Lương (Giai đoạn 2)	8118390	Phòng giao dịch số 19 - KBNN khu vực XI	3502/QĐ-UBND ngày 30/10/2023	12.720,341	UBND xã Đô Lương	1.168,453	1.168,453	Sử dụng từ nguồn kinh phí GPMB, xây dựng CSHT
36	Giải phóng mặt bằng, xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ chia lô đất ở dân cư tại vùng xóm 10, xã Đà Sơn, huyện Đô Lương	8071294	Phòng giao dịch số 19 - KBNN khu vực XI	QĐ số: 2020 /QĐ-UBND ngày 15/7/2022	1.096,580	UBND xã Đô Lương	1.096,580	250,363	Sử dụng từ nguồn kinh phí GPMB, xây dựng CSHT
37	Quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500 Chia lô đất ở tại vùng Đồng Diệc, xã Đà Sơn, huyện Đô Lương	8138606	Phòng giao dịch số 19 - KBNN khu vực XI	QĐQT 2541/QĐ-UBND ngày 27/8/2024 của UBND huyện	478,483	UBND xã Đô Lương	478,483	478,483	Sử dụng từ nguồn kinh phí GPMB, xây dựng CSHT
38	Tư vấn khảo sát, cắm mốc, lập quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Chia lô đất ở dân cư tại vùng Đồng Mầu, xã Yên Sơn, huyện Đô Lương		Phòng giao dịch số 19 - KBNN khu vực XI	2444/QĐ-UBND ngày 16/8/2024	560,521	UBND xã Đô Lương	160,521	160,521	Sử dụng từ nguồn kinh phí GPMB, xây dựng CSHT
39	Tư vấn khảo sát, lập quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500, định vị cắm mốc quy hoạch, mốc phân lô công trình: Chia lô đất ở dân cư (để đầu tư xây dựng) tại Thị trấn Đô Lương, huyện Đô Lương	8070895	Phòng giao dịch số 19 - KBNN khu vực XI	2948/QĐ-UBND ngày 29/9/2022	530,675	UBND xã Đô Lương	441,441	441,441	Sử dụng từ nguồn kinh phí GPMB, xây dựng CSHT
40	Kinh phí Giải phóng mặt bằng các dự án, đầu tư, thẩm định giá, KP uỷ thác ngân hàng chính sách		Phòng giao dịch số 19 - KBNN khu vực XI			UBND xã Đô Lương	51.794,71	34.094,65	Sử dụng từ nguồn kinh phí GPMB, xây dựng CSHT
41	Hoàn trả vốn ứng Quỹ phát triển đất dự án: Giải phóng mặt bằng, xây dựng khu chia lô đất ở để đầu tư xây dựng đất vùng Đồng Cửa, xóm Đại Đồng xã Thịnh Sơn, huyện Đô Lương (Giai đoạn 01).		Phòng giao dịch số 19 - KBNN khu vực XI	QĐ số 859/QĐ-UBND ngày 18/3/2025	13,494	UBND xã Đô Lương	11.942	11.942	Sử dụng từ nguồn kinh phí GPMB, xây dựng CSHT
42	Hoàn trả vốn ứng Quỹ phát triển đất dự án: Giải phóng mặt bằng xây dựng khu chia lô đất ở để đầu tư xây dựng đất vùng Đồng Cây Trai, Đồng Thiện, Đồng Diệc xã Đà Sơn, huyện Đô Lương		Phòng giao dịch số 19 - KBNN khu vực XI			UBND xã Đô Lương	8.219,709	8.219,709	Sử dụng từ nguồn kinh phí GPMB, xây dựng CSHT
D	UBND xã Lương Sơn				26.200,530		11.009,436	6.509,436	
1	Giải phóng mặt bằng, xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ chia lô đất ở dân cư tại vùng Cửa Trường, xóm 2 (xóm 4 cũ), xã Trảng Sơn, huyện Đô Lương (giai đoạn 2)	8089091	Phòng giao dịch số 19 - KBNN khu vực XI	QĐ số 1943/QĐ-UBND ngày 11/7/2022	12.755,200	UBND xã Lương Sơn	6.000	3.000	Sử dụng từ nguồn kinh phí GPMB, xây dựng CSHT
2	Nhà học 2 tầng Trường Mầm non Trảng Sơn, huyện Đô Lương	7618956	Phòng giao dịch số 19 - KBNN khu vực XI	449/QĐ-UBND ngày 10/3/2020	4.429,436	UBND xã Lương Sơn	509,436	509,436	Sử dụng từ nguồn sử dụng đất phân 3 cấp
3	Giải phóng mặt bằng, xây dựng khu chia lô đất ở để đầu tư xây dựng đất ở dân cư tại vùng Cửa Trường, xã Bài Sơn, huyện Đô Lương (giai đoạn 1)	8084226	Phòng giao dịch số 19 - KBNN khu vực XI	QĐ số 3451/QĐ-UBND ngày 26/10/2023	9.015,894	UBND xã Lương Sơn	4.500	3.000	Sử dụng từ nguồn kinh phí GPMB, xây dựng CSHT

TT	Danh mục dự án	Mã dự án đầu tư	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Nghị quyết/Quyết định chủ trương đầu tư, Quyết định đầu tư, QĐ điều chỉnh CTĐT, QĐ điều chỉnh quyết định đầu tư/QĐ phê duyệt quyết toán		Chủ đầu tư (sau khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp)/Đơn vị tiếp nhận nhiệm vụ	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch năm 2025	Ghi chú
				Số quyết định, ngày tháng năm	TMDT				
.1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
E	UBND xã Thuần Trung				31.818,029		18.201,706	9.701,706	
1	Trụ sở Công an xã Lạc Sơn, huyện Đô Lương	7223086	Phòng giao dịch số 19 - KBNN khu vực XI	QĐ số 126/QĐ-UBND ngày 29/10/2024	2.999,646	UBND xã Thuần Trung	1.213	1.213	Sử dụng từ nguồn sử dụng đất phân 3 cấp
2	Giải phóng mặt bằng, xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ đầu giá chia lô đất ở dân cư tại xóm 1, xã Trung Sơn, huyện Đô Lương (giai đoạn 2)		Phòng giao dịch số 19 - KBNN khu vực XI	1307/QĐ-UBND ngày 16/5/2023	1.119,906	UBND xã Thuần Trung	103,716	103,716	Sử dụng từ nguồn kinh phí GPMB, xây dựng CSHT
3	Giải phóng mặt bằng, xây dựng khu chia lô đất ở để đầu giá quyền sử dụng đất tại vùng Trường Sơn, xã Trung Sơn, huyện Đô Lương (Giai đoạn 1)	8095466	Phòng giao dịch số 19 - KBNN khu vực XI	1047/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	14.255,796	UBND xã Thuần Trung	9.000	4.000	Sử dụng từ nguồn kinh phí GPMB, xây dựng CSHT
4	Giải phóng mặt bằng, xây dựng khu chia lô đất ở để đầu giá quyền sử dụng đất tại vùng Trường Sơn, xã Trung Sơn, huyện Đô Lương (Giai đoạn 2)	8066365	Phòng giao dịch số 19 - KBNN khu vực XI	Quyết định 2707/QĐ-UBND ngày 06/9/2023	12.942,342	UBND xã Thuần Trung	7.500	4.000	Sử dụng từ nguồn kinh phí GPMB, xây dựng CSHT
5	Chia lô đất ở dân cư vùng Đồng Cửa Tiền Trên, xóm 1, xã Xuân Sơn, huyện Đô Lương	8095291	Phòng giao dịch số 19 - KBNN khu vực XI	Quyết định số 2123/QĐ-UBND ngày 11/7/2024 của UBND huyện Đô Lương	78,636	UBND xã Thuần Trung	78,636	78,636	Sử dụng từ nguồn kinh phí GPMB, xây dựng CSHT
6	Khảo sát, lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500, định vị cắm mốc công trình: Quy hoạch chi tiết xây dựng chia lô đất ở tái định cư phục vụ dự án nâng cấp, mở rộng QL 15A và đầu giá quyền sử dụng đất tại vùng Chợ Nén, xã Nhân Sơn, huyện Đô Lương	8143397	Phòng giao dịch số 19 - KBNN khu vực XI	QĐ số 2220/QĐ-UBND ngày 01/7/2022	421,703	UBND xã Thuần Trung	306,354	306,354	Sử dụng từ nguồn kinh phí GPMB, xây dựng CSHT
F	UBND xã Văn Hiến				33.838,524		1.783,869	1.433,869	
1	Đường và cầu qua sông Khuôn tại xóm 14 xã Tân Sơn huyện Đô Lương	7484478	Phòng giao dịch số 19 - KBNN khu vực XI	QĐ: 2596/ ngày 30.8.2022	14.108,382	UBND xã Văn Hiến	550	200	Sử dụng từ nguồn sử dụng đất phân 3 cấp
2	Nâng cấp đường làng nghề Mộc Trung Hậu đoạn từ Giếng cửa Thần đến cổng làng Lê (Qua DTLS nhà thờ Đại tôn Nguyễn Tất) và XD sân thể thao xóm 6, xã Tân Sơn đạt chuẩn NTM kiểu mẫu	8090240	Phòng giao dịch số 19 - KBNN khu vực XI	QĐ: 150/QĐ-UBND ngày 21/5/2024 của UBND xã Tân Sơn	10.000,000	UBND xã Văn Hiến	988,791	988,791	Sử dụng từ nguồn sử dụng đất phân 3 cấp
3	Giải phóng mặt bằng, xây dựng đường giao thông quy hoạch 18m (đường quy hoạch huyện Tân – Thịnh) của vùng quy hoạch chia lô đất ở dân cư xóm 6, 7, 8 xã Tân Sơn nối Quốc lộ 7B với Quốc lộ 7C		Phòng giao dịch số 19 - KBNN khu vực XI	1919/QĐ-UBND ngày 11/7/2023	6.859,088	UBND xã Văn Hiến	156,669	156,669	Sử dụng từ nguồn kinh phí GPMB, xây dựng CSHT
4	Giải phóng mặt bằng, xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ đầu giá chia lô đất ở dân cư tại vùng Đậu Đa, xã Tân Sơn, huyện Đô Lương	8085866	Phòng giao dịch số 19 - KBNN khu vực XI	1734/QĐ-UBND ngày 05/6/2024	2.871,054	UBND xã Văn Hiến	88,409	88,409	Sử dụng từ nguồn kinh phí GPMB, xây dựng CSHT

Ghi chú: Việc điều chỉnh kế hoạch căn cứ theo các Nghị quyết của HĐND huyện Đô Lương (trước khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp): 27/NQ-HĐND ngày 22/12/2021 về kế hoạch đầu tư công năm 2022; 15/NQ-HĐND ngày 21/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023; 16/NQ-HĐND ngày 14/11/2024 về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2024; 02/NQ-HĐND ngày 24/5/2024 về việc điều chỉnh nguồn vốn và bổ sung danh mục kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2022-2025; 20/NQ-HĐND ngày 14/12/2024 về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2022-2025; 23/NQ-HĐND ngày 17/12/2024 về kế hoạch đầu tư công năm 2025.

**Biểu số 16: KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025; KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025
NGUỒN NGÂN SÁCH HUYỆN QUỲNH LƯU (CỦ) ĐIỀU CHỈNH VÀO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH CẤP XÃ**

(Kèm theo Quyết định số **3664** /QĐ-UBND ngày **14** tháng **11** năm 2025 của UBND tỉnh Nghệ An)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Mã dự án đầu tư	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã ngành kinh tế	Nghị quyết/Quyết định chủ trương đầu tư, Quyết định đầu tư, QĐ điều chỉnh CTĐT, QĐ điều chỉnh quyết định đầu tư/QĐ phê duyệt quyết toán		Chủ đầu tư (sau khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp)/Đơn vị tiếp nhận nhiệm vụ	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch năm 2025	Ghi chú
					Số quyết định, ngày tháng năm	TMBT				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	TỔNG SỐ					1.192.819,832		348.192,122	51.664,69	
A	UBND phường Quỳnh Mai					10.000		7.000		
I	Lĩnh vực văn hóa giáo dục					10.000		7.000		
1	Sửa chữa, nâng cấp Nghĩa trang liệt sỹ huyện Quỳnh Lưu, thị xã Hoàng Mai	7846766	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	161	NQ 07, 19/7/2022	10.000	UBND phường Quỳnh Mai	7.000		
B	UBND xã Quỳnh Anh					226.739,059		53.472,577	10.676,457	
I	Lĩnh vực nông nghiệp					80.208,985		12.782,577	3.225	
1	Xây dựng tuyến mương 773 giáp đầm nuôi tôm công nghiệp xã Quỳnh Bảng	7340411	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	283	Số 1203 ngày 23/5/2023	3.019	UBND xã Quỳnh Anh	600		
2	Kiên cố kênh tiêu cũ tròn về cầu ông Phúc và kênh khắc phục ô nhiễm môi trường từ Trần Hải xuống Trần Loan xóm 12 kết hợp đường giao thông xóm 6 đi xóm 13 và xóm 9 xã Quỳnh Thanh	8088587	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	283	50, 15/4/2024	8.000	UBND xã Quỳnh Anh	800	800	Nguồn trung hạn của huyện (QĐ 2529/QĐ-UBND ngày 10/6/2025)
3	Vùng nuôi tôm công nghiệp xã Quỳnh Thanh	7074173	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	283	300, 31/10/2013	14.060	UBND xã Quỳnh Anh	1.320	1.320	Nguồn trung hạn của huyện (QĐ 2529/QĐ-UBND ngày 10/6/2025)
4	Nâng cấp, sửa chữa nhà máy nước sinh hoạt xã Quỳnh Thanh	7210252	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	283	2687 18/9/2023	4.191,408	UBND xã Quỳnh Anh	300		
5	Kè chống sạt lở khu trung tâm du lịch xã Quỳnh Bảng.	7852145	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	283	1142, 19/6/2020	2.000	UBND xã Quỳnh Anh	1.250		
6	Nâng cấp đoạn đê sông mớ từ cống Hói trâu xã Quỳnh Minh đến Cầu máng xã Quỳnh Lương	7732772	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	283	1396, 22/07/2020	560	UBND xã Quỳnh Anh	64		
7	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước khe mây xã Quỳnh Tân	7340411	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	283	05542 và 881 ngày 16/11/2010 - 26/3/2012	22.910	UBND xã Quỳnh Anh	680	680	Nguồn trung hạn của huyện (QĐ 2529/QĐ-UBND ngày 10/6/2025)
8	Xây dựng kè bờ biển xã Quỳnh Bảng	7933117	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	283	1848, 23/9	2.000	UBND xã Quỳnh Anh	1.200		
9	02 cống qua sông Hói Muồng, xóm 3, xóm 6 xã Quỳnh Thanh	8044448	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	283	2109 ngày 21/08/2023	1.700	UBND xã Quỳnh Anh	700	425	Tiền sử dụng đất (QĐ 5262/QĐ-UBND ngày 31/12/2024)
10	Hạ tầng vùng sản xuất rau an toàn xã Quỳnh Lương		Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	283			UBND xã Quỳnh Anh	400		
11	Hạ tầng vùng sản xuất rau an toàn xã Quỳnh Minh		Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	283			UBND xã Quỳnh Anh	400		
12	Sửa chữa, khắc phục tuyến đê ngăn mặn từ xóm 12 xã Quỳnh Thanh đến xóm 7 xã Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu	7708379	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	283	846 ngày 09/05/2018	1.768,577	UBND xã Quỳnh Anh	568,577		

TT	Danh mục dự án	Mã dự án đầu tư	Địa điểm mô tả tài khoản của dự án	Mã ngành kinh tế	Nghị quyết/Quyết định chủ trương đầu tư, Quyết định đầu tư, QĐ điều chỉnh CTĐT, QĐ điều chỉnh quyết định đầu tư/QĐ phê duyệt quyết toán		Chủ đầu tư (sau khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp)/Đơn vị tiếp nhận nhiệm vụ	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch năm 2025	Ghi chú
					Số quyết định, ngày tháng năm	TMBT				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
13	Xây dựng tuyến kè bảo vệ đê biển Quỳnh Lương, huyện Quỳnh Lưu	8001266	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	283	160, 18/1/2023	3.000	UBND xã Quỳnh Anh	500		
14	Cải tạo, nâng cấp hệ thống kênh tiêu Cù Chính Lan đi sông Mơ, xã Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu	7908971	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	283	4650 ngày 01/12/2021	9.000	UBND xã Quỳnh Anh	1.000		
15	Nạo vét mở rộng dòng tiêu, giải tỏa ách tắc hệ thống tiêu sông Hói Muông (xã Quỳnh Thanh, Quỳnh Thạch, Quỳnh Văn, Quỳnh Bảng)		Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	283		8.000	UBND xã Quỳnh Anh	3.000		
II	Lĩnh vực giao thông					34.750		21.650	3.000	
1	Đường giao thông từ ĐT 537B đi vùng sản xuất rau công nghệ cao xã Quỳnh Lương	7876442	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	292	2524, 15/12/2020	900	UBND xã Quỳnh Anh	300		
2	Cải tạo NC đường GT ven biển Quỳnh Minh, Quỳnh Lương	7817965	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	292	2460, 7/10/2019	800	UBND xã Quỳnh Anh	400		
3	Xây dựng tuyến đường ngang số 2 xã Quỳnh Bảng, huyện Quỳnh Lưu	7919426	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	292	2610, 29/12/2021	10.000	UBND xã Quỳnh Anh	8.000		
4	Tuyến đường ĐT.537B (xóm 3, xã Quỳnh Lương) đi vùng mẫu sản xuất công nghệ cao, huyện Quỳnh Lưu	7975345	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	292	1646 ngày 08/09/2021	1.600	UBND xã Quỳnh Anh	600		
5	Xây dựng, lắp đặt hệ thống cổng chào, đèn led họa tiết trang trí quảng bá du lịch trên tuyến đường Hậu Đôi Yên Minh và cột đèn chiếu sáng kèm họa tiết trang trí led dọc tuyến đê biển Quỳnh Nghĩa	7905976	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	292	CV 1076, 05/6/2020	1.150	UBND xã Quỳnh Anh	550		
6	Nâng cấp đường giao thông từ xóm Mai Giang 2 đi xóm Tân Xuân xã Quỳnh Bảng	7340411	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	292	2524, 15/12/2020		UBND xã Quỳnh Anh	800		
7	Cải tạo, nâng cấp đường Đồng Tâm đi Tân Giang xã Quỳnh Bảng, huyện Quỳnh Lưu (Lý trình Km1+022,02-Km2+619,31)	7340411	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	292	41, 08/3/2023	6.500	UBND xã Quỳnh Anh	2.000	2.000	Nguồn trung hạn của huyện (QĐ 2529/QĐ-UBND ngày 10/6/2025)
8	Xây dựng đường giao thông thôn 4, thôn 7, thôn 8 xã Quỳnh Lương	7285555	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	292	235, 28/6/2021	3.800	UBND xã Quỳnh Anh	1.000	1.000	Nguồn trung hạn của huyện (QĐ 2529/QĐ-UBND ngày 10/6/2025)
9	Xây dựng tuyến đường ngang số 2 Khu du lịch biển Quỳnh Bảng, huyện Quỳnh Lưu	7919426	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	292	2610, 29/12/2021	10.000	UBND xã Quỳnh Anh	8.000		
III	Lĩnh vực văn hóa giáo dục					111.780,074		19.040	4.200	
1	Xây dựng nhà học và nhà chức năng 3 tầng 12 phòng trường TH & THCS Hồ Tùng Mậu, huyện Quỳnh Lưu.	7947771	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	072	1940, 06/7/2022	12.600	UBND xã Quỳnh Anh	2.520		
2	Xây dựng 14 phòng học trường mầm non Quỳnh Thanh	7801123	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	073	4499, 1/11/2019	14.991,8	UBND xã Quỳnh Anh	2.000		
3	Xây dựng quảng trường du lịch Biển Quỳnh Bảng	7919426	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	161	2610, 29/12/2021		UBND xã Quỳnh Anh	2.000		
4	Nhà đa chức năng khu trung tâm văn hóa thể thao xã Quỳnh Đôi	7624107	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	161	2242, 13/11/2020	12.708,938	UBND xã Quỳnh Anh	1.000		
5	Nhà học 2 tầng 14 phòng trường THCS Quỳnh Thanh	7632299	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	071	76, 19/1/2016	12.212,25	UBND xã Quỳnh Anh	2.400		
6	Nâng cấp sửa chữa khu di tích lịch sử đền Quy Lĩnh xã Quỳnh Lương	7919426	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	161	456, 7/5/2019		UBND xã Quỳnh Anh	500		
7	Nhà học 2 tầng 6 phòng trường TH A Quỳnh Thanh	7919157	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	072	208 31/3/2025	7.032,086	UBND xã Quỳnh Anh	900		

TT	Danh mục dự án	Mã dự án đầu tư	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã ngành kinh tế	Nghị quyết/Quyết định chủ trương đầu tư, Quyết định đầu tư, QĐ điều chỉnh CTĐT, QĐ điều chỉnh quyết định đầu tư/QĐ phê duyệt quyết toán		Chủ đầu tư (sau khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp)/Đơn vị tiếp nhận nhiệm vụ	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch năm 2025	Ghi chú
					Số quyết định, ngày tháng năm	TMDT				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
8	Nhà hiệu bộ kiêm nhà chức năng trường THCS Quỳnh Yên	7920464	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	072	1839, 17/9/2020	7.379	UBND xã Quỳnh Anh	1.000	1.000	Nguồn trung hạn của huyện (QĐ 2529/QĐ-UBND ngày 10/6/2025)
9	Xây dựng nhà hiệu bộ và 4 phòng học trường THCS Quỳnh Bảng	7919426	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	072	121, 18/5/2022	8.000	UBND xã Quỳnh Anh	500	500	Nguồn trung hạn của huyện (QĐ 2529/QĐ-UBND ngày 10/6/2025)
10	Xây dựng bể nước PCCC, nhà trạm bơm và lợp mái tôn chống nóng nhà học 3 tầng 12 phòng trường THCS Hồ Tùng Mậu xã Quỳnh Đôi	7210181	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	072	111, 16/8/2023	1.900	UBND xã Quỳnh Anh	1.000	1.000	Nguồn trung hạn của huyện (QĐ 2529/QĐ-UBND ngày 10/6/2025)
11	Nhà học và nhà chức năng trường THCS Quỳnh Yên	7859738	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	072	1363, 20/7/2020	12.820	UBND xã Quỳnh Anh	700	700	Nguồn trung hạn của huyện (QĐ 2529/QĐ-UBND ngày 10/6/2025)
12	Nhà học 2 tầng 10 phòng trường THCS Quỳnh Minh	7863021	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	072	1842, 17/9/2020	7.536	UBND xã Quỳnh Anh	1.000	1.000	Nguồn trung hạn của huyện (QĐ 2529/QĐ-UBND ngày 10/6/2025)
13	Xây dựng nhà học 2 tầng 12 phòng và công trình phụ trợ trường THCS Quỳnh Thanh, huyện Quỳnh Lưu		Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	073		14.600	UBND xã Quỳnh Anh	2.920		
14	XD 6 phòng học trường Mầm Non khu vực B xã Quỳnh Bảng		Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	072			UBND xã Quỳnh Anh	600		
IV	Kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng								251,457	
1	Kinh phí GPMB dự án bổ sung hạng mục đầu tư xây dựng đường GT từ QL1A đi Quỳnh Đôi nối đường du lịch biển Quỳnh Bảng, hạng mục: Tuyến nhánh giao với tuyến chính tại Km 1+640 đến UBND xã Quỳnh Bá (đoạn tuyến qua xã Quỳnh Thạch)		Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI				UBND xã Quỳnh Anh		251,457	Tiền sử dụng đất (QĐ 2266/QĐ-UBND ngày 23/5/2025)
C	UBND xã Quỳnh Lưu					262.306,775		92.719	13.200	
I	Lĩnh vực quốc phòng					30.000		12.000	2.000	
1	Xây dựng đường hầm trong căn cứ chiến đấu		Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI			30.000	UBND xã Quỳnh Lưu	10.000	2.000	Tiền sử dụng đất (QĐ 5262/QĐ-UBND ngày 31/12/2024)
2	Xây dựng nhà huấn luyện điều lệnh quân sự, võ thuật và thể dục, thể thao công an huyện Quỳnh Lưu	7004692	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI				UBND xã Quỳnh Lưu	2.000		
II	Lĩnh vực nông nghiệp					31.008		9.531	680	
1	Cải tạo, nâng cấp kênh tiêu Bon Bon xã Quỳnh Diễn	8050152	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	283	Số 1257 ngày 10/8/2022	2.500	UBND xã Quỳnh Lưu	1.800		
2	Xây dựng hệ thống thoát nước xung quanh trường MN Quỳnh Bá	7860079	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	283	254, 12/12/2024	907	UBND xã Quỳnh Lưu	600	600	Nguồn trung hạn của huyện (QĐ 2529/QĐ-UBND ngày 10/6/2025)
3	Sửa chữa, nâng cấp công ba cửa ngăn mặn xóm 1 xã Quỳnh Diễn	7783656	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	283	1359, 22/07/2020	670	UBND xã Quỳnh Lưu	170		
4	Sửa chữa khắc phục đoạn đê sông thái xã Quỳnh Hưng	7708378	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	283	845, 09/05/29018	1.731	UBND xã Quỳnh Lưu	181		
5	Cải tạo, nâng cấp sông đào đoạn qua thị trấn Cầu Giát và xã Quỳnh Hồng, huyện Quỳnh Lưu	8050152	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	283	1066, 13/5/19	4.400	UBND xã Quỳnh Lưu	700		
6	Tu sửa cống xi phông và kênh tiêu thoát nước cho các xã Quỳnh Hồng, Quỳnh Bá, Quỳnh Hưng đoạn qua xã Quỳnh Hưng	8050152	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	283	2165 ngày 24/08/2023	1.000	UBND xã Quỳnh Lưu	80	80	Nguồn trung hạn của huyện (QĐ 2529/QĐ-UBND ngày 10/6/2025)
7	Nạo vét mở rộng dòng tiêu, giải tỏa ách tắc hệ thống tiêu sông Thái	8060327	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	283	2109 ngày 21/08/2024	5.000	UBND xã Quỳnh Lưu	5.000		

TT	Danh mục dự án	Mã dự án đầu tư	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã ngành kinh tế	Nghị quyết/Quyết định chủ trương đầu tư, Quyết định đầu tư, QĐ điều chỉnh CTĐT, QĐ điều chỉnh quyết định đầu tư/QĐ phê duyệt quyết định		Chủ đầu tư (sau khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp)/Đơn vị tiếp nhận nhiệm vụ	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch năm 2025	Ghi chú
					Số quyết định, ngày tháng năm	TMDT				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
8	Kiên cố hóa kênh chống ngập úng Bình Sơn 2 xã Quỳnh Bá, huyện Quỳnh Lưu		Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	283	2555, 15/9/2023	14.800	UBND xã Quỳnh Lưu	1.000		
III	Lĩnh vực giao thông					90.348,665		24.864	2.860	
1	Đường giao thông nối QL1A đi nhà máy may Quỳnh Hồng	7580385	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	283	1568, 15/12/2018	8.816	UBND xã Quỳnh Lưu	1.000		
2	Đường vào khu công viên cây xanh – Trung tâm thể dục thể thao huyện Quỳnh Lưu.	7872508	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	292	NQ 05, 17/7/2020	14.800	UBND xã Quỳnh Lưu	6.000		
3	Hệ thống đèn tín hiệu giao thông tại ngã tư thị trấn Cầu Giát	7905976	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	292	1516, 31/8/2021	1.200	UBND xã Quỳnh Lưu	800		
4	Lắp đặt hệ thống đèn led họa tiết trang trí dọc tuyến QL 48B từ đường sắt Bắc nam đi ngang ba trung tâm thương mại xã Quỳnh bá	7860079	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	292	QĐ 1198, 24/6/2020	1.200	UBND xã Quỳnh Lưu	409		
5	Xây dựng tuyến đường chiến lược qua vùng giáo xóm 11 xã Quỳnh Hưng	7919634	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	292	235, 5/5/2019	6.286	UBND xã Quỳnh Lưu	650		
6	Cải tạo nâng cấp đường giao thông từ cầu hàng Bè xã Quỳnh Hồng đến đường chiến lược xóm 11 xã Quỳnh Hưng		Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	292	114a ngày 29/10/2019	795	UBND xã Quỳnh Lưu	600		
7	Đường giao thông nối Quốc lộ 48 B xã Quỳnh Bá	8050152	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	292	215, 08/8/2014	3.304	UBND xã Quỳnh Lưu	1.000		
8	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Quỳnh Hưng	7973602	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	292	784, 12/5/2014	13.919	UBND xã Quỳnh Lưu	920	920	Nguồn trung hạn của huyện (QĐ 2529/QĐ-UBND ngày 10/6/2025)
9	Đường GTNT đoạn từ nhà anh Thông xóm 6 đến nhà ông Tỷ xóm 9 xã Quỳnh Hưng	7973602	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	292	615, 08/8/2024	5.600	UBND xã Quỳnh Lưu	1.000	1.000	Nguồn trung hạn của huyện (QĐ 2529/QĐ-UBND ngày 10/6/2025)
10	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường vùng giáo dân xóm 12 (đoạn từ Cầu Khi đến đường bê tông nhà thờ xứ Vạn Thủy) xã Quỳnh Hưng	7892357	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	292	704, 13/9/2021	1.230	UBND xã Quỳnh Lưu	500	500	Nguồn trung hạn của huyện (QĐ 2529/QĐ-UBND ngày 10/6/2025)
11	Sửa chữa hệ thống đèn led trang trí trên tuyến đường QL1A và QL48B huyện Quỳnh Lưu	7057258	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	292	3670, 18/11/2024	770	UBND xã Quỳnh Lưu	440	440	Nguồn trung hạn của huyện (QĐ 2529/QĐ-UBND ngày 10/6/2025)
12	Đường giao thông từ Cầu Bình Sơn đi Quỳnh Ngọc		Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	292			UBND xã Quỳnh Lưu	500		
13	Hệ thống điện chiếu sáng thị trấn Cầu Giát, huyện Quỳnh Lưu	7203107	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	292	3700, 7626, 03/8/09, 31/12/14	3.866	UBND xã Quỳnh Lưu	595		
14	Đường giao thông nội bộ khu công viên cây xanh – Trung tâm thể dục thể thao huyện Quỳnh Lưu.	7872508	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	292	NQ 05, 17/7/2020	14.800	UBND xã Quỳnh Lưu	8.000		
15	Xây dựng đèn tín hiệu nút giao thông QL1A với QL48B tại lý trình Km404+300 QL1A (đoạn qua thị trấn Cầu Giát)	7905976	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	292	1516, 31/8/2021	1.200	UBND xã Quỳnh Lưu	500		
16	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ Đền Nghè Thôn Hồng Long đi đường Tư liệu thôn Hồng Phú xã Quỳnh Hồng		Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	292			UBND xã Quỳnh Lưu	500		
17	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông từ QL1A về xóm 3,4,5 xã Quỳnh Diễn		Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	292	Số 131 ngày 22/5/2023	12.562,665	UBND xã Quỳnh Lưu	400		
18	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông từ xóm 1 đi xóm 3 xã Quỳnh Bá		Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	292			UBND xã Quỳnh Lưu	400		
19	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ nhà văn hóa Thôn Hồng Yên đi Quỳnh Hưng		Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	292			UBND xã Quỳnh Lưu	650		

TT	Danh mục dự án	Mã dự án đầu tư	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã ngành kinh tế	Nghị quyết/Quyết định chủ trương đầu tư, Quyết định đầu tư, QĐ điều chỉnh CTĐT, QĐ điều chỉnh quyết định đầu tư/QĐ phê duyệt quyết toán		Chủ đầu tư (sau khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp)/Đơn vị tiếp nhận nhiệm vụ	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch năm 2025	Ghi chú
					Số quyết định, ngày tháng năm	TMBT				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
IV	Lĩnh vực văn hóa giáo dục					110.950,11		46.324	7.660	
1	Cải tạo nâng cấp sân cơ quan UBND huyện	7947773	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	341		2.500	UBND xã Quỳnh Lưu	250		
2	Hệ thống hội nghị giao ban trực tuyến tại phòng họp đầu cầu UBND huyện, Huyện ủy và phòng họp điểm cầu các xã, thị trấn trên địa bàn huyện	7919426	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	341			UBND xã Quỳnh Lưu	1 093		
3	Nhà học 2 tầng trường TH Quỳnh Giang		Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	071			UBND xã Quỳnh Lưu	1.400		
4	Nhà làm việc công an quân sự, nhà sinh hoạt cộng đồng, nâng cấp khuôn viên trụ sở UBND xã Quỳnh Bá	8050152	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	341		379,11	UBND xã Quỳnh Lưu	820		
5	Xây dựng nhà học kết hợp các phòng chức năng trường tiểu học xã Quỳnh Hưng		Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	072	236 ngày 28/11/2024	14.950	UBND xã Quỳnh Lưu	720		
6	Nhà làm việc Huyện ủy		Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	341			UBND xã Quỳnh Lưu	4.500		
7	Nhà học 2 tầng 6 phòng trường MN Quỳnh Diễn (xây dựng nhà học và khuôn viên)	8050152	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	072			UBND xã Quỳnh Lưu	600		
8	Nhà học 12 phòng trường MN Quỳnh Bá		Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	073			UBND xã Quỳnh Lưu	1.000		
9	Xây dựng nhà học 2 tầng 10 phòng trường THCS Quỳnh Hưng		Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	073		11.000	UBND xã Quỳnh Lưu	3.000		
10	Xây dựng nhà học 2 tầng 12 phòng trường TH xã Quỳnh Hưng		Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	072	1708, 21/10/2022	11.500	UBND xã Quỳnh Lưu	3.000	450	Nguồn trung hạn của huyện (QĐ 2529/QĐ-UBND ngày 10/6/2025)
11	Xây dựng khuôn viên trường MN Quỳnh Bá		Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	072	3619, 08/11/2024	1.898	UBND xã Quỳnh Lưu	800	800	Nguồn trung hạn của huyện (QĐ 2529/QĐ-UBND ngày 10/6/2025)
12	Xây dựng nhà học chức năng 2 tầng kết hợp nhà hiệu bộ và nhà bếp trường MN xã Quỳnh Bá		Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	072	236, 28/11/2024	14.950	UBND xã Quỳnh Lưu	1.000	1.000	Nguồn trung hạn của huyện (QĐ 2529/QĐ-UBND ngày 10/6/2025)
13	Xây dựng Đài tưởng niệm liệt sỹ xã Quỳnh Giang		Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	161	454, 05/11/2024	4.100	UBND xã Quỳnh Lưu	1.000	1.000	Nguồn trung hạn của huyện (QĐ 2529/QĐ-UBND ngày 10/6/2025)
14	Xây dựng kho lưu trữ và nâng cấp khuôn viên Cơ quan chính quyền huyện Quỳnh Lưu		Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	341	3353, 17/10/2024 1326, 18/4/2025	4.221	UBND xã Quỳnh Lưu	2.721	2.590	Nguồn trung hạn của huyện (QĐ 2529/QĐ-UBND ngày 10/6/2025)
15	Cải tạo nhà làm việc 3 tầng, phòng bảo vệ và phòng tiếp dân trụ sở UBND huyện Quỳnh Lưu		Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	341	3352, 17/10/2024	750	UBND xã Quỳnh Lưu	110	110	Nguồn trung hạn của huyện (QĐ 2529/QĐ-UBND ngày 10/6/2025)
16	Xây dựng nhà để xe cơ quan chính quyền huyện Quỳnh Lưu		Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	341	1560, 13/5/2024	1.200	UBND xã Quỳnh Lưu	110	110	Nguồn trung hạn của huyện (QĐ 2529/QĐ-UBND ngày 10/6/2025)
17	Cải tạo, sửa chữa mương thoát nước, sơn cửa nhà sinh hoạt cộng đồng, nhà làm việc 02 tầng, xây dựng bể nước sạch và các hạng mục phụ trợ trụ sở UBND xã Quỳnh Bá		Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	341	113a, 20/7/2021	374	UBND xã Quỳnh Lưu	250	250	Nguồn trung hạn của huyện (QĐ 2529/QĐ-UBND ngày 10/6/2025)
18	Cải tạo, sửa chữa một số hạng mục nhà làm việc khối dân huyện		Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	341	3574, 04/11/2024	1.200	UBND xã Quỳnh Lưu	1.200	1.200	Nguồn trung hạn của huyện (QĐ 2529/QĐ-UBND ngày 10/6/2025)
19	Cải tạo, nâng cấp sân, mương thoát nước, lắp đặt điện chiếu sáng và mua sắm thiết bị hội trường Cơ quan Huyện ủy		Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	341	2782, 22/9/2023	3.200	UBND xã Quỳnh Lưu	1.700		
20	Nhà đa chức năng trường THCS Hồ Xuân Hương	8054053	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	072	2612, 30/12/2022	3.000	UBND xã Quỳnh Lưu	2.000		
21	Xây dựng sân vận động huyện Quỳnh Lưu		Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	161			UBND xã Quỳnh Lưu	3.500		

TT	Danh mục dự án	Mã dự án đầu tư	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã ngành kinh tế	Nghị quyết/Quyết định chủ trương đầu tư, Quyết định đầu tư, QĐ điều chỉnh CTĐT, QĐ điều chỉnh quyết định đầu tư/QĐ phê duyệt quyết toán		Chủ đầu tư (sau khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp)/Đơn vị tiếp nhận nhiệm vụ	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch năm 2025	Ghi chú
					Số quyết định, ngày tháng năm	TMDT				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
22	Mở rộng khuôn viên UBND huyện	7904222	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	341	1517 ngày 31/08/2021; 2250 ngày 09/12/2022	2.000	UBND xã Quỳnh Lưu	2.500		
23	Xây dựng nhà học 2 tầng 12 phòng trường mầm non Quỳnh Hưng, huyện Quỳnh Lưu		Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	073		14.000	UBND xã Quỳnh Lưu	2.800		
24	Xây dựng trụ sở làm việc Trung tâm dịch vụ nông nghiệp huyện Quỳnh Lưu		Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	341		10.000	UBND xã Quỳnh Lưu	5.000		
25	Xây dựng sân vận động thể thao và đường vành đai đi giáo xứ Tân Lập thị trấn Cầu Giát		Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	161			UBND xã Quỳnh Lưu	1.000		
26	Trung tâm học tập cộng đồng xã Quỳnh Hồng		Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	072	QĐ 246 ngày 01/11/2021	6.050	UBND xã Quỳnh Lưu	1.000		
27	Xây dựng nhà hiệu bộ trường TH và THCS Quỳnh Ngọc		Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	072			UBND xã Quỳnh Lưu	300		
28	Nhà học 2 tầng 12 phòng trường TH và THCS Quỳnh Diễn		Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	072			UBND xã Quỳnh Lưu	1.000		
29	Sửa chữa, nâng cấp nhà làm việc trung tâm TDTT huyện Quỳnh Lưu		Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	341	2629, 25/11/2015	3.028	UBND xã Quỳnh Lưu	1.800		
30	Cải tạo hạ tầng sân vận động thể dục thể thao huyện Quỳnh Lưu		Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	161	44, 11/5/2021	650	UBND xã Quỳnh Lưu	150	150	Nguồn trung hạn của huyện (QĐ 2529/QĐ-UBND ngày 10/6/2025)
D	UBND xã Quỳnh Phú					285.118,152		88.781,152	4.766	
I	Lĩnh vực quốc phòng					7.398		7.663	1.050	
1	Thao trường huấn luyện, diễn tập chuyển trạng thái SSCĐ của Ban CHQS huyện Quỳnh Lưu		Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI			5.000	UBND xã Quỳnh Phú	7.000	950	Nguồn trung hạn của huyện (QĐ 2529/QĐ-UBND ngày 10/6/2025)
2	Cải tạo Khu hậu cần đồn biên phòng Quỳnh Thuận tại xã Quỳnh Minh		Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI		1329, 21/5/2024	450	Đồn BP Quỳnh Thuận	100	100	Nguồn trung hạn của huyện (QĐ 2529/QĐ-UBND ngày 10/6/2025)
1	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông từ QL48B vào đồn Biên phòng Quỳnh Thuận		Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	292	1121, 07/7/2022	1.948	Đồn BP Quỳnh Thuận	563		
II	Lĩnh vực nông nghiệp					143.609		24.134	1.000	
1	Cải tạo nâng cấp nương tiêu Đông Quan kết hợp nương tiêu sinh hoạt khu dân cư xã Quỳnh Nghĩa	7810492	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	283	1022/QĐ-UBND ngày 06/5/2019	2.985	UBND xã Quỳnh Phú	460		
2	Đê ngăn mặn thôn Tân Thắng, Hồng Phong xã An Hòa	7748750	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	283	197, 23/1/2019	2.200	UBND xã Quỳnh Phú	450		
3	Sửa chữa nâng cấp cống Eo và hệ thống nương thoát nước phục vụ nuôi tôm, sản xuất muối xã Quỳnh Thuận	7633109	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	283	1243, 05/7/2017	824	UBND xã Quỳnh Phú	124		
4	Xây dựng khu tránh trú bão cho tàu thuyền đánh bắt hải sản vùng Lạch Quên, huyện Quỳnh Lưu	7057264	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	283	4146 ngày 04/11/2021, 4407-3109-5415 ngày 21/11/2006 - 16/8/2012 - 19/11/2015	126.000	UBND xã Quỳnh Phú	10.000	1.000	Nguồn trung hạn của huyện (QĐ 2529/QĐ-UBND ngày 10/6/2025)
5	Xây dựng hệ thống xử lý nước thải khu chế biến thủy sản tập trung huyện Quỳnh Lưu		Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	283			UBND xã Quỳnh Phú	3.000		

TT	Danh mục dự án	Mã dự án đầu tư	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã ngành kinh tế	Nghị quyết/Quyết định chủ trương đầu tư, Quyết định đầu tư, QĐ điều chỉnh CTĐT, QĐ điều chỉnh quyết định đầu tư/QĐ phê duyệt quyết toán		Chủ đầu tư (sau khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp)/Đơn vị tiếp nhận nhiệm vụ	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch năm 2025	Ghi chú
					Số quyết định, ngày tháng năm	TMBT				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
6	Mặt bằng chợ đầu mối hải sản huyện Quỳnh Lưu		Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	283			UBND xã Quỳnh Phú	1.500		
7	Sửa chữa tuyến đê ngăn mặn từ cống hỏi trùn xã An Hòa đến chợ Ngõ xã Sơn Hải	7933116	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	283	2390 ngày 08/12/2021	1.600	UBND xã Quỳnh Phú	600		
8	Xây dựng công và tuyến kè chống sạt lở kết nối kè số 6 đến đê sông Mơ thôn Minh Sơn xã Tiên Thủy		Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	283		10.000	UBND xã Quỳnh Phú	8.000		
III	Lĩnh vực giao thông					68.548,152		37.244,152	100	
1	Cải tạo nâng cấp các tuyến đường GTNT xã An Hòa	7210253	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	292	238, 2/3/2020	2.654	UBND xã Quỳnh Phú	600		
2	Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường từ thôn Thọ Tiến xã Quỳnh Thọ, huyện Quỳnh Lưu đi Diễn Hùng huyện Diễn Châu	7931424	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	292	NQ 22, 05/01/2021	2.900	UBND xã Quỳnh Phú	750		
3	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn (đoạn từ nghĩa trang liệt sỹ đến đồng muối) xã Quỳnh Thuận	7942415	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	292	1828, 19/9/2018	2.700	UBND xã Quỳnh Phú	200		
4	Xây dựng Cầu trên tuyến đường xã Quỳnh Thuận đi xã An Hòa	7874604	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	292	1431, 28/7/2020	1.750	UBND xã Quỳnh Phú	1.350	100	Nguồn trung hạn của huyện (QĐ 2529/QĐ-UBND ngày 10/6/2025)
5	Xây dựng tuyến đường ngang số 2 Khu du lịch biển Quỳnh Nghĩa, huyện Quỳnh Lưu	7876443	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	292	NQ 05, 17/7/2021	14.800	UBND xã Quỳnh Phú	8.000		
6	Đường giao thông nối từ Quốc lộ 48B vào khu chế biến thủy sản tập trung huyện Quỳnh Lưu	7919426	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	292			UBND xã Quỳnh Phú	3.000		
7	Nâng cấp đường giao thông từ Quỳnh Thuận đi Quỳnh Long (đường giao thông từ đình tám mái thôn phủ yên đến ao thôn Hòa thuận Quỳnh Thuận)	7919636	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	292	568, 5/4/2022	2.200	UBND xã Quỳnh Phú	1.000		
8	Nâng cấp đường giao thông từ cầu Tân Thịnh đến Giáo xứ Vĩnh Yên, thôn Tân Thịnh, xã An Hòa		Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	292	NQ 13, 07/11/2022	9.000	UBND xã Quỳnh Phú	1.500		
9	Cầu qua kênh nhà Lê xã Quỳnh Thọ huyện Quỳnh Lưu	8116910	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	292	23/NQ-HĐND ngày 01/03/2023	14.900	UBND xã Quỳnh Phú	700		
10	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông tuyến Sơn Hải-Quỳnh Thọ đoạn từ Quốc Lộ 48B đến cầu Sơn Thọ, huyện Quỳnh Lưu	7714140	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	292	1013, 01/6/2020	3.144,152	UBND xã Quỳnh Phú	644,152		
11	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nối từ QL48B xã Quỳnh Thuận đến xã An Hòa huyện Quỳnh Lưu		Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	292			UBND xã Quỳnh Phú	3.500		
12	Đường giao thông nội bộ khu chế biến thủy sản tập trung huyện Quỳnh Lưu		Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	292		14.500	UBND xã Quỳnh Phú	8.000		
13	Mở rộng tuyến đường du lịch biển Quỳnh Nghĩa, đoạn từ Khu công viên trung tâm đến cống Ngâm		Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	292			UBND xã Quỳnh Phú	8.000		
IV	Lĩnh vực văn hóa giáo dục					65.563		19.740	1.000	
1	Nhà làm việc 03 tầng của các đoàn thể và nơi nhận, trả kết quả của công dân theo cơ chế một cửa xã An Hòa	7895988	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	161	NQ14/NQ-HĐND ngày 28/7/2020	4.557	UBND xã Quỳnh Phú	1.000		
2	Cải tạo, nâng cấp sân vận động xã An Hòa	7832391	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	161	1844/QĐ-UBND ngày 30/7/2019	2.700	UBND xã Quỳnh Phú	600		
3	Nhà làm việc một cửa và các phòng làm việc của các đoàn thể xã Quỳnh Thọ	7900399	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	341	NQ số 20/NĐ-HĐND ngày 31/12/2024	4.578	UBND xã Quỳnh Phú	1.000		

TT	Danh mục dự án	Mã dự án đầu tư	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã ngành kinh tế	Nghị quyết/Quyết định chủ trương đầu tư, Quyết định đầu tư, QĐ điều chỉnh CTĐT, QĐ điều chỉnh quyết định đầu tư/QĐ phê duyệt quyết toán		Chủ đầu tư (sau khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp)/Đơn vị tiếp nhận nhiệm vụ	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch năm 2025	Ghi chú
					Số quyết định, ngày tháng năm	TMDT				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
4	Xây dựng Trạm y tế xã Quỳnh Long	7210205	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	139		3.000	UBND xã Quỳnh Phú	1.000		
5	Nhà văn hóa xã An Hòa	7332532	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	161	904, 09/4/2013	5.364	UBND xã Quỳnh Phú	1.000	1.000	Nguồn trung hạn của huyện (QĐ 2529/QĐ-UBND ngày 10/6/2025)
6	Nhà học 3 tầng 18 phòng trường tiểu học An Hòa, huyện Quỳnh Lưu	7947772	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	072	1596, 08/6/2022	14.995	UBND xã Quỳnh Phú	2.780		
7	Nhà nhà hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ trường tiểu học Tiến Thủy	7971913	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	071	65/QĐ-UBND ngày 01/4/2022	13.776	UBND xã Quỳnh Phú	1.300		
8	Nhà học 2 tầng 8 phòng trường TH An Hòa		Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	072			UBND xã Quỳnh Phú	960		
9	Nhà học 2 tầng 12 phòng trường THCS An Hòa	7210253	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	072	QĐ 907/QĐ-UBND ngày 10/4/2013 của UBND huyện	7.305	UBND xã Quỳnh Phú	1.000		
10	Nhà học 2 tầng 12 phòng trường TH An Hòa	7828834	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	072	QĐ số 809/QĐ-UBND ngày 01/4/2013	7.288	UBND xã Quỳnh Phú	600		
11	Trụ sở làm việc UBND xã An Hòa	7210253	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	341			UBND xã Quỳnh Phú	800		
12	Nhà học, phòng thực hành, phòng chức năng 2 tầng 10 phòng trường THCS Quỳnh Long	7942415	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	072	01/NQ-HĐND ngày 23/3/2021		UBND xã Quỳnh Phú	500		
13	Nhà học 2 tầng 8 phòng trường THCS Quỳnh Long	7788425	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	072			UBND xã Quỳnh Phú	800		
14	Hoàn thiện phần mái nhà học 3 tầng và các hạng mục phụ trợ trường TH An Hòa.	7210253	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	072	157, 09/9/2024 129, 05/7/2024	2.000	UBND xã Quỳnh Phú	1.400		
15	Chợ Du lịch xã Quỳnh Nghĩa		Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	161			UBND xã Quỳnh Phú	5.000		
V	Lĩnh vực quy hoạch								47	
1	Kinh phí trích dự án xây dựng hạ tầng khu tái định cư tại các xã Quỳnh Thuận, Tiến Thủy, Quỳnh Thọ, Quỳnh Nghĩa huyện Quỳnh Lưu phục vụ GPMB thi công dự án: Đường ven biển Nghi Sơn (Thanh Hóa) đi Cửa Lò (Nghệ An) Km7-Km76		Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI				UBND xã Quỳnh Phú		47	Tiền sử dụng đất (QĐ 2266/QĐ-UBND ngày 23/5/2025)
VI	Kinh phí đầu tư hạ tầng đất ở								1.568,803	
1	Kinh phí xây dựng hạ tầng, trích đo, GPMB khu đấu giá vùng quy hoạch Đồng chùa, thôn 3, xã Sơn Hải		Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI				UBND xã Quỳnh Phú		1.215,142	Tiền sử dụng đất (QĐ 2699/QĐ-UBND ngày 15/6/2025; QĐ 2754/QĐ-UBND ngày 17/6/2025)
2	Kinh phí xây dựng hạ tầng, trích đo, GPMB khu đấu giá khu vực Đồng Vạc, thôn 3, xã Quỳnh Nghĩa		Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI				UBND xã Quỳnh Phú		353,661	Tiền sử dụng đất (QĐ 2704/QĐ-UBND ngày 15/6/2025)
E	UBND xã Quỳnh Sơn					90.884		33.981	6.475,79	

TT	Danh mục dự án	Mã dự án đầu tư	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã ngành kinh tế	Nghị quyết/Quyết định chủ trương đầu tư, Quyết định đầu tư, QĐ điều chỉnh CTDT, QĐ điều chỉnh quyết định đầu tư/QĐ phê duyệt quyết toán		Chủ đầu tư (sau khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp)/Đơn vị tiếp nhận nhiệm vụ	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch năm 2025	Ghi chú
					Số quyết định, ngày tháng năm	TMDT				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
I	Lĩnh vực nông nghiệp					30.294		4.369	200	
1	Tu bổ sửa chữa tràn đập Hóc Dong xã Ngọc Sơn	7767964	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	283	1092, 15/5/2019	2.000	UBND xã Quỳnh Sơn	520		
2	Nạo vét, nâng cấp kênh T7 xã Quỳnh Lâm	7619366	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	283	320, 20/02/2017	1.095	UBND xã Quỳnh Sơn	424		
3	Sửa chữa, nâng cấp đập dâng Bàu Xả, xã Quỳnh Lâm, huyện Quỳnh Lưu	7528038	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	283	5546, 23/10/14	7.694	UBND xã Quỳnh Sơn	1.000		
4	Xây dựng công lấy nước và công trình phụ trợ dự án đập dâng Bàu Xả, xã Quỳnh Lâm	7771705	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	283	1667, 25/08/2020	579	UBND xã Quỳnh Sơn	199		
5	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Hòn Riêng xã Ngọc Sơn, huyện Quỳnh Lưu	8001264	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	283	2612 ngày 30/12/2022	3.000	UBND xã Quỳnh Sơn	500	200	Nguồn trung hạn của huyện (QĐ 2529/QĐ-UBND ngày 10/6/2025)
6	Kiên cố hóa hệ thống kênh tiêu Nam hà và Bình Sơn xã Quỳnh Mỹ, Quỳnh Hoa huyện Quỳnh Lưu	7915067	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	283	25, 5/6/2021	15.000	UBND xã Quỳnh Sơn	1.500		
7	Sửa chữa, nâng cấp đập Khe Mài thôn 2 xã Ngọc Sơn, huyện Quỳnh Lưu	7753136	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	283	2555, 15/10/19	926	UBND xã Quỳnh Sơn	226		
II	Lĩnh vực giao thông					26.623		11.792	4.000	
1	Nâng cấp, cải tạo đường GTNTI liên xã Quỳnh Mỹ-Quỳnh Hoa đoạn qua thôn 7 xã Quỳnh Mỹ huyện Quỳnh Lưu	7566651	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	292	1599, 20/8/2020	5.292	UBND xã Quỳnh Sơn	592		
2	SC đường giao thông vào nhà máy xử lý chất thải rắn T-Tech tại xã Ngọc Sơn	7860079	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	292	1169, 21/5/2019	3.000	UBND xã Quỳnh Sơn	2.500		
3	Xây dựng đường dây trung thế 35KV cấp điện vào cụm công nghiệp Quỳnh Hoa, huyện Quỳnh Lưu	8111450	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	292	14/NQ-HĐND ngày 15/12/2023; 2253/QĐ-UBND ngày 09/7/2024	4.000	UBND xã Quỳnh Sơn	4.000	2.000	Tiền sử dụng đất (QĐ 5262/QĐ-UBND ngày 31/12/2024)
4	Đường giao thông thôn 7 đến trường Mầm non Ngọc Sơn	7753136	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	292	31, 22/2/2023	4.831	UBND xã Quỳnh Sơn	1.000	1.000	Nguồn trung hạn của huyện (QĐ 2529/QĐ-UBND ngày 10/6/2025)
5	Nâng cấp đường giao thông từ QL48B đi nhà văn hóa xóm 14 cũ nối đường dân sinh cao tốc xã Quỳnh Lâm	7619366	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	292	175, 10/6/2024	9.500	UBND xã Quỳnh Sơn	1.000	1.000	Nguồn trung hạn của huyện (QĐ 2529/QĐ-UBND ngày 10/6/2025)
6	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông từ thôn 11 đi thôn 2 xã Quỳnh Lâm	7973602	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	292	88/QĐ-UBND, ngày 21/12/2022		UBND xã Quỳnh Sơn	900		
7	Nâng cấp, sửa chữa đường giao thông đoạn từ Thôn 5 xã Quỳnh Lâm đi Diên Lâm, huyện Quỳnh Lưu	7892357	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	292	2399/QĐ-UBND ngày 21/12/2022		UBND xã Quỳnh Sơn	1.500		
8	Nâng cấp cải tạo tuyến đường Bât từ thôn 3 nối đường miền Tây Quỳnh Lưu (thuộc thôn 5) xã Quỳnh Hoa		Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	292			UBND xã Quỳnh Sơn	300		
III	Lĩnh vực văn hóa giáo dục					33.967		17.820	1.900	
1	Xây dựng nhà học và nhà hiệu bộ 3 tầng trường THCS Quỳnh Lâm, huyện Quỳnh Lưu	7947773	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	073	1938, 06/7/2022	14.600	UBND xã Quỳnh Sơn	2.920		
2	Xây dựng nhà học cụm Sơn Lâm Trường Mầm non Quỳnh Lâm	7876663	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	071	324/QĐ-UBND, ngày 07/11/2024		UBND xã Quỳnh Sơn	1.900		
3	Nhà học 2 tầng 6 phòng trường TH và THCS Quỳnh Hoa	7624107	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	161			UBND xã Quỳnh Sơn	600	300	Tiền sử dụng đất (QĐ 5262/QĐ-UBND ngày 31/12/2024)

TT	Danh mục dự án	Mã dự án đầu tư	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã ngành kinh tế	Nghị quyết/Quyết định chủ trương đầu tư, Quyết định đầu tư, QĐ điều chỉnh CTĐT, QĐ điều chỉnh quyết định đầu tư/QĐ phê duyệt quyết toán		Chủ đầu tư (sau khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp)/Đơn vị tiếp nhận nhiệm vụ	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch năm 2025	Ghi chú
					Số quyết định, ngày tháng năm	TMDT				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
4	Nhà học 12 phòng trường TH Quỳnh Lâm B		Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	072			UBND xã Quỳnh Sơn	1.500		
5	Xây dựng nhà học 3 tầng 15 phòng trường TH và THCS xã Ngọc Sơn	7947773	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	072	285, 12/12/2024	14.367	UBND xã Quỳnh Sơn	2.500	1.600	Nguồn trung hạn của huyện (QĐ 2529/QĐ-UBND ngày 10/6/2025)
6	Hạ tầng khu xây dựng nhà máy rác thải huyện Quỳnh Lưu		Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	341		5.000	UBND xã Quỳnh Sơn	5.000		
7	Nhà học 2 tầng 8 phòng trường Mầm non Quỳnh Mỹ		Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	072			UBND xã Quỳnh Sơn	800		
8	Nhà học 3 tầng 12 phòng bậc Tiểu học trường TH&THCS Quỳnh Hoa	7210249	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	073	199/QĐ-UBND ngày 21/11/2022		UBND xã Quỳnh Sơn	750		
9	Nhà học chức năng và khuôn viên trường THCS Quỳnh Lâm		Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	072			UBND xã Quỳnh Sơn	700		
10	Trạm y tế xã Quỳnh Lâm		Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	292			UBND xã Quỳnh Sơn	450		
11	Nhà học 12 phòng bậc tiểu học trường TH&THCS Quỳnh Hoa	7951083	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	072	1919/QĐ-UBND ngày 03/06/2024		UBND xã Quỳnh Sơn	600		
IV	Kinh phí đầu tư hạ tầng đất ở								375,790	
1	Kinh phí xây dựng hạ tầng, trích đo, GPMB khu đất giá xóm 5, xã Quỳnh Lâm		Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI				UBND xã Quỳnh Sơn		375,790	Tiền sử dụng đất (QĐ 2703/QĐ-UBND ngày 15/6/2025)
G	UBND xã Quỳnh Tam					152.753,546		36.931,393	8.750	
I	Lĩnh vực nông nghiệp					17.400		2.150	750	
1	Sửa chữa tuyến mương tưới và đường giao thông nội đồng xã Quỳnh Tam		Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	283	63, 17/01/2025	14.900	UBND xã Quỳnh Tam	750	750	Nguồn trung hạn của huyện (QĐ 2529/QĐ-UBND ngày 10/6/2025)
2	Sửa chữa, nâng cấp đập Hóc Cối xóm 4 xã Quỳnh Tam	7753144	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	283	886, 24/4/2019	2.500	UBND xã Quỳnh Tam	1.000		
3	Hạ tầng vùng sản xuất rau an toàn xã Quỳnh Tân Sơn		Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	283			UBND xã Quỳnh Tam	400		
II	Lĩnh vực giao thông					44.754,679		18.035,679	6.000	
1	Đường giao thông nông thôn tuyến Trường Yên (QL48) - Đường nguyên liệu dừa xã Quỳnh Tam, huyện Quỳnh Lưu. Hạng mục: Tuyến đường GTNT từ xóm 5 đi xóm 6 xã Quỳnh Tam	7919426	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	292	3638, 25/10/2013	4.901	UBND xã Quỳnh Tam	1.700	1.700	Nguồn trung hạn của huyện (QĐ 2529/QĐ-UBND ngày 10/6/2025)
2	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường đoạn từ tỉnh lộ 538 đi xóm 4 đi xóm 5 xã Quỳnh Tam	7876443	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	292	156, 20/3/2025	900	UBND xã Quỳnh Tam	2.000	2.000	Nguồn trung hạn của huyện (QĐ 2529/QĐ-UBND ngày 10/6/2025)
3	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường giao thông đoạn từ QL48 qua xóm 6 xã Quỳnh Châu	7580385	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	292	62, 26/3/2025	10.400	UBND xã Quỳnh Tam	2.300	2.300	Nguồn trung hạn của huyện (QĐ 2529/QĐ-UBND ngày 10/6/2025)
4	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông tuyến từ xóm Hưng Tân đi xã Tân Sơn, xã Quỳnh Châu	7919636	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	292	135 ngày 01/05/2019	3.000	UBND xã Quỳnh Tam	1.000		
5	Tuyến đường giao thông từ Quỳnh Châu đi Tân Sơn	7876657	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	292	2526, 15/12/2020	1.500	UBND xã Quỳnh Tam	800		
6	Nâng cấp đường nguyên liệu dừa xã Quỳnh Tam	7933117	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	292	2610, 4/5/2019	4.500	UBND xã Quỳnh Tam	2.000		
7	Quỳnh Tam - Tân Sơn (tỉnh lộ 538 đi xã Tân Sơn), huyện Quỳnh Lưu	7919634	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	292	1151 ngày 08/07/2021	2.000	UBND xã Quỳnh Tam	900		

TT	Danh mục dự án	Mã dự án đầu tư	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã ngành kinh tế	Nghị quyết/Quyết định chủ trương đầu tư, Quyết định đầu tư, QĐ điều chỉnh CTĐT, QĐ điều chỉnh quyết định đầu tư/QĐ phê duyệt quyết toán		Chủ đầu tư (sau khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp)/Đơn vị tiếp nhận nhiệm vụ	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch năm 2025	Ghi chú
					Số quyết định, ngày tháng năm	TMBT				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
8	Tuyến đường giao thông Quynh Châu đi Tân Sơn, huyện Quynh Lưu	7920836	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	292	1646 ngày 08/09/2021	2.000	UBND xã Quynh Tam	1.000		
9	Tuyến đường giao thông Quynh Tam đi Quynh Châu, huyện Quynh Lưu	7919633	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	292	1646 ngày 08/09/2021	1.600	UBND xã Quynh Tam	900		
10	cải tạo, nâng cấp đường giao thông tuyến Quynh Châu-Tân Sơn đoạn qua thôn 7 và 8 xã Tân Sơn, huyện Quynh Lưu	7720070	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	292	1599, 20/8/2020	5.196,679	UBND xã Quynh Tam	496,679		
11	Hệ Thống điện chiếu sáng đô thị Tuấn	7459280	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	292	4982 ngày 28/10/2013	8.757	UBND xã Quynh Tam	1.939		
12	Đường giao thông vào cụm công nghiệp Quynh Châu huyện Quynh Lưu		Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	292			UBND xã Quynh Tam	3.000		
III	Lĩnh vực văn hóa giáo dục					90.598,867		16.745,714	2.000	
1	Nhà học 2 tầng 10 phòng trường TH Quynh Tam	7057258	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	072	896 ngày 02 tháng 09 năm 2021	6.500	UBND xã Quynh Tam	1.500		
2	Nhà học 2 tầng 8 phòng trường Mầm non Quynh Tam	7832391	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	072	Số 557 ngày 05/8/2022	14.900	UBND xã Quynh Tam	800		
3	Nhà học 2 tầng 12 phòng trường Tiểu học Tân Sơn	7947771	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	072	1828/QĐ-UBND ngày 04/11/2022	10.500	UBND xã Quynh Tam	750		
4	Xây dựng nhà học 2 tầng 12 phòng trường THCS Quynh Tam		Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	072	39, 17/1/2024	13.222	UBND xã Quynh Tam	1.300	1.300	Nguồn trung hạn của huyện (QĐ 2529/QĐ-UBND ngày 10/6/2025)
5	Sửa chữa dây nhà cấp 4 trường TH Quynh Châu A	7919426	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	072	232, 19/9/2024	856	UBND xã Quynh Tam	300	300	Nguồn trung hạn của huyện (QĐ 2529/QĐ-UBND ngày 10/6/2025)
6	Xây dựng Trạm y tế xã Tân Sơn		Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	92	2082/QĐ-UBND ngày 27/10/2021	1.000	UBND xã Quynh Tam	1.000		
7	Nhà học 2 tầng trường Tiểu học Quynh Châu A		Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	072	Số 82 ngày 02/4/2024	857	UBND xã Quynh Tam	700		
8	Nhà học 2 tầng trường Tiểu học Quynh Châu B		Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	072	53 ngày 19/3/2020	8.583	UBND xã Quynh Tam	700		
9	Nhà hiệu bộ trường THCS Quynh Châu		Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	072	Số 3227 ngày 01/10/2024	12.356	UBND xã Quynh Tam	700		
10	Trụ sở làm việc xã Quynh Châu		Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	072			UBND xã Quynh Tam	900		
11	Nhà học 10 phòng cụm lễ trường Tiểu học Tân Sơn		Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	072	187/QĐ-UBND ngày 09/12/2022	7.396	UBND xã Quynh Tam	500		
12	Nhà học 2 tầng 16 phòng trường TH Quynh Tam		Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	072	505 ngày 03/06/2021	1.102	UBND xã Quynh Tam	960		
13	Trụ sở làm việc Đảng ủy-HĐND-UBND xã Tân Sơn		Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	072			UBND xã Quynh Tam	900		
14	Xây dựng Trụ sở làm việc xã Quynh Châu		Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	072		9.000	UBND xã Quynh Tam	3.000		
15	Nhà học 2 tầng trường Tiểu học Quynh Châu B		Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	072	54 ngày 19/3/2020	3.176,867	UBND xã Quynh Tam	2.335,714		
16	Sửa chữa sân trường TH Tân Sơn		Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	072	32, 8/8/2024	1.150	Trường TH Tân Sơn	400	400	Nguồn trung hạn của huyện (QĐ 2529/QĐ-UBND ngày 10/6/2025)
H	UBND xã Quynh Thắng					66.904,3		7.999	1.650	
I	Lĩnh vực nông nghiệp					29.334		3.999	600	

TT	Danh mục dự án	Mã dự án đầu tư	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã ngành kinh tế	Nghị quyết/Quyết định chủ trương đầu tư, Quyết định đầu tư, QĐ điều chỉnh CTĐT, QĐ điều chỉnh quyết định đầu tư/QĐ phê duyệt quyết toán		Chủ đầu tư (sau khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp)/Đơn vị tiếp nhận nhiệm vụ	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch năm 2025	Ghi chú
					Số quyết định, ngày tháng năm	TMBT				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Tây Nguyên xã Quỳnh Thắng	7116748	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	283	927, 23/5/2014	11.949	UBND xã Quỳnh Thắng	1.000	600	Tiền sử dụng đất (QĐ 5262/QĐ-UBND ngày 31/12/2024)
2	Kênh trạm bơm Tân Thành và kênh chính hồ Nam Việt xã Tân Thắng	7274927	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	283	2736, 12/10/12	2.184	UBND xã Quỳnh Thắng	400		
3	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Vững Đá, xã Quỳnh Thắng, huyện Quỳnh Lưu	7499697	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	283	39, 30/3/20	14.058	UBND xã Quỳnh Thắng	1.600		
4	Sửa chữa, nâng cấp đập Lèn Dài xã Quỳnh Thắng	7624936	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	283	1698/ 8 /9/2017	1.143	UBND xã Quỳnh Thắng	99		
II	Lĩnh vực giao thông					8.799,259		2.300	700	
1	Đường GTNT đoạn qua thôn 12 xã Quỳnh Thắng (đoạn từ nhà ông Lưu đi nhà a Hà)	7892357	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	292	642, 05/11/2024	6.817	UBND xã Quỳnh Thắng	700	700	Nguồn trung hạn của huyện (QĐ 2529/QĐ-UBND ngày 10/6/2025)
2	Sửa chữa, nâng cấp một số tuyến đường giao thông xã Quỳnh Thắng	7946005	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	292	310, ngày 09/08/2021	1.982,259	UBND xã Quỳnh Thắng	700		
3	Nâng cấp sửa chữa đường giao thông từ QL48B vào nhà máy Xi măng Tân Thắng		Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	292			UBND xã Quỳnh Thắng	500		
4	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông Quỳnh Tân đi Quỳnh Thắng		Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	292			UBND xã Quỳnh Thắng	400		
III	Lĩnh vực văn hóa giáo dục					28.771,041		2.600		
1	Nhà học chức năng trường THCS Quỳnh Thắng	7276050	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	072	1847 ngày 23/09/2021	5.986,881	UBND xã Quỳnh Thắng	400		
2	Xây dựng các nhà chức năng và công trình phụ trợ trường Mầm non (cụm Trung tâm)		Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	072	QĐ số 440, ngày 04/07/2023	11.622,924	UBND xã Quỳnh Thắng	1.200		
3	Nhà học 2 tầng 12 phòng trường MN Quỳnh Thắng	7884532	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	072	Số 1967, ngày 09/10/2020	11.161,236	UBND xã Quỳnh Thắng	1.000		
IV	Kinh phí đầu tư hạ tầng đất ở								350	
1	Di dời hệ thống cột và đường dây 35KV tại thôn 1, xã Quỳnh Thắng		Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI				UBND xã Quỳnh Thắng		350	Tiền sử dụng đất (QĐ 2917/QĐ-UBND ngày 25/6/2025)
K	UBND xã Quỳnh Văn					98.114		27.308	6.146,64	
I	Lĩnh vực nông nghiệp					29.557		4.350	3.050	
1	Sửa chữa tuyến kênh tưới và đường giao thông nội đồng xã Quỳnh Tân, huyện Quỳnh Lưu	7624412	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	283	21, 20/01/2025	14.900	UBND xã Quỳnh Văn	2.050	2.050	Nguồn trung hạn của huyện (QĐ 2529/QĐ-UBND ngày 10/6/2025)
2	Nâng cấp tuyến mương xóm 5 đi xóm 14 và xóm 10 đi xóm 13 xã Quỳnh Tân	7963291	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	283	1142, 19/6/2022	4.781	UBND xã Quỳnh Văn	1.000	1.000	Nguồn trung hạn của huyện (QĐ 2529/QĐ-UBND ngày 10/6/2025)
3	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Eo Dầu xã Quỳnh Văn huyện Quỳnh Lưu	7624412	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	283	4957, 25/10/2013	9.876	UBND xã Quỳnh Văn	800		
4	Mương tiêu đồng cưa xóm 9 đi xóm 10 xã Quỳnh Thạch		Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	283			UBND xã Quỳnh Văn	500		

TT	Danh mục dự án	Mã dự án đầu tư	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã ngành kinh tế	Nghị quyết/Quyết định chủ trương đầu tư, Quyết định đầu tư, QĐ điều chỉnh CTĐT, QĐ điều chỉnh quyết định đầu tư/QĐ phê duyệt quyết toán		Chủ đầu tư (sau khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp)/Đơn vị tiếp nhận nhiệm vụ	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch năm 2025	Ghi chú
					Số quyết định, ngày tháng năm	TMDT				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
II	Lĩnh vực giao thông					51.760		19.458	2.300	
1	Sửa chữa, nâng cấp Cầu qua kênh tiêu lũ Vùng Sắn phục vụ phòng chống thiên tai tại thôn 10 xã Quỳnh Tân	7926083	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	283	135, 01/05/2020	3.600	UBND xã Quỳnh Văn	900	400	Tiền sử dụng đất (QĐ 5262/QĐ-UBND ngày 31/12/2024)
2	Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường giao thông từ xã Quỳnh Tân đi xã Quỳnh Văn	7938467	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	292	2584 ngày 27/12/2021	2.000	UBND xã Quỳnh Văn	2.000	400	Nguồn trung hạn của huyện (QĐ 2529/QĐ-UBND ngày 10/6/2025)
3	Đường giao thông liên xã Quỳnh Tân đi Quỳnh Trang	7975345	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	292	398, 19/8/2021	8.754	UBND xã Quỳnh Văn	1.000	1.000	Nguồn trung hạn của huyện (QĐ 2529/QĐ-UBND ngày 10/6/2025)
4	Nâng cấp đường giao thông nông thôn phía Nam kênh 17B2 xóm 10 xã Quỳnh Thạch	7340411	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	292	1867, 15/8/2022	3.500	UBND xã Quỳnh Văn	300	300	Nguồn trung hạn của huyện (QĐ 2529/QĐ-UBND ngày 10/6/2025)
5	Nâng cấp cải tạo tuyến đường GTNT thôn 13 di đập Eo dậu - đền rậm xã Quỳnh Văn, huyện Quỳnh Lưu	7999691	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	292	543/QĐ-UBND, ngày 06/12/2022	3.247	UBND xã Quỳnh Văn	600		
6	Đường giao thông liên xã Quỳnh Tân đi Quỳnh Trang	7918119	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	292		8.426	UBND xã Quỳnh Văn	700		
7	Đường GT bê tông xóm 10 đi xóm 2 xã Quỳnh Tân	7057258	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	292	số 244/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	6.475	UBND xã Quỳnh Văn	500	200	Nguồn trung hạn của huyện (QĐ 2529/QĐ-UBND ngày 10/6/2025)
8	Điện chiếu sáng thị tứ Quỳnh Thạch, huyện Quỳnh Lưu	7286124	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	292	315 ngày 30/09/2015	6.258	UBND xã Quỳnh Văn	958		
9	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên xã thôn 2 xã Quỳnh Tân		Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	292			UBND xã Quỳnh Văn	3.000		
10	Xây dựng đường giao thông từ QL1A (Quỳnh Văn) đi Quỳnh Bằng	7919636	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực X	292	1518/QĐ-UBND 31/8/2021; 136/QĐ-UBND 19/01/2022	9.500	UBND xã Quỳnh Văn	9.500		
III	Lĩnh vực văn hóa giáo dục					16.797		3.500		
1	Nhà học 3 tầng 8 phòng và các phòng hành chính trường TH A Quỳnh Văn		Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	072			UBND xã Quỳnh Văn	1.500		
2	Nhà học 2 tầng 12 phòng trường THCS Quỳnh Tân	7441326	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	073		5.297	UBND xã Quỳnh Văn	1.000		
3	Nhà học 2 tầng trường mầm non cụm trung tâm, xã Quỳnh Văn	7972171	Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI	071	1388/QĐ-UBND, ngày 30/8/2022	11.500	UBND xã Quỳnh Văn	1.000		
IV	Kinh phí đầu tư hạ tầng đất ở								796,64	
1	Kinh phí xây dựng hạ tầng, trích do, GPMB khu đất giá vùng Cồn Cồn thôn 5, Cồn Thần Hôi thảo thôn 10, xã Quỳnh Tân		Phòng giao dịch 20, KBNN khu vực XI				UBND xã Quỳnh Văn		796,64	Tiền sử dụng đất (QĐ 2702/QĐ-UBND ngày 15/6/2025)

Ghi chú: Việc điều chỉnh kế hoạch căn cứ theo các Nghị quyết của HĐND huyện Quỳnh Lưu (trước khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp): Nghị quyết số 04/2020/NQ-HĐND ngày 18/12/2020 về kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 nguồn ngân sách huyện; số 26/NQ-HĐND ngày 17/12/2021, 14/NQ-HĐND ngày 15/12/2023, 03/NQ-HĐND ngày 15/4/2024, 35/NQ-HĐND ngày 22/11/2020, 06/NQ-HĐND ngày 09/6/2025 về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025; Các Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10/01/2024, 3843/QĐ-UBND ngày 27/11/2024, 2528/QĐ-UBND ngày 10/6/2025 giao điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025 nguồn ngân sách huyện; Quyết định số 5262/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 giao kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn ngân sách huyện; Quyết định số 2529/QĐ-UBND ngày 10/6/2025 giao điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 từ nguồn ngân sách huyện; Quyết định số 2266/QĐ-UBND ngày 23/5/2025 về việc cấp phát vốn đầu tư XDCB năm 2025; Các Quyết định: số 2699/QĐ-UBND ngày 15/6/2025, số 2702/QĐ-UBND ngày 15/6/2025, số 2703/QĐ-UBND ngày 15/6/2025, số 2704/QĐ-UBND ngày 15/6/2025, số 2754/QĐ-UBND ngày 17/6/2025, số 2917/QĐ-UBND ngày 25/6/2025 về việc giao bổ sung có mục tiêu ngoài dự toán đầu năm 2025 cho UBND các xã, thị trấn; Các Quyết định: số 1740/QĐ-UBND ngày 07/5/2025, số 2654/QĐ-UBND ngày 12/6/2025, số 2705/QĐ-UBND ngày 15/6/2025, số 2755/QĐ-UBND ngày 17/6/2025, số 2756/QĐ-UBND ngày 17/6/2025 về việc giải quyết kinh phí.

Biểu số 17: CẤP BỔ SUNG NGUỒN NGÂN SÁCH TỈNH VỀ NGÂN SÁCH XÃ ĐỂ THỰC HIỆN ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 NGUỒN NGÂN SÁCH HUYỆN (CŨ) VỀ NGÂN SÁCH XÃ
(Kèm theo Quyết định số 3664 /QĐ-UBND ngày 11 tháng 11 năm 2025 của UBND tỉnh Nghệ An)

TT	Tên xã	Kế hoạch năm 2025	Kế hoạch năm 2024 đã được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài sang năm 2025	Ghi chú
1	2	3	4	5
	TỔNG SỐ	469.890,355223	63.972,692856	
A	HUYỆN DIỄN CHÂU (TRƯỚC KHI THỰC HIỆN CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG 02 CẤP)	30.774,9		
1	Xã Diễn Châu	10.315		
2	Xã Đức Châu	1.500		
3	Xã Hải Châu	5.121		
4	Xã Hùng Châu	4.295,57		
5	Xã Minh Châu	5.463,33		
6	Xã Quảng Châu	1.580		
7	Xã Tân Châu	2.500		
B	HUYỆN NAM ĐÀN (TRƯỚC KHI THỰC HIỆN CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG 02 CẤP)	63.095,968	6.266,628	
1	Xã Kim Liên	11.600	539,909	
2	Xã Vạn An	21.422	2.734,878	
3	Xã Thiên Nhân	8.073	1.294,841	
4	Xã Đại Huệ	14.340		
5	Xã Nam Đàn	7.660,968	1.697	
C	HUYỆN NGHĨA ĐÀN (TRƯỚC KHI THỰC HIỆN CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG 02 CẤP)	69.023,002523		
1	Xã Nghĩa Đàn	10.187,695		
2	Xã Nghĩa Hưng	3.520,973523		
3	Xã Nghĩa Khánh	9.255,29		
4	Xã Nghĩa Lâm	14.888,355		
5	Xã Nghĩa Lộc	12.375,268		
6	Xã Nghĩa Mai	8.438,582		
7	Xã Nghĩa Thọ	10.356,839		
D	HUYỆN TƯƠNG DƯƠNG (TRƯỚC KHI THỰC HIỆN CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG 02 CẤP)	20.289	46.706,064856	
1	Xã Hữu Khuông		710,549	
2	Xã Lượng Minh	2.075	4.923,951905	
3	Xã Nhôn Mai	1.540	8.227,209	
4	Xã Nga My	3.039,00	5.306,546875	
5	Xã Tam Quang	360,00	1.608,426	
6	Xã Tam Thái		989,794951	
7	Xã Tương Dương	6.615	14.613,867125	
8	Xã Yên Hòa	1.500	6.347,998	
9	Xã Yên Na	5.160	3.977,722	
E	HUYỆN TÂN KỲ (TRƯỚC KHI THỰC HIỆN CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG 02 CẤP)	19.130		
1	Xã Giai Xuân	2.098		
2	Xã Nghĩa Đồng	1.228		
3	Xã Nghĩa Hành	400		
4	Xã Nghĩa Thái	500		
5	Xã Tân An	2.800		
6	Xã Tân Kỳ	4.872		
7	Xã Tân Phú	3.900		
8	Xã Tiên Đồng	3.332		

TT	Tên xã	Kế hoạch năm 2025	Kế hoạch năm 2024 đã được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài sang năm 2025	Ghi chú
1	2	3	4	5
G	HUYỆN NGHI LỘC (TRƯỚC KHI THỰC HIỆN CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG 02 CẤP)	87.163,093	11.000	
1	Phường Vinh Lộc	212,000		
2	Xã Đông Lộc	12.938,794		
3	Xã Hải Lộc	12.434,874		
4	Xã Nghi Lộc	23.136,586	11.000	
5	Xã Phúc Lộc	6.016,762		
6	Xã Thân Lĩnh	8.530,000		
7	Xã Trung Lộc	4.508,591		
8	Xã Văn Kiều	19.385,486		
H	HUYỆN ĐỒ LƯƠNG (TRƯỚC KHI THỰC HIỆN CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG 02 CẤP)	128.749,702		
1	Xã Bạch Hà	3.432,169		
2	Xã Bạch Ngọc	3.510,596		
3	Xã Đồ Lương	104.161,926		
4	Xã Lương Sơn	6.509,436		
5	Xã Thuần Trung	9.701,706		
6	Xã Văn Hiến	1.433,869		
I	HUYỆN QUỲNH LƯU (TRƯỚC KHI THỰC HIỆN CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG 02 CẤP)	51.664,690		
1	Phường Quỳnh Mai			
2	Xã Quỳnh Anh	10.676,457		
3	Xã Quỳnh Lưu	13.200,000		
4	Xã Quỳnh Phú	4.765,803		
5	Xã Quỳnh Sơn	6.475,790		
6	Xã Quỳnh Tam	8.750,000		
7	Xã Quỳnh Thắng	1.650,000		
8	Xã Quỳnh Văn	6.146,640		